DÉPOT LÉGAL
I.D.E.O.
Tirage 305 ex

文學叢書
VĂN-HỌC TÙNG-THƯ

Phê-bình và Cảo-luận

CRITIQUE DE LA LITTÉRATURE MODERNE
ET
QUELQUES ESSAIS LITTÉRAIRES

Soạn-giả :
THIẾU-SƠN

in lần thứ nhất
có 12 bức hình

DÉPOT LÉGAL
INDO-CHINE
N° 19310

8° Ind
2072

Editions Nam-Ky
MCMXXXIII

2072

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

Cùng các độc-giả của

VĂN-HỌC TÙNG-THƯ

Mở xem lịch-sử nước nhà từ trước, hàng mấy ngàn năm, học nhờ viết mượn: trong nước khi thì nội-loạn, khi thì ngoại-xâm, khi thì chinh-phục người ta, lúc bị người chinh-phục, bao lâu rắc rối lung-tung, trong nước không mấy lúc được yên-tĩnh mà lo tính đến nền văn-chương học-thuật.

Khoảng đời Đinh, Lê về sau, tuy đã có người theo học chữ Tàu và Triều-đình đã mở ra khoa-cử để lục-dụng nhân-tài. Song cái học đó, chẳng qua chỉ là mô-phỏng hình-thức từ-chương, để kiếm con đường công-danh phú-quí, chứ thực ra: văn-chương, học-thuật, nào ai lí-hội đến đâu?

Văn-học-sử nước nhà sở dĩ thua kém nước người chính vì lẽ đó, mà dân-tộc Việt-Nam sở dĩ chậm lên con đường tiến-bộ cũng vì lẽ đó xui nên.

Vậy thì « tiếng nói còn thì nước ta còn » câu ấy ta công nhận thực là phải, nhưng « văn-học-sử có vẻ-vang thì quốc-dân mới mau bước lên con đường tiến-hóa » câu này há ta không đáng công-nhận hay sao?

Tuy nhiên, muốn tô-điểm một trang văn-học-sử cho được vẻ-vang, thiết-tưởng cũng không phải là một việc dễ.

Già nửa thế-kỷ nay, cũng là một sự gặp-gỡ ngẫu-nhiên trong lịch-sử dân-tộc, mà nước ta được tiếp-xúc văn-hóa Âu-tây, rồi nhờ đó mượn 25 chữ cái latin lập thành thứ chữ quốc-ngữ.

Chữ « quốc-ngữ », một thứ chữ mà nay có thể gọi riêng là thứ chữ của nước Việt-nam ta, vì nó giản-tiện rõ ràng, rất thích-hợp cho sự học của dân-gian, hơn là chữ Tàu, chữ nôm và chữ Pháp. Vì thế ít lâu nay báo-chương, tạp-chí, càng ngày xuất-bản càng nhiều, mà tiếng nói nước nhà cũng nhờ đó càng thấy dồi-dào rộng thêm hơn trước.

Tới nay Triều-đình đã lấy quốc-ngữ làm phương-châm giáo-dục quốc-dân, sĩ-phu trong nước đã biết lấy quốc-ngữ làm thang tiến hóa văn-minh, khiến cho cái công-dụng của chữ quốc-ngữ, ngày một bành-chướng mãi lên, chưa biết tới đâu là giới-hạn.

Văn-học-sử nước nhà, mai sau hoặc có một ngày được vẻ-vang lừng-lẫy, đóng góp với doanh-hoàn, thực cũng phải lấy ở quãng này để làm căn-cứ.

Vậy thì Văn-Học Tùng-Thư ra đời, há chẳng phải là một món hợp-thời thích-dụng lắm ru?

Văn-Học Tùng-Thư ra đời, lấy sự vun-bồi quốc-văn làm mục-đích mà lấy chữ quốc-ngữ để làm cơ-quan. Phàm các văn-chương sách vở, thuộc về tiền-cổ, hoặc thuộc về hiện-thời, bài nào, quyển nào, có giá-trị, là nhất-thiết lần lượt in ra thành sách, để góp thêm tài-liệu cho nền văn-học tương-lai.

Công việc tiến-hành, vẫn biết là khó-khăn trọng-đại, song cũng xin gắng sức theo đòi, để mong có ngày kết-quả.

Hiện nay Văn-Học Tùng-Thư mới xuất-bản đến cuốn thứ 7, mà đã được quốc-dân hoan-nghênh, khiến cho biên-tập đồng-nhân lại càng đem lòng phấn-khởi, cố theo mục-đích tiến-hành.

Non cao, bể rộng, cái công lần bước, đưa chèo, đã đành Văn-học Tùng-Thư cố xin đảm-nhận, song phần giúp sức ở ngoài, cũng còn mong ở các bạn đồng-văn chiếu-cố.

NAM-KÝ THƯ-QUÁN

8° Indoch.
2072

Võ phi Hùng, Cựu HS Petrus Ký, 67-74
gởi tặng Kho sách xưa của Quán Ven Đường

PHÊ-BÌNH VÀ CẢO-LUẬN

文學叢書

VĂN-HỌC TÙNG-THƯ

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 19810

Phê-bình và Cảo-luận

CRITIQUE DE LA LITTÉRATURE MODERNE
ET
QUELQUES ESSAIS LITTÉRAIRES

ÉDITIONS NAM-KY
17, Bd. Francis-Garnier — Hanoi.

TỰA

Ngày 20 mars 1932, ông Ưng-Quả, giáo-sư trường Quốc-học có đọc tại hội Trí-tri ở Huế một bài diễn-thuyết, nhan đề : « Il y a une renaissance annamite » nghĩa là « Nước ta đương có một thời-kỳ phục-hưng ». Trong bài diễn-thuyết đó ông có khảo-sát về cái hiện-trạng của văn-học nghệ-thuật nước nhà và thấy rằng ta đương ở vào một thời-kỳ phục-hưng, cũng như Âu-châu vào hồi thế-kỷ 16 vậy.

Hai chữ « Phục-Hưng » đó sợ dùng chưa được đúng nghĩa, vì dầu văn-học nghệ-thuật của ta có tấn-bộ hơn trước, thì cũng chỉ là nhờ ở cái ảnh-hưởng của văn-học nghệ-thuật Tây-phương, chứ không phải xưa kia ta đã sẵn có mà nay phục-hưng lại được, như cái cổ-học La-Hi đã chết đi mà được sống lại ở xã-hội Âu-châu hồi bấy giờ.

Tuy nhiên, bài diễn-thuyết của ông Ưng-Quả vẫn là một bài khảo-sát có giá-trị về cái hiện-trạng của văn-nghệ nước nhà. Ông đã thấy rõ cái trình-độ tiến-hoá của văn-chương Việt-Nam trong 20 năm nay và đã tìm ra được những thể văn mới phôi-thai tự Tây-học, hay nhờ có Tây-học mà được hoàn-bị hơn xưa, như tiểu-thuyết, lịch-sử, phê-bình, v. v....

Về thể văn phê-bình ông có nói mấy câu như vầy :

« Các nhà nho ta thuở trước chẳng hề dụng công « nghiên-cứu về thân-thế và những tác-phẩm của « các bậc văn-gia. Bất-quá các ông chỉ chú-thích bằng « những câu văn-tắt, khen câu thơ này, bẻ câu thơ kia, « cắt nghĩa qua một ít điển-tích vậy thôi. Nhưng mà « tuyệt-nhiên chẳng có thông-hệ, chẳng có phê-bình

« theo phương-pháp, chẳng² có nghiên-cứu về toàn-
« thể². Quyển² sách phê-bình về văn-học đã ra đời
« trước nhứt, có lẽ là cuốn tiểu²-truyện nói về
« « Thân-thế và sự-nghiệp cụ Nguyễn-công-Trứ » của²
« ông Lê-Thước. Lại mới đây, ông Thiếu-Sơn có viết
« luôn một dọc mấy bài phẩm²-bình về các nhân-vật
« trong văn-giới nước ta hiện-thời, như các ông Phạm-
« Quỳnh, Nguyễn-văn-Vĩnh, Phan-Khôi, Nguyễn-khắc-
« Hiếu, Trần-trọng-Kim, Hồ-biểu²-Chánh,..... Mấy bài
« ấy, ông Thiếu-Sơn viết bằng một lối văn chặt-chịa,
« chai²-chuốt, trong đó ta thấy cái anh²-hương² của²
« văn tây dung-hợp với cái sở²-hiểu rất chắc-chắn ...» (1).

Mấy lời ông Ưng-Quả² nói riêng về tôi, tôi sợ là quá đáng. Song nhưng lời ông nói chung về lối văn phê-bình, thiệt tình tôi phải² chịu là đúng.

Lối văn phê-bình trước kia quả² là chưa có, mà chỉ² mới thấy xuất-hiện ở² gần đây.

Từ ngày có báo-chí quốc-ngữ ra đời, thỉnh²-thoảng² tôi cũng thấy có ít bài phê-bình văn-học. Trên báo Nam-phong, ông Phạm-Quỳnh cũng có một đôi lần viết về lối văn đó. Ở² báo Phụ-nữ-tân-văn ông Phan-Khôi đã phê-bình cuốn Nho-giáo của² ông Trần-trọng-Kim và tập đầu của bộ Việt-Nam tự-điển² Khai-trí-tiến-đức. Đọc Ngọ-báo cũng thấy ông Thái-Phỉ² thường phê-bình nhưng sách mới ra đời bằng một ngọn bút rất thông-minh rắn-rỏi². In ra sách thì có cuốn « Thân-thế và sự-nghiệp Nguyễn-công-Trứ » của² ông Lê-Thước, là một công-trình khảo²-cứu và phê-bình văn-học có giá-trị lắm.

Tuy nhiên, đối với các ông kể² ra trên đây, sự phê-bình chỉ² là một phần nhỏ² trong sự-nghiệp văn-chương, chứ²

Theo bản dịch của Ông Bùi-thế-Mỹ ở P. N. T. V. số 165 25-8-32.

không thanh` hăn² một sự-nghiệp cua² một ông Emile Faguet hay một ông Jules Lemaitre.

Vậy la` nươc´ ta con` thiêu´ nhưng~ nha` chuyên-môn phê-binh`, va` sự thiêu´ đó´ tương² cung~ cơ´ thiệt-thoi` cho văn-học iť nhiêu`.

Nha` phê-binh` la` ke² đọc gium` cho người` khac´. « Le critique est celui qui lit pour les autres ».

Đọc gium` cho người` khac´, nghia~ la` cung~ một cai` công-trinh`, người` ta cung~ đọc, minh` cung~ đọc, ma` phân` minh` phai² biêť chi² cho người` ta thây´ cai` nghia~-ly´ cua² câu chuyện, chô~ dụng-y´ cua² tac´-gia², cai` nghệ-thuật cua² người` lam` va` cai` văn-thê² cua² cuôn´-sach´.

Ông Jules Lemaitre da~ tưng` noi` : « Sự phê-binh` văn-học co´ thê² la` một việc thư´-vị vô-cung`, va` co´ thê² co´ gia´-trị ngang, hoặc hơn, nhưng~ tac´-phâm² bị phê-binh`² nưa~ ».

Phai², đọc văn ma` lại co´ ke² phê-binh`, va` nêu´ sự phê-binh` lại được công-băng` sang´-suôť thi` kê² cung~ la` một sự thư´, một sự thư´ kem` theo vơi` một sự ich´.

Thư´ ma` ich´, la` vi` độc-gia² nêu´ được vui long` răng` da~ thâu´-hiêu² cai` đô` minh` đọc, thi` sự thâu´-hiêu² đó² cung~ giup´ cho phân` trí´-thưc´ va` cai` sơ²-hiêu´ cua² minh` được tăng-tiên´ va` rộng mơ² lên vậy.

Nhưng phê-binh` không phai² chi² cơ´ phê-binh` sach´, ma` cung~ co´ phê-binh` người`. Đôi` vơi` nhưng~ người` nao` viêť iť, hoặc viêť ra nhưng~ công-trinh` gia´-trị không đêu` nhau, thi` nên phân ra tưng` tac´-phâm² ma` phê-binh`.

Con` đôi` vơi` người` nao` viêť nhiêu` ma` hâu` như chi² chuyên-chu´ vao` việc trươc´-thư lập-ngôn, thi` người` đó´ chinh´ la` một sự-nghiệp văn-chương, ta phê-binh` tơi` trươc´ cung~ như ta phê-binh` ca² một bộ sach´ lơn´ vậy.

Nhân đó mà tôi đã viết ra mấy bài phê-bình nhân-vật đăng ở P. N. T. V. vào hồi tháng Juillet và Août năm 1931.

Nhân-vật trong nước không phải chỉ có mấy ông tôi đã đem ra phê-bình, mà sao tôi lại chỉ phê-bình có mấy ông đó rồi thôi ?

Nguyên cũng có cớ :

Hồi tôi bắt đầu nghĩ đến sự phê-bình nhân-vật thì vẫn định đem hết thảy các nhân-vật trong nước ra mà nói. Trong văn-giới, hay trong báo-giới, trong học-giới hay trong chánh-giới, hễ người nào có tên-tuổi, có sự-nghiệp là tôi đều muốn đem ra giới-thiệu với quốc-dân một cách vô-tư, thanh-thiệt.

Nhưng tới khi nhúng tay vào việc, tôi mới nhìn nhận thấy cái chương-trình của tôi nó lớn-lao man-mác, quá cái lực-lượng của mình.

Nhân-vật trong nước, đâu không nhiều gì, song những người đáng cho mình phê-bình, tương cũng không phải là ít. Mà trong những người đáng phê-bình đó, mình có đủ tài-liệu để phê-bình hết đặng không ? Người trong văn-giới, trong báo-giới, mình còn có thể lấy tài-liệu ở văn-chương tư-tưởng, chứ những người ở các giới khác, mình làm sao mà biết được rõ ràng đầy đủ, để phê-bình cho được chắc-chắn công-bằng ?

Bởi vậy, tôi phải thâu bớt cái chương-trình của tôi lại mà chỉ phê-bình những nhân-vật trong văn-giới mà thôi.

Dầu thế, những nhân-vật trong văn-giới, tôi cũng không thể nào phẩm-bình cho hết được.

Có sự-nghiệp tôi chưa kịp khảo-cứu, có nhân-vật tôi chưa hiểu tới nơi. Lại cũng có người mới quá, có

người viết ít quá, có người còn đương tiến mà chưa biết sẽ tới đâu, có người viết đã nhiều mà chưa kiếm ra chỗ duy-nhất .....

Những nhân-vật nào tôi chưa biết rõ, thì khi nào biết rõ, tôi sẽ có dịp phê-bình.

Những tác-giả nào còn mới quá, thì tôi hoặc chỉ phê-bình những công-trình trước-thuật, hoặc chờ cho sự tiến-hoá đã có thanh-tích rõ-ràng, rồi mới dám đề lời phán-đoán.

Bởi vậy cho nên ngoài những bài phê-bình nhân-vật, tôi có viết ít bài phê-bình sách-vở. Tôi không có đủ sách coi, nên còn bao nhiêu sách đáng phê-bình mà tôi chưa có dịp nói tới.

Thế là phê-bình nhân-vật, hay phê-bình văn-chương, thứ nào cũng còn thiếu-sót cả. Muốn bổ vào sự thiếu-sót đó, tôi có thêm ít bài cao-luận.

Cao-luận là dịch ở chữ essais, mà essais cũng là một thể với phê-bình.

Duy khác là phê-bình thì cần ở chỗ phán-đoán, mà cao-luận thì trọng ở việc khảo-cứu; phê-bình thường lấy nhân-vật hay sách-vở làm đối-tượng, mà cao-luận thường để giảng-cứu một vấn-đề hay một thể văn nào, ví dụ như essai sur le roman (luận về tiểu-thuyết), essai sur la littérature contemporaine (luận về văn-học cận-đại), v. v...

Những bài « nói chuyện quốc-học », « nói chuyện tiểu-thuyết » và bài diễn-thuyết của tôi về « báo-giới và văn-học quốc-ngữ », chính là những bài cao-luận về quốc-học, về tiểu-thuyết, về báo-giới và về văn-học nước nhà vậy.

Trong những bài cao-luận này tôi đã có dịp nói tới nhiều người, nhiều sách mà tôi không thể đem ra phê-bình riêng được.

Nhưng bai cao-luận chính là để bổ-khuyết cho nhưng bai phê-bình và cả phê-bình cung cao-luận in chung vào một cuốn sách, sẽ thành một bai lược-khảo về văn-học quốc-ngữ vậy.

Sách này mạng-danh là « Phê-bình và cao-luận » và sẽ do Nam-kỳ thư-quán xuất-bản.

Nhưng bai in vào sách, tuy nhiều bai đã có đăng báo, song cũng có 5, 7 bai tôi mới viết mà chưa từng đăng vào đâu cả.

Nhưng bai đã đăng báo, tôi không sửa đổi thêm bớt gì, để giữ làm một cái kỷ-niệm hồi mới ra góp mặt trên văn-đàn.

Bai giới-thiệu của ông Phan-Khôi ở P. N. T. V. *sẽ còn có in lại trong sách này, để tỏ lòng tư-ân của tôi đối với một bực đàn-anh tri-kỷ.*

Gia-định, ngày 26-9-33.
THIÊU-SƠN Cận-chí.

MẤY LỜI GIỚI-THIỆU

— Mạnh-dạn mà bước ra đi ! Ai nấy đương ước-ao thấy mặt ; đắc-ý hòng chết, còn làm hạnh nữa ! Sau mấy lời nói trửng với cô dâu bên trong cửa đó, ra tới trung-đường, người dẫn dâu đứng thiệt chững, cúi đầu trước mặt công-chúng, nói lớn lên rằng :

— Thưa hai họ, dâu ra mừng họ đây !

Công việc chỉ có nấy đó, mà trước rầy tôi cứ triền-hoãn với tôi mãi, toan làm, lại gác mấy lần, là ý làm sao ? có gì lạ đâu. Ấy chỉ bởi : cô dâu nếu là mới thì lối văn phê-bình nhân-vật này đối với xã-hội ta lại còn mới hơn nữa ; cô dâu quá mới ấy, nếu đáng thậm-thà thậm-thụt thì tôi là người dẫn dâu còn đáng thậm-thà thậm-thụt hơn nữa.

Thật lối văn phê-bình nhân-vật ở nước ta quả chưa hề có. Ta thường có câu « cái quan luận định », nghĩa là đến khi đậy nắp hòm rồi, mới nhứt-định sự khen chê cho một người nào. Chớ không có ai đương sống sờ-sờ ở giữa nầy, lại bị đem làm cái đối-tượng (objet) cho sự phê-bình như những ông Briand, Doumer..... bên Pháp, mà ta thường gặp trên các báo-chí ở bên. Của thuở nay không có, bây giờ có, nó phải mới. Nhưng, của thuở nay không có mà cũng không thấy thiếu, thì bây giờ có nó, chẳng phải là thừa hay sao ? — Thưa không ; bởi những lẽ sắp nói trong bức thơ dưới này mà nó không thừa.

Trước đây tôi có nhận được một phong-thơ, mở ra thấy :

« Gia-Định, ngày 18-6-31.

« Ông Phan-Khôi,

« KÍNH ÔNG,

« Trong văn-giới nước nhà, còn một thể văn ít người chịu lưu-ý đến, tức là thể văn phê-bình (Critique): phê-bình nhân-vật (personnalités) để khảo-sát lấy cái bản-ngã (le moi) của những người mà quốc-dân thường nghe tiếng, đọc văn, hoặc thưởng-thức đến những công-việc họ làm trong xã-hội; phê-bình sách-vở để định giá-trị cho những công-trình văn-nghiệp (œuvres) đã sản-xuất ở trong nước.

« Phê-bình mà đứng-đắn thì ích cho những người bị phê-bình đã không ít, mà lợi cho phần công-chúng lại là nhiều.

« Điều này hẳn ông đã từng chú-ý và có lẽ chính nhờ ở ông mà tôi nhận được ra.

« Trong những ngày giờ rảnh, tôi muốn trước hết đem những nhân-vật trong nước ra mà phê-bình; rồi lần lần sẽ phê-bình đến những sách-vở có tiếng, lưu-hành ở xã-hội.

« Phê-bình nhân-vật tôi bắt đầu từ ông, rồi lần lần sẽ nói đến những ông: Nguyễn-khắc-Hiếu, Phạm-Quỳnh, Nguyễn-văn-Vĩnh, Trần-trọng-Kim.....

« Theo thơ này, tôi gởi đến cho ông hai bài phê-bình: ông và ông Hiếu, trước hết muốn nhờ ông kiếm giùm cho một cái cơ-quan nào đứng-đắn mà đăng cho, để tôi sẽ có nơi mà viết tiếp những bài khác.

« Sau tôi lại có ý..... (Đoạn này lược bớt).

Thiếu-Sơn »

Người gởi thơ cho tôi và tác-giả hai bài phê-bình gởi kèm luôn cho tôi đó, muốn đề hiệu trên báo là « *Thiếu-Sơn* », nhưng có cho riêng tôi biết tên thật của người. Ấy là một vị thanh-niên, trong người, chúng ta đáng để nhiều hy-vọng, cứ xem văn đây thì biết; mà cơ-khổ, đến ngày nay mới chịu lên tiếng giữa văn-đàn, làm quen với xã-hội!

Khéo, kẻo tôi nói lại lạc đề! Đây tôi chỉ giới-thiệu một lối văn mới mà thôi, tức là những bài phê-bình nhân-vật sẽ đăng sau này vậy.

Để rồi độc-giả đọc coi thử ra sao, riêng phần tôi, tôi phục thiệt-tình, văn phê-bình nhân-vật mà viết như vầy, tôi phải chịu là đúng. Mới ngó như khi sơ-lược một chút; nhưng xem kỹ thì thấy ý tác-giả cốt trọng về đại-thể, chớ không cầu tường. Tôi nói «đúng», nghĩa là đúng với phương-pháp phê-bình; chớ còn sự khen-chê ở trong, tôi đâu dám lấy ý riêng mà võ-đoán.

Ông Thiếu-Sơn nhè tôi mà phê-bình trước hết, chỗ đó phải có lý. Tôi — Phan-Khôi — có đáng là người mà đem phê-bình không, ấy lại riêng ra một vấn-đề. Nhưng ông Thiếu-Sơn bắt đầu từ tôi, có lẽ ông chỉ tin tôi là người chịu cho kẻ khác phê-bình, là cái đối-tượng tiện cho ông dùng trước thì ông dùng, chớ ông không hỏi đến đáng cùng không đáng. Mà quả thật thế, tôi chịu được; nếu trong cơ-thể tôi có cái gì có thể thêm trí-thức cho khoa-học thì tôi tình-nguyện nằm im trên bàn mổ-xẻ cho ông bác-sĩ chuyên-khoa giải-phẫu, làm gì đó thì làm.

Nhưng ngặt thay! Ông Thiếu-Sơn phê-bình tôi mà lại gửi bài ngay cho tôi, bài ấy sẽ do tay tôi đăng lên báo, báo lại là báo có tay tôi nhúng vào. Như vậy, theo thế-thường, là sự « không hết tiếng »; tôi dầu trực-triệt đến đâu, ngang ngay sỗ thẳng đến đâu, cũng phải tỵ-hiềm trong sự ấy.

Ngót một tháng nay, tôi cứ đứng dật-dờ giữa sự đăng với không đăng. Không đăng thì uổng lắm, trên đàn văn thiệt mất một lối văn mới, độc-giả không được thấy những bài văn hay, hột gạo no-nê nguyên-vẹn mà để lọt xuống dưới sàn thì còn ai chẳng tiếc! Nhưng đăng thì ròng những sợ, rồi không khỏi bị lời kia tiếng nọ giữa xã-hội quá nghiêm.

Tôi đương lưỡng-lự như vậy thì vừa tiếp được bài thứ ba của ông Thiếu-Sơn gửi đến, bài này phê-bình ông Phạm-Quỳnh. Tôi tưởng ông Phạm còn có cái đại-độ chịu cho người ta mổ-xẻ bằng mấy tôi; mà đăng bài phê-bình ông đi đầu, nó bớt được cái vẻ đột-ngột đi một ít, may ra tôi khỏi đeo cái tiếng « họa phủ thân đái » vào mình thì cũng tiện. Nghĩ như vậy, rồi tôi nhờ Phụ-nữ-tân-văn phát-biểu bài thứ ba của ông Thiếu-Sơn làm bài thứ nhất và trịnh-trọng cầm bút thảo mấy lời này để trên đầu bài.

Người giới-thiệu :

Phan-Khôi.

PHÊ-BÌNH và CẢO-LUẬN

PHÊ-BÌNH NHÂN-VẬT

I. — Ông Phạm-Quỳnh

Hơn mười lăm năm nay, từ khi còn *Đông-Dương tạp-chí*, đã thấy có ông Phạm-Quỳnh ra góp mặt trên đàn văn. Trước còn những bài ngăn-ngắn dịch ở sách tây, sau tới những bồn kịch Le Cid, Horace diễn ra quốc-ngữ, qua những bài khảo về học-thuyết của các văn-hào, triết-học Thái-tây, những bài diễn-thuyết về văn-học ngôn-ngữ Việt-Nam, những bài giảng-cứu về bác-cổ-học, và Hán-Việt văn-chương, cho tới nay ông đã nghiễm-nhiên là một nhà chánh-trị có thế-lực, chủ-trì cái thuyết «Lập-hiến»: cái đời tư-tưởng của ông Phạm-Quỳnh thực đã tấn-hóa nhiều lắm, và những món

Ông Phạm-Quỳnh

hàng ông đã đem cống-hiến cho quốc-dân thiệt cũng đã gần đủ mặt.

Có người cho cái học của ông có bề mặt mà không có bề sâu, nghĩa là ông chỉ là một người học-giả có thể gọi là bác mà không có thể gọi là thúy. Có người chê cái văn của ông có vẻ trang-nghiêm đài-các quá mà không được giản-dị phổ-thông, nghĩa là óc ông đã tập quen những lễ-phép quý-phái nó không cho cây bút ông được phóng-túng lẹ-làng. Có người trách cái đời ông không được chuyên-nhứt, nghĩa là ông thường chịu ảnh-hưởng của sự ngó như là tấn-hóa ở tư-tưởng, mà kỳ-thiệt có lẽ là cái sức thao-túng ở hoàn-cảnh. Song chê hay trách mặc dầu, ta cũng phải nên biết cái chủ-nghĩa của ông để rõ được cái ý-vị của đời ông vậy.

Trước đây, khi còn ở ngoài Bắc, tôi đã có lần được ông mời lại chơi. Khi nói truyện, ông có than một câu rằng: « Đã làm người, ai lại không biết có nước; mà mình đã may có chút-đỉnh học-thức, há lại lãnh-đạm với nó được ư ? » Thế nghĩa là ông lấy quốc-gia mà thờ làm chủ-nghĩa. Mà cái quốc-gia chủ-nghĩa nầy tuy nó không được thâm-trầm huyền-bí như của Maurice Barrès mà ông đã tán-tụng nhiều lần, song nó cũng có cái tính-cách đặc-biệt khác với cái quan-niệm của những bậc thanh-niên khuynh-hướng về cách-mạng và có lẽ cũng không giống với cái ý-tưởng của những bậc lão-thành chí-sĩ nữa.

Vậy thì nước, đối với ông Phạm-Quỳnh là gì ? Ông đã dịch lời Renan mà giải-nghĩa nó ra rằng: « Một nước cũng như một người, là kết-quả một cuộc quá-khứ lâu-dài, những công-phu khó-khăn nhọc-nhằn

mới làm nên.... Một cuộc lịch-sử vẻ-vang, những bực danh-nhơn hiền-hách, cái vinh-dự chân-chánh, đó là cái vốn chung có thể gây nên một nước. Về đời trước thì có những sự vẻ-vang chung, về bây giờ thì có cái chí-nguyện chung; trước đã làm nên công-nghiệp lớn, giờ còn muốn làm được như thế nữa, đó là cái điều-kiện thứ nhất cho được làm một dân, một nước... »

Bởi vậy mà ông là một nhà hiếu-cổ, thủ-cựu ; xuất-thân ở Tây-học, cảm-hóa theo Tây-học mà lại ưa cái đạo-lý quân-tử của Khổng, Mạnh, cái triết-học lãng-mạn của Lão, Trang, cái thi-vị của những câu ca-dao nơi thôn-dã, cái êm-đềm của nền văn-hóa cũ nước nhà. Ông cho những cái đó là cái gia-sản về tinh-thần của tiền-nhân để lại, ta phải phát-huy nó ra, giữ lấy nó làm cái căn-bổn cho cái văn-minh của nước nhà, cũng như cái cổ-học La-mã, Hy-lạp đối với văn-hóa Tây-phương vậy.

Tuy nhiên, cái thủ-cựu của một nhà Tây-học nó cũng không đến nỗi tối-tăm như của một vài bạn nhà nho. Ông muốn bảo-tồn lấy những cái đặc-sắc trong văn-hoá Đông-phương, mà ông biết rằng cái văn-hoá ấy cần phải dung-hòa với cái văn-minh Tây-phương mới có thể sống được với cái đời khoa-học nầy.

Nên chi những công-trình về văn-học, triết-học của Âu-châu và nhất là của nước Pháp, ông diễn-dịch ra quốc-văn rất nhiều, mà dịch thật đúng, thật hay, vừa biết tôn-trọng cái nguyên-ý của tác-giả lại vừa lựa theo cái giọng-điệu của quốc-văn.

Bởi muốn mưu cái công-cuộc mới-mẻ đó, mà cái tiếng nói bản-quốc còn nghèo-nàn túng-thiếu quá,

nên ông lại phải lo tài-bồi cho quốc-văn, mượn những danh-từ triết-học khoa-học của tiếng Tầu tiếng Nhật cho nhập-tịch vào quốc-ngữ để có thể diễn-thuật được những cái mà tiếng nôm ta không đủ để gọi ra.

Thế là cái quốc-gia chủ-nghĩa của ông Quỳnh nó sống về thủ-cựu mà lại phải cứu-cánh ở tương-lai, bổn-tánh nó hòa-bình mà chỉ hướng về văn-hóa.

Nếu ông cứ yên-trí, đem cái học rộng tài cao, nhờ ngọn bút rắn-rỏi của mình mà phụng-sự nó về phương-diện ấy thì cũng đã hết lòng với nó rồi. Cái công-phu trứ-tác của ông, ích cho quốc-dân không phải là nhỏ mà ảnh-hưởng đối với nhân-chúng cũng thiệt là sâu. Có nhiều người không biết đọc văn Tây văn Tầu, chỉ nhờ *Nam-Phong* hun-đúc mà cũng có được cái trí-thức phổ-thông, tạm đủ sinh-hoạt ở đời. Có nhiều ông đồ Nho chỉ coi *Nam-Phong* mà cũng biết được đại-khái những văn-chương học-thuật của Tây-phương. Có lắm ông đồ Tây chỉ coi *Nam-Phong* mà cũng hiểu qua được cái tinh-thần văn-hóa của Đông-Á. Ở Hà-tiên lâu nay có một cái đoàn-thể học-vấn, kêu là « Trí-đức học-xá » chỉ chuyên học quốc-văn, người chủ-trương nó là ông Đông-hồ Lâm-tấn-Phác (1); thường chỉ lấy *Nam-Phong* làm sách giáo-khoa và cũng dùng *Nam-Phong* làm cơ-quan để đăng những bài luận-văn của mình.

Cái cây bút quốc-văn của ông Phạm-Quỳnh nó đã ảnh-hưởng đến thế, mà cái cây bút Pháp-văn của

(1) Tác-giả tập Thơ Đông-hồ, Nam-ký xuất-bản 1933.

ông, nó cũng danh-giá lắm thay. Mấy bài diễn-thuyết ở Paris đã có người Tây cho là kinh nhật-tụng của người Pháp ở thuộc-địa (bréviaire colonial) và những bài xã-thuyết của ông ở báo France-Indo-chine cũng được nhiều người khen ngợi lắm. Người ta khen cái giỏi của ông, nghĩa là người ta nhận là An-nam có người giỏi. Mà đã đọc văn ông, tất cũng có thể biết thêm được cái tinh-thần bổn-sắc của nước Việt-nam nó cũng không đến nỗi hèn-kém gì.

Vậy mà ngòi bút dùng đến thế, ông còn chưa lấy làm vừa ý thay! Bạch-lạc-Thiên thuở trước chỉ những lúc rảnh việc ở nơi triều-đình mới nghĩ đến việc văn-thơ, thì Thượng-chi tiên-sinh bây giờ há lại chịu chỉ đóng vai « văn-sĩ »? Không, cái thị-dục của ông nó còn bắt ông làm thêm nữa. Từ cái đời hiu-quạnh của nhà làm báo, ông liền chạy vào cái đời náo-nhiệt của một nhà chánh-trị. Căn-cứ vào cái quan-niệm riêng của ông, ông khởi-thảo ra một cái chương-trình Lập-hiến mà cho rằng nếu thiệt-hành ra thì sẽ thoả-mãn được cái tư-tưởng quốc-gia của dân-tộc An-nam và định-yên được thời-cục.

Trước kia đã vì cái quốc-gia chủ-nghĩa của ông nó được thi-hành trong phạm-vi văn-hoá mà thiên-hạ đã nhao nhao lên phản-đối ông. Bây giờ lại vì cái quốc-gia chủ-nghĩa ấy nó sẽ được thiệt-hành ra chính-trị mà thiên-hạ lại nổi lên công-kích ông nữa. Trước là nhân cái phong-trào gây nên ở sự qui-quốc của cụ Sào-nam và sự truy-điệu cụ Tây-hồ mà có cái tâm-lý phản-đối ông, nghĩa là phản-đối cái thái-độ hòa-bình của ông giữa lúc quốc-gia đa-sự. Song những người thức-giả vẫn biết ông, và cái phong-trào đó qua rồi, thì quốc-dân lại hiểu ông

ngay, hiểu rằng để cho ông ở cái địa-vị hoà-bình mà giúp nước còn ích hơn bắt ông ra phấn-đấu ở trên trường chánh-trị, là thứ không hợp với cái khuynh-hướng của ông.

Nay ông lại ra làm chính-trị! Cái chương-trình Lập-hiến của ông nó cũng có giá-trị lắm chớ! Nhưng chỉ sợ nó thiệt-hành ra không được dung-dị như cầm cây bút mà viết lên trên giấy. Chỉ sợ cái đời học-vấn của ông nó ít kinh-nghiệm, và cái địa-vị quý-phái của ông không cho ông được trực-tiếp với những cái nguyện-vọng thâm-thiết của công-chúng, mà rồi cái lâu-đài Lập-hiến nó sẽ không gặp địa-lợi ở cái nước Nam nầy, để xây nền đắp móng cho quốc-dân có chỗ nương-nhờ chăng?

Những kẻ phản-đối ông Quỳnh một cách vu-vơ ngu-muội, không nói làm chi. Song những người có kiến-thức, có kinh-nghiệm, hiểu rõ được cái bịnh-căn của thời-thế, thấu rõ được cái xu-hướng của dân-tâm, mà công-kích ông, thì vị-tất đã là vô giá-trị cả đâu.

Nếu vạn-nhất cái quốc-gia chủ-nghĩa của ông nó không lợi cho quốc-dân khi đem thiệt-hành về chính-trị, thì có lẽ nó cũng phải sút kém lây cả về đường văn-hóa nữa. Sự đó ta chưa thấy. Nhưng điều ta thấy hiển-nhiên là : *Nam-Phong* nay hầu như đã kém hay hơn trước.

Nguyên cớ vì đâu?

Có phải vì chủ nó đã bỏ nó mà ra làm chánh-trị không?

II. — Ông Phan-Khôi

Nói đến ông Phan-Khôi thì hẳn ở xã-hội ta cũng đã nhiều người biết lắm. Trong văn-giới ông cũng là một người tai-mắt, mà trong báo-giới ông cũng là một bậc đàn-anh. Ông xuất-thân trong phái nho-học, song đối với tây-học ông có một cái khuynh-hướng đặc-biệt và cũng sở-đắc được nhiều. Văn ông giản-dị mà sáng-sủa, ý ông mới-mẻ mà thâm-trầm. Ông thiệt là một người có tài. Cái công-phu lập-ngôn của ông đối với quốc-dân cũng là cần-thiết lắm vậy.

Tuy nhiên, nếu người đời ít được hoàn-toàn, thì ông Phan-Khôi cũng không khỏi có một đôi điều khuyết-điểm.

Ông nhờ có chuyên thêm về tây- học mà văn ông mới được rõ-ràng khúc-chiết, không có cái vẻ bóng-bẩy, mơ-màng, tối-tăm, lộn-xộn, như mấy ông đồ cổ. Đây là ông được nhờ về cái phương-pháp khoa-học; song ông quá say-mê nó, cứ theo nó riết, hầu như muốn bỏ hẳn cả cái nho-học sở-hữu của ông.

Nho-học đối với ông là một người vợ tao-khang đã từng gắn-bó lâu rồi, cái ảnh-hưởng đối với ông hẳn cũng thâm-thiết lắm chớ. Tây-học đối với ông chỉ là một người tình mới có, cái tư-tưởng, tánh-tình, cái tinh-thần, bổn-sắc của nó, ông chắc đã thâm-hiểu được chưa?

Thế mà nay ông theo cô Logique để bài-bác ông Khổng, ông Mạnh, mai ông cùng chị Grammaire đi sửa lỗi văn-pháp cho cổ-nhân.

Ông không biết rằng cái lý có khi đập chết cái tình, mà văn-pháp có khi làm tuyệt ngòi hứng-cảm.

Thiệt vậy. Ông quá tin khối óc ông mà khối óc ông đã phản ông đây. Lúc nào ông cũng « một với một là hai », mà ông đã bỏ biết bao nhiêu cái chân-lý nó đi qua ông, chỉ cần có chút trực-giác là ông có thể lãnh-hội được.

Văn ông trước sau tôi vẫn phục là sáng-sủa, nhưng cũng vì ông ít tình-cảm quá mà nó cũng thiếu vị đậm-đà. Cái văn-thể của ông nó cũng một tánh-cách với cái văn-thể của Voltaire. Nó cũng rõ-ràng đứng-đắn, có khi lại mát-mẻ như có vẻ ngạo đời, có khi lại đanh-thép như giọng người trưởng-giả. Nhưng cái lối văn đó khiến người ta hiểu, thì được, để người ta cảm, thì không; nó có thể làm vui cho khối óc mà không cám-dỗ được cõi lòng.

Trái lại, cái văn của Rousseau, nó có lẽ không được sáng-sủa trong-trẻo như của Voltaire, song nó đậm-đà thống-thiết, khiến người đọc phải cảm-động, phải bồi-hồi, phải kích-thích tới tâm-can, phải phấn-chấn ra hoạt-động. Cái ảnh-hưởng của Rousseau đối với dân Pháp hồi đó, có phần sâu-xa hơn Voltaire, há chẳng nhờ ở cái văn tình-cảm đó ư?

Cái văn tình-cảm, ông Phan-Khôi đã bỏ mất, mà đọc văn ai, hễ thấy pha giọng tình-cảm là ông chẳng dung. Tỷ như có hồi ông đã chê một đoạn văn của

ông Huỳnh-thúc-Kháng trong bài phản-đối ông Phạm-Quỳnh vậy.

Ở cái tình-thế quốc-dân ta bây giờ, cái lối văn sáng-sủa để giác-ngộ cho đời cũng là nên có, song cái lối văn đậm-đà bi-tráng đủ cảm-hóa lấy thế-đạo nhân-tâm, cũng không phải tuyệt-nhiên là nên không vậy. Ta nên phục Lương-khải-Siêu, trong văn-thể đã khéo có cả hai cái tánh-cách «sáng-sủa» và «đậm-đà», thiệt là cái văn cứu thời, ích cho dân Tàu biết bao nhiêu!

Đã vậy, ông Phan-Khôi lại là người có cái tánh khắc-khổ, nhất nhất cái gì cũng phải hai năm là mười mới chịu. Hơi sai một chút là ông viện luận-lý, mang văn-pháp ra cãi cho kỳ được mới nghe Hễ chịu thì ông thôi, mà hễ cãi thì ông cậi lại hoài. Thành ra tự-tín mình quá mà có khi chính ông phản-đối chân-lý mà ông không ngờ.

Trước đây hình như ông đã có lần ông giảng-nghĩa về thi, chê một người «cha chết mà cũng làm thi», rồi nói rằng thi là nguyên-lai ở nhạc, và không bao giờ lại để tả sự buồn. Lúc đó ông nói một cách quả-quyết, lấy chứng-cớ ở thi-học Đông-Tây, mà bây giờ có lẽ ông cũng đã nhận biết là ông nói sai rồi vậy. Thi là tiếng nói của lòng, theo cái tánh-tình, cảm-giác của nhân-sinh mà lưu-lộ, thì lẽ đâu lại chỉ nói đến sự vui mà không biết nói đến sự buồn? Kìa bài thơ Cai-hạ, nọ giọng hát Ly-tao, kìa con gái từ-trần mà Hugo đem giọt nước mắt tưới giấy nên thơ,

nọ mẹ già thoát tục mà Lamartine làm thơ khóc mẹ; há phải đều có một cái tâm-trạng an-vui đâu vậy (1).

Thiệt-tình thì ông Phan-Khôi quá tin-dùng khối óc mà ruồng-bỏ trái tim của ông, nên người ông đã ít tình, văn ông lại ít cảm, ông đã không có cái tâm-hồn của một nhà thi-sĩ mà ông cũng không có cái tín-ngưỡng của một kẻ tôn-giáo. Ông bình-phẩm về văn-thơ đã không được đích-đáng, thì cuộc tranh-luận của ông cùng sư Thiện-Chiếu hồi trước đây, cũng là không nên có vậy (2).

Tuy nhiên, ở một nhà học-giả như ông thì cái khách-quan chủ-nghĩa cũng không có gì là mâu-thuẫn. Nếu ông không bàn đến tôn-giáo và cũng

---

(1) Tôi do sự kinh-nghiệm xưa nay mà nói, trong khi cha chết không thể làm thơ khóc cha thì có; chớ tôi không hề nói thơ không để tả sự buồn. Chỗ này là chỗ tác-giả lầm. Bởi vậy tôi có khuyên ông Thiếu-Sơn muốn phê-bình ai thì phải quan-sát người ấy cho tới nơi tới chốn, nhất là phải đọ văn họ cho kỹ, và khi dẫn-dụng phải chỉ rõ xuất-xứ minh-bạch.

(2) Cuộc này nói cho đúng ra, không nói là tranh-biện được. Bởi vì lúc đó tôi có viết bài phê-bình về cuốn sách « Phật học tổng yếu » của sư Thiện-Chiếu, rồi sư viết lại mấy bài biện-bác, tôi biết sư không nghe thì thôi không hề viết lại một lời, vậy thì có gọi là tranh-biện được đâu. Có nói qua nói lại với nhau nhiều lần như ông Trần-trọng-Kim với tôi mới là tranh-biện. Lại, trong sự phê-bình này, tôi chỉ tỏ rõ ra cái ý dịch kinh, bất kỳ kinh gì, phải cho đúng với nguyên-văn từng chữ. Nếu cái ý ấy là sai-lầm thì cuộc phê-bình đó cũng không nên có thật!

Phan-Khôi

không nói đến tình-cảm là những cái nó không thể nào thích-hợp được với cái óc luận-lý của ông, mà ông cứ chuyên-tâm về sự học-vấn, tìm-tòi phát-huy những chân-lý ra đời, thì ông thiệt là có công với quốc-dân vậy.

Nếu ông chuyên Tây-học mà không chịu để nó mê-hoặc ông, ông chỉ nhờ nó lấy cái phương-pháp tinh-tế phân-minh mà khảo-cứu về văn-chương học-thuật của Trung-quốc và của nước nhà, là cái mà ông đã sành rồi, thì cái công ông đối với văn-học sau này của ta không phải là nhỏ đâu.

Thời buổi nầy, người theo Tây-học không phải là ít, mà người sở-đắc ở Tây-học cũng một ngày một nhiều. Chớ còn được những người nho-học rỏi-rắn như ông thật là hiếm. Những cái hiếm đó tôi mong rằng nó sẽ không bỏ chúng tôi mà đi lầm theo đường khác.

Ngoài ra, ông lại rất có công với quốc-văn.

Quốc-văn sau nầy mà được một ngày một hoàn-toàn và có thể duy-nhất được cả Nam-Bắc, ấy là có một phần nhờ ở công ông đã vun-trồng sửa-đổi, cổ-động, hô-hào và nhờ ở sự ông đã thiệt-hành ra cho người ta bắt chước vậy.

Phàm đã gọi là nhân-vật của nước, thì người trong quốc-dân cũng phải biết quan-niệm ra sao.

Tôi cả gan đem ông ra mà bình-phẩm, chính là vì quốc-dân mà giới-thiệu ông với quốc-dân vậy.

Trong cuộc giới-thiệu nầy, tôi không ca-tụng ông lắm, như thế người ta sẽ cho là tôi nịnh ông. Tôi không có ý nói xoi-mói ông, ví tôi không có ác-cảm riêng gì với ông.

Tôi muốn vẽ ra một vài cái điểm đặc-biệt ở trong cái tánh-cách của ông, dầu có những cái điểm yếu (points faibles) mà tôi thấy, tôi cũng không bỏ qua, là cầu cho sự giới-thiệu của tôi được công-chính, cho quốc-dân biết tới cái chân-giá của ông mà thưởng-thức cái công-trình văn-nghiệp của ông cho có bổ-ích vậy.

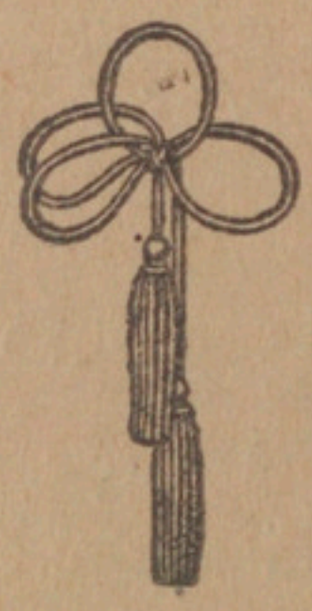

III. — Ông Nguyễn-khắc-Hiếu

Cũng như ông Phan-Khôi, ông Nguyễn-khắc-Hiếu ở về phái nhà nho. Mà đây là nhà nho đặc, nhà nho thuần-tuý, nhà nho sùng ông Khổng, tôn ông Mạnh, nhà nho không hay xài đến *luận-lý-học*, và cũng ít nói đến *mâu-thuẫn-thuyết* như ông Phan.

Ngoài ra, Tản-Đà tiên-sinh lại ngông hơn hết thảy. Đời đục, tiên-sinh trong. Đời tối, tiên-sinh sáng. Đời quay-cuồng trong nhân-dục tư-lợi, tiên-sinh sống ở thế-giới tinh-thần.

Cái đặc-sắc trong người tiên-sinh là cái « tình », cái tình nặng, cái tình sâu, cái tình mộng-huyễn, cái tình nên thơ, cái tình cùng với nước non cây cỏ mà dung-hòa họa-vận, cái tình cùng với thế-đạo nhân-tâm mà nên giọng chua-cay.

Tản-Đà tiên-sinh là một nhà thi-sĩ vậy. Ông đã có cái khí-tiết thanh-cao, lại có cái tâm-hồn lãng-mạn; ông đã có cái tánh-tình đa-cảm, lại có cái cây viết nên thơ. Lamartine người ta đã từng gọi là « thơ sống », thì ông Tản-Đà nay cũng có thể gọi là « người thơ ». Duy khác, là Lamartine đã từng phải ngây-ngất trong cõi tình-trường, triền-miên trong vòng thương nhớ, mà mới nầy ra cái giọng bi-thiết tiêu-tao. Mà ông Tản-Đà chỉ dan-díu với người trong-mộng, bắt tình với kẻ đâu đâu, rồi cũng thương, cũng nhớ, cũng biệt, cũng ly, cũng nầy lên những áng văn đậm-đà tình-tứ, khiến cho độc-giả phải yêu ông, phải

mến ông, vui ở cái đời mộng-ảo của ông, mà cùng ông khăng-khít biết bao tình!

Đời ông như thế, ai bảo không có ích cho người đời! Đã đành, đời không phải là mộng, mà người đời cũng còn nhiều công-việc phải làm. Nhưng thế-giới cạnh-tranh nhơn-loại tiến-hóa, mà cái « cõi lòng » của nhân-sinh nó vẫn chỉ thế thôi.

Trong cõi lòng đó, từ thượng-cổ đến nay, những sự bi-thương oán-cảm, những điều khoái-lạc an-vui, không bao giờ là không có, mà cũng không bao giờ là không sanh. Thương ai mà ngậm-ngùi? nhớ ai mà thơ-thẩn? mất ai mà đau lòng? cùng ai mà vui-sướng? Ta không có văn-tài mà tả-diễn được ra, thì nhà thi-sĩ chính là để giúp ta mà cho ta coi được tới cái cõi lòng của ta vậy.

Trong cái đời quay-cuồng vật-chất này, đã có người cùng ta họa cái bản đờn của « trái-tim » mà cùng làm bạn với ta ở trong thế-giới tinh-thần, há chẳng khiến cho đời ta được êm-đềm cao-thượng lên du? Cái công ơn của Tản-Đà tiên-sinh đối với đời là thế.

Vậy mà ông chẳng thèm nhận-chân lấy địa-vị đặc biệt của ông ở trong văn-giới nước nhà. Con đường mà Tạo-hóa vạch sẵn cho ông, ông không chịu đi, lại chỉ định tự-vạch lấy con đường nó sẽ đưa ông tới chỗ thất-bại mà thôi.

Thiệt vậy. Từ đã lâu, ông chỉ nuôi có cái hy-vọng làm một nhà *văn-học kiêm triết-học*, mà rồi nay ông bôn-tẩu theo nghề làm báo, mai ông vận-động ra tạp-chí *Annam*. Ông lầm đường rồi, ông ơi! Ông

mà chạy theo văn-học thì cái thi-cảm của ông nó tất phải lên mây, mà nếu ông cứ mài-miệt triết-học thì cái đời của ông nó cũng là hết mộng.

Cái kiến-thức, ở một nhà văn-học, phải cần cho quảng-bác; ở một nhà triết-học phải cần cho tinh-vi; ở một nhà ngôn-luận phải cần cho thiết-thực; ở một nhà trước-tác phải cần cho phân-minh. Mà muốn cầu lấy một cái kiến-thức quảng-bác, tinh-vi, phân minh, thiết-thực, ở một nhà thi-sĩ, thì một là không thể có được, hai là cái bồn-ngã (le moi) của nhà thi-sĩ phải mất đi, để thay một cái bồn-ngã khác vào.

Đối với các bực học-giả, ngôn-luận chân-chính trong nước, không biết ông có ngày theo kịp không, mà riêng đối với ông thì ông đã tự-giết một nhà thi-sĩ thân-yêu của quốc-dân vậy.

« *An-nam tạp-chí* » nay là ông Nguyễn-khắc-Hiếu nào, chớ có phải là ông Nguyễn-khắc-Hiếu, tác-giả những quyển *Giấc mộng con, Tản-đà tùng-văn, Khối-tình con* nữa đâu!

Nhà thi-sĩ đã chết rồi! nhà ngôn-luận ta chưa thấy!

Những bài xã-thuyết, luận-thuyết, cho chí những bài khảo-cứu, hài-văn, ở trong « cái cơ-quan tiến-thủ của quốc-dân » ấy, tôi không thấy nó được mới-mẻ như của ông Phạm-Quỳnh, thâm-thúy như của ông Phan-Khôi, hoặc rắn-rỏi như của cụ Nguyễn-bá-Học, hoặc có duyên như Hỷ-đình Nguyễn-văn-Tôi. Mà những bài thơ, bài văn, như hát, như đờn, như mơ-màng trong cõi mộng, như giọng nói của trái-tim, nay tìm đâu cho thấy!

Mà phải, đã chủ-trương một cơ-quan ngôn-luận, lý-ưng phải có cái giọng văn dạy-đời.

Song nếu cái nghề dạy-đời, nó không phải là cái sở-trường của ông, thì sao ông không lại « ru đời » là cái việc của Tạo-hóa đã trao cho ông, mà chúng tôi cũng trông-mong ở ông vậy?

Nhà thi-sĩ thân-yêu của quốc-dân biết bao giờ lại trở lại với chúng tôi?

Nếu thiệt ông không phụ-tình chúng tôi, thì trong thi-học-sử sau này của nước nhà, hẳn ông cũng chiếm được cái địa-vị vẻ-vang vậy.

VI. — Ông Trần-trọng-Kim

Cách mười mấy năm nay, khi tôi còn học ở Moncay (Bắc-kỳ), ông Trần-trọng-Kim đã có lần ra thanh-tra trường-học của tôi. Nay tôi phê-bình tới ông, ai ngờ lại là trò phê-bình thầy. Sự chê đã đành là lỗi đạo mà lời khen tưởng cũng chẳng giá-trị gì. Ông Trần hẳn cũng không biết tôi là ai, song đối với tôi thì, điệu đi, tướng đứng, giọng nói, câu cười, một cái phong-nghi nghiêm-chánh đàng-hoàng của ông, nay còn như ẩn, như hiện ở trong óc tôi, mà chiếm cái cảm-tình của tôi vậy.

Ông Trần-trọng-Kim

Ông mới thật được tiếng từ ngày có quyển *Nho-giáo* ra đời, song đối với những bực trí-thức trong nước, thì cái giá-trị của ông đã rõ-rệt ra từ lâu rồi vậy. Những bài khảo-cứu về đạo-giáo trong báo Nam-phong, những bài diễn-thuyết về truyện Kiều ở hội Khai-trí, những bài luân-lý vừa giản-dị vừa thâm-trầm rất bổ-ích cho bạn thiếu-niên, hai quyển *Annam sử-lược* biết bao nhiêu công-trình kê-cứu, há chẳng đủ cho biết cái học-lực, cái văn-tài và cả đến cái tâm-sự của ông nữa ư ?

Khác với nhiều người được cái học ở nhà trường hun-đúc, ông chỉ sở-đắc ở cái học lấy, sau khi ra trường (enseignement post-scolaire).

Nguyên ông đã rắp chí làm một nhà học-giả, nên cái học của ông nó trọng lấy sâu mà không cần lấy rộng, nghĩa là nó có tánh-cách chuyên-môn.

Ông chuyên môn về hai khoa : cổ-học và sử-học; nghĩa là ông muốn khôi-phục lấy cái đời tinh-thần và thiệt-tế của tiền-nhân ta. Cũng như nhiều nhà trí-thức, ông quan-niệm nhân-loại từ xưa đến nay, cho tới sau này nữa, chỉ là một người nó cứ tấn-hóa cùng thời-gian mãi-mãi, không bao giờ phải gián-đoạn mà không một phần nào là hư-vô. Cái sanh-hoạt của tiền-nhân ta, ta phải biết. Cái trí-thức của tiền-nhân ta, ta phải có. Ta nên đem cái trí-thức đó mà cộng vào với cái trí-thức của ta. Ta đem cái sanh-hoạt đó mà sáp-nhập vào cái sanh-hoạt của ta. Rồi ta ở đó mà tấn-hóa đi, thì cái tấn-hóa đó mới có căn-bổn, có ý-nghĩa, có lời mà không có lỗ. Nhà triết-học Renan có nói : « người ta không nhất-đán mà thành được » (l'homme ne s'improvise pas). Vậy thì cái công-phu của tiền-nhân ta hoặc dùng về lịch-sử, hoặc dùng về văn-học, đều là giúp cho sự tấn-hóa của ta, làm cái giây liên-lạc cho tuổi sau này của nhân-loại.

Nhân cái quan-niệm đó mà ông Trần-trọng-Kim « không quản sự khó-khăn », « không sợ việc to-lớn », « đêm ngày nghĩ-ngượi, tìm-kiếm », đã làm ra hai bộ sách, như tôi nhìn, thì có lẽ có giá-trị hơn hết trong cái thư-viện còn nghèo nàn của quốc-văn bây giờ, là bộ *Việt-nam sử-lược* (đã ra trọn bộ 2 cuốn) và quyển *Nho-giáo* (đã ra đến cuốn thứ ba).

Sử-học của nước ta vốn còn khuyết-điểm nhiều lắm ; cái phương-pháp khoa-học dùng để tìm-kiếm

tài-liệu đã chưa có, mà cả đến luật-lệ nhất-định cho sử-gia, cùng cái triết-học của lịch-sử cũng thiếu nữa. Vậy có phê-bình cuốn *Việt-Nam sử-lược* của ông Trần, ta cũng không nên quá nghiêm mà trách bị cầu-toàn mới phải. Cái văn cổ-kính điềm-đạm, lời thuật sáng-sủa dồi-dào, cách xếp-đặt có trật-tự phân-minh, ý cai-quát được rõ-ràng khúc-chiết, ấy là những cái đặc-sắc của bộ *Việt-nam sử-lược*.

Còn, nếu muốn cho lịch-sử được gián-đoạn hẳn với những sự thần-kỳ quái-đản ; hoặc muốn cho sử-gia phải bỏ bớt chuyện vua mà nói chuyện dân (như ý Aug. Thierry), phải bỏ bớt những sự hưng-suy thành-bại của từng nhà mà nói đến sự tấn-hóa về tinh-thần, trí-thức, về mỹ-thuật kinh-tế, của dân nước (như ý J. Michelet), hoặc phải bỏ hẳn mình ra ngoài, nhường lời nói cho tài-liệu (như ý Fustel des Coulanges), thì xin hãy ráng chờ cho tới khi nước ta sẽ có một cái trình-độ khoa-học như Âu-châu, và cho sử-học của nước ta sẽ tấn-bộ thêm lên vài bực nữa.

Tôi quyết-đoán rằng sau ông Trần, sẽ còn có nhiều sử-gia hoàn-toàn hơn ông. Song hiện nay tôi mới thấy bộ *Việt-Nam sử-lược* là hơn hết. Chẳng những là một bộ sách giáo-khoa về lịch-sử có giá-trị, mà còn là một bộ sử-ký của khắp cả những ai muốn rõ lịch-sử nước nhà.

Chuyên về sử-học đã là khó, mà khảo về cổ-học lại còn khó hơn. Kẻ viết sử có thể là người chép chuyện (chroniqueur) chỉ tham-khảo ở các sách của tiền-nhân mà viết ra cho đầy đủ hơn, cho có thống-hệ trên dưới, cho có trật-tự trước sau. Còn muốn làm một

nhà cổ-học (humaniste), không những là phải đọc sách cổ-nhân cho nhiều, phải thuộc kinh-truyện cho lắm, mà lại còn phải rõ tới cái chỗ dụng ý của cổ-nhân, hiểu tới cái tinh-thần của sách-vở; bao nhiêu những cái trí-thức của các nhà học-giả nước mình, mình phải biết, rồi lại phải lấy cái đại-ý mà toát-yếu (résumé) cho rõ-ràng, dùng phương-pháp phân-chất (analyse) để lọc các vấn-đề cho được đủ phương-diện, lại phải hiệp-chất (synthèse) lại để nhận lấy chỗ duy-nhứt của nó.

Nhà cổ-học cũng như một nhà thám-hiểm, vào trong một cảnh rừng rậm, trước hết phải biết đường-lối để đi cho khỏi lạc, rồi lại phải vẽ họa-đồ để chỉ-dẫn cho người sau. Cái rừng cổ-học ở Á-Đông nó cũng như cái rừng thiệt ở Á-Đông: kẻ lạc vào thì vẫn có mà người vẽ lối, hỏi mấy ai? Tôi tưởng ở nước ta chỉ mới có ông Trần-trọng-Kim thôi vậy. Trước ông cũng đã có ông Phan-kế-Bính, tác-giả quyển *Việt-Hán văn-khảo*, song sách đó khí sơ-lược quá. Với ông cũng có ông Phạm-Quỳnh, giáo-sư khoa cổ-học Hán-Việt ở trường Pháp-chánh Hà-nội, song những bài giảng-cứu của ông có khí-vị nhà-trường quá.

Duy mới có ông Trần chịu khổ-công khảo-cứu đến nơi đến chốn, vẽ hẳn một bản-đồ lớn, trong có cả những lối nhỏ đường hẹp, cho những ai cầu học được thỏa lòng tìm-kiếm.

Theo bản đồ đó mà đi, có người nói là sẽ gặp ông trước khi gặp cổ-nhân, nghĩa là có ý nói ông nhiều chủ-quan quá, thường hay ức-đoán theo cái sở-kiến của mình, làm sai-lạc cái nguyên-ý của người trước.

Lời phản-đối này tưởng cũng có thể nhận là phải được.

Nhiều chỗ như ông có ý ép, có ý thiên, có ý võ-đoán cho xong chuyện, có ý ngụy-biện để giải-quyết. Như cái nghĩa tôn-quân mà giải-nghĩa là tôn-quân-quyền, như nho-học mà cho là dung-hòa được với khoa-học, như cái trực-giác mà nhận là có thể dùng vào sự cách-vật trí-tri, lại suy nghĩa tùy-thời mà cải-lương cái đạo-học của cổ-nhân, thì thiệt là không được thỏa-đáng vậy.

Trong bài tựa sách Nho-giáo, ông có hứa sẽ đứng vào địa-vị khách-quan mà nghị-luận, mà sao còn để phần chủ-quan vào sự nghị-luận của ông?

Hoặc ở trong rừng nho-học ông cũng chịu cái ảnh-hưởng của hoàn-cảnh chăng?

Hoặc tín-đồ của nho-giáo ông cũng có bụng thiên về đạo chăng?

Nếu không thì chỉ nên cho rằng một cái công-trình to-lớn đó mà dám bắt đầu tự mình đương lấy, tất cũng không khỏi có đôi điều khuyết-điểm ở trong.

So-sánh với đại-thể thì sự khuyết-điểm có là bao.

Vậy quyển Nho-giao vẫn là cái vinh-dự cho cái thư-viện quốc-văn bây giờ. Ta phải biết ơn tác-giả của nó.

V. — Ông Nguyễn-văn-Vĩnh

Trước đây mấy năm có một người tây phê-bình nhân-vật Annam, đã cho ông Nguyễn-văn-Vĩnh là một nhà buôn (un commerçant) không xá nói đến làm gì; xét đoán ông như vậy cũng khí nông-nổi quá. Nhưng, sự thiệt mắt thấy, ai lại chẳng biết cái sức hoạt-động của ông ở trên trường thực-nghiệp, nhờ ở cái tài kinh-tế khôn-ngoan của ông mà ông có được cái bề-thế lớn-lao.

Ông Nguyễn-văn-Vĩnh

Cái óc ông nó đã quen tính sự lỗ, lời, nghĩ chuyện ăn, thua, nên người về phái tây-học, mà trong văn-học Pháp, ông không ưa cái tư-tưởng hiện-hình huyền-bí của Descartes bằng cái triết-lý thiết-thực thông-thường của La Fontaine và lại của những vai kịch phàm-trần của Molière hơn là những đứng anh-hùng lý-tưởng của Corneille, Racine.

Coi những sách ông đã dịch của Tây ra: *Thơ ngụ ngôn*, *Người biền lận*, *Tê-lê-mạc*, *Những-kẻ khốn-nạn*,

Ba người ngự-lâm, v.v. toàn là những sách phổ-thông, không có quyển nào là triết-lý cao-thâm cả; lại xem cái văn dịch của ông nó giản-dị bình-thường, lưu-thông hoạt-bát thì ta có thể biết được cái bổn-ngã của ông nó không quá thiên về tư-tưởng như ông Phạm-Quỳnh, hoặc quá nặng về tình-cảm như ông Nguyễn-khắc-Hiếu.

Ông là một nhà làm việc (un homme d'action), nên đời ông không có cái thi-vị đủ cho ta say-mê hoặc có phong-nghi đủ cho ta cảm-phục. Ông gần ta lắm. Ông giống ta lắm. Hễ ông nói ra là ta hiểu ông nói gì. Hễ ông suy-nghĩ là thấy suy-nghĩ theo với cái trình-độ của ta. Duy chỉ khác là ông có cái tài hơn ta, biết lợi-dụng cái tài, mà vẽ cho ta coi bức tranh nhân-thế, dạy cho ta biết lẽ phải-trái ở đời; dầu là mượn lời *ngụ-ngôn* của Lã-phụng-Tiên, dầu là dịch kịch trào-phúng của Mô-li-ê, dầu là thuật truyện «Da-lừa» của Ban-Dắc tiên-sinh cũng đều là những cái tầm thường mà ý-vị, đủ cho ta được «biết mình», «biết người».

Ai bảo dịch những truyện tầm-thường đó là không có công với văn-học nước nhà? Lầm vậy thay! Văn-học không chỉ ở cái tư-tưởng cao-sâu, như Pascal, hay Renan, hoạc chỉ ở cái tánh-tình thâm-thiết như Lamartine, hay Victor Hugo, mà nó còn ở cái nét vẽ tinh-thần, thâu cả được cái hình-dung bác-tạp của nhân-sanh và cái tâm-lý thông-thường của nhân-loại. Nếu mỗi vai kịch của Molière là một vai tuồng trên sân khấu người đời, nếu mỗi bài thơ ngụ-ngôn là một nét vẽ về tâm-lý nhân-loại, thì cái công-trình

dịch-thuật của ông Nguyễn-văn-Vĩnh ta há nên coi thường?

Mà cái văn dịch của ông, xưa nay tá vẫn chịu là thần-tình thú-vị, thì há lại chẳng là lối văn đặc-biệt để diễn tỏ những cái đó ư?

Ở ngoài Bắc, nay đã có nhiều người soạn kịch, diễn kịch, mang thêm vật-thể mới vào văn-học, mỹ-thuật nước nhà, những người này nếu không chịu ảnh-hưởng của ông Nguyễn-văn-Vĩnh, thì cũng là tiếp-tục vào cái công-việc của ông đã làm. Lại mới đây nổi lên cái phong-trào phản-đối lối văn Phạm-Quỳnh, dầu những kẻ phản-đối cũng có kẻ vô ý-thức thật, nhưng cứ bình-tĩnh mà xét thì phản-đối văn ông Quỳnh há chẳng là có ý tán-thành lối văn ông Vĩnh đấy ư? Mà phải. Cái áo gấm kia nếu không là đồ mặc thường ngày của nhân-chúng thì cái áo vải nọ chính là vật cần-yếu của số nhiều. Cái trên đã phải có cho những bậc thượng-lưu quý-phái thì cái dưới cũng là cần cho đa số bình-dân.

Tuy nhiên, cũng phải trách ông Vĩnh trong việc trứ-thuật còn có chỗ bỏ qua. Vẫn biết những sách ông dịch, toàn là sách phổ-thông cả, song ở cái phổ-thông cũng có cái tính-lý mà ông không chịu giảng-cứu cho độc-giả. Nếu sau khi đã dịch những kịch của Molière mà ông chịu khó nói về cái phương-pháp soạn kịch của người tây, cùng cái kịch-thuật của tác-giả; nếu sau khi đã diễn-nôm những tập thơ « ngụ-ngôn » của La Fontaine mà ông cho ta biết cái triết-lý của thi-nhân; hoặc sau khi đã dịch-thuật những tiểu-thuyết của Honoré de Balzac mà ông cho ta hay những cái

văn-thuyết (thèmes littéraires) của người làm, thì cái công-trình văn-nghiệp của ông cũng được người đời thưởng-thức một cách sáng-suốt bổ-ích hơn vậy.

Lại trách ông cái nữa, là cái quan-niệm sai-lầm của ông đối với sự tồn-cổ: Đối với ông Trần-trọng-Kim vì tồn-cổ mà làm sách *Nho-giáo*, đối với ông Phạm-Quỳnh vì tồn-cổ mà khảo-cứu về «Cổ-học Hán-Việt». Nay ông Nguyễn-văn-Vĩnh vì tồn-cổ mà chẳng những dung-túng cho sự dị-đoan của công-chúng, lại lợi-dụng cái mê-tín của quốc-dân. Những cái cổ mà ông muốn giữ đó có lẽ còn phổ-thông hơn những cái cổ ở trong chồng sách nát mà các nhà học-giả đương gia công khảo-cứu thiệt. Nhưng hẳn ông cũng biết nó đã xa với nguyên-lý cao-thâm của nó mà đã thành ra cổ-hủ giã-man rồi.

Ông nói ở các nước văn-minh người ta cũng có thứ Niên-lịch thông-thư như rứa. Đây có lẽ là những tập Almanach hàng năm. Nhưng nếu so-sánh cái nội-dung một quyển niên-lịch thông-thư của ông Vĩnh với một cuốn Almanach thì ta sẽ thấy nó khác nhau xa lắm. Khác nhau ở cái nội-dung, tức là khác nhau ở cái công-dụng, mà cũng là khác nhau ở cái ảnh-hưởng nữa.

Vả đối với những dân-trí đã khai-thông thì những sự mê-tín mới có thể là đồ tiêu-khiển, chớ đối với cái dân-trí như cái dân-trí của nước ta, thì nó chỉ làm trở-ngại cho bước đường tấn-hóa mà thôi.

Sau lại trách tới cái thái-độ lãnh-đạm của ông ở trong báo-giới quốc-văn gần đây, nó thiệt đã làm cho nhiều người phải ngao-ngán.

Tôi vẫn biết ông đã từng làm chủ tờ *Đông-dương tạp-chí,* và hiện vẫn làm chủ *Học-báo* và *Trung-Bắc tân-văn,* mà tôi vẫn bảo là ông lãnh-đạm với báo-giới quốc-văn. Là ý tôi muốn nói rằng: Ông lo cho cái đời kinh-tế của báo nhiều hơn là lo cho cái thể-tài của báo vậy. Tờ *Trung-Bắc* bây giờ chữ in đẹp, xếp đặt khéo, coi có vẻ mỹ-thuật lắm. Mà sao cái học-vấn trí-thức, cái kinh-nghiệm tài-ba của ông Nguyễn-văn-Vĩnh không thấy có ảnh-hưởng gì đến cái thể-tài của báo cả? Hồi còn *Đông-Dương tạp-chí* ông cũng có viết, hồi mới có *Trung-Bắc tân-văn* ông cũng hay viết, hồi có tờ *T. B. T. V.* một xu cũng thấy lắm bài xã-thuyết của ông có vị, có duyên, song đã lâu nay thì báo-giới quốc-văn thiệt đã vắng mặt ông hẳn.

Ông mải lo buôn bán ư? Ông mải làm chánh-trị ư? Hay ông cho là viết báo quốc-văn không được tự-do ngôn-luận? Hay ông nhận rằng cái chương-trình « trực-trị » của ông chỉ có những người biết đọc văn tây mới đủ tài thưởng-thức?

Uổng quá! Cái tài mẫn-tiệp, cái trí thông-minh, cái đời có kinh-nghiệm, cái học không hư-văn, mà chịu dùng cho báo-giới quốc-văn thì quý giá biết bao!

Mà dầu cho làm chính-trị, tưởng cũng không nên bỏ mất cái khí-giới quốc-văn. Huống cái chương-trình *trực-trị* và những ý-kiến cải-cách của ông vốn nó đã hòa-bình có thể không nghịch với ty kiểm-duyệt mà lại vì bình-dân cần phải được số nhiều biết đến,

thì há lại chẳng nên có một cái phương-tiện phổ-thông hơn pháp-văn ư? Cái phương-tiện đó là quốc-văn. Mà quốc-văn đã không được dùng tới khi ông ra làm việc dân việc nước, thì dầu cái chánh-kiến của ông có giá-trị đến đâu, mà lỡ tới khi thất-bại, phần đông quốc-dân cũng chẳng biết gì mà ngao-ngán giùm ông.

Ai ngờ một người khôn-ngoan lanh-lợi như ông Nguyễn-văn-Vĩnh mà còn có điều hớ ấy!

IV. — Ông Hồ-biểu-Chánh

Trước đây một nhà phê-bình Pháp đã phải gắt-gỏng than-phiền về cái nạn tiểu-thuyết: « Lẽ đâu « mà nước ta lại có nhiều người viết tiểu-thuyết đến thế? Người ta tính có tới 300 nhà là ít. « Mà mỗi nhà ít ra cũng viết tới ba bốn chục cuốn. « Họ có biết họ làm gì không? Chưa chắc! Viết được « một bộ tiểu-thuyết « hay, thực rất khó. « Hằng ngày thường « có người vì một bài « nói về chánh-trị mà « phải tù, phải vạ, phải « đầy. Sao lại không « có những hình-phạt « đó cho một cuốn « tiểu-thuyết dở ».

Ông Hồ-biểu-Chánh

Lời phê-bình nghiêm-khắc ấy ở về thế-kỷ thứ 19. Chớ nói về bây giờ thì số tiểu-thuyết xuất-bản ở nước Pháp còn tăng thêm nhiều hơn nữa. Mà trong cái rừng tiểu-thuyết đó biết bao nhiêu cỏ hoang, cây héo, đáng đốn cho ngã, đáng nhổ cho sạch, và cũng biết bao nhiêu thứ danh hoa dị thảo, đáng trân-trọng bảo-tồn, đáng coi là những công-trình bất-hủ của nhân-loại.

Ở nước người, cái hay người ta biết phò-trương, cái dở người ta biết bài-xích, nên những nhà văn-sĩ chân-chánh như Flaubert, Balzac, Bourget, Loti, vân vân, mới không đến nỗi bị xô-lộn vào với những hạng vô-tài, vô-học, tác-giả những quyển sách vô nghĩa-lý, vô ý-thức.

Ở nước mình, giữa lúc văn-học còn phôi-thai như lúc này, nếu sự phê-bình đã cho là cần-yếu, thì riêng ở làng văn tiểu-thuyết, là cái làng đông người mà lại lộn-xộn hơn hết thảy, ta há lại không nên giới-thiệu với quốc-dân lấy một vài nhân-vật xứng-đáng ư?

Không biết ai thế nào, chớ như ý tôi thì ông Hồ-biểu-Chánh là ở trong số những nhân-vật đứng-đắn đó. Vậy kỳ này xin nói đến ông.

Biểu-chánh chỉ là cái tên hiệu của ông, còn tên thật là Hồ-văn-Trung, hiện làm tri-phủ ở đâu thì tôi không biết. Song ta cũng không cần chi phải biết Văn-Trung là ai? Người mà ta muốn biết đây chỉ là Biểu-Chánh, tác-giả những bộ tiểu-thuyết: « *Cay đắng mùi đời* », « *Chút phận linh đinh* », « *Ai làm được?* », « *Thầy thông ngôn* », « *Kẻ làm người chịu* », « *Tình mộng* », « *Khóc thầm* », v. v.

Những tiểu-thuyết nầy ra đời, thực ra thì cũng nhờ ở chuyện đời mà có.

Truyện nhân-tình ấm lạnh, truyện cay đắng mùi đời, truyện thầy thông tham giầu mà mang lụy, truyện cô ả bị gạt mà khóc thầm..... Truyện thường sẩy ra, hoặc có thể sẩy ra ở xã-hội, nhà tiểu-thuyết

cứ việc lấy tài-liệu đó mà viết sách cho ta coi, nào có khó gì?

Cái khó là câu truyện phải sao cho có lý, lời thuật phải sao cho gọn-gàng, cái cơ-mưu (l'intrigue) phải sao cho tự-nhiên, cách kết-cấu (le dénouement) phải sao cho ý-vị. Vả những người trong truyện, mỗi người một tính-cách riêng, thì lại phải một nét vẽ riêng, vẽ từ điệu đi, tướng đứng, vẽ từ câu nói, tiếng cười, vẽ cái hành-động ở ngoài, sao cho nó hợp với cái tâm-lý ở trong, vẽ cái hoàn-cảnh phụ-cận sao cho nó giải-nghĩa được cái sanh-hoạt của người.

Ông Hồ-biểu-Chánh chẳng những đã biết do sự quan-sát mà sáng-tạo ra được những nhân-vật đúng với cái khuôn-mẫu người đời, biết cho những nhân-vật đó sống theo với cái tính-cách riêng, cái thái-độ riêng, trong những hoàn-cảnh riêng của họ. Mà ông lại còn khéo cho những nhân-vật đó, hiệp-thành một xã-hội gần đống như xã-hội của ta, cho kẻ giàu gặp kẻ nghèo, người hèn đụng người sang, kẻ gian-hùng quỉ-quyệt với bực nữ-sĩ anh-hào, vị giai-nhân tài-nữ với kẻ vô-học phàm-phu, vì những sự xung-đột về danh, về lợi, về tư-tưởng tánh-tình, về tinh-thần khí-tiết, mà quay-cuồng vật lộn, mà chiến-đấu cạnh-tranh, gây nên cái vẻ hoạt-động trong đời, cho độc-giả được thỏa lòng quan-sát.

Mà quan-sát trong đó, ta sẽ thấy những gì?

Thấy người ư? thấy ai tiết-liệt trung-trinh, thấy ai gian-ngoan độc-ác, thấy ai ôm cái chí-khí thanh-cao, mà xa trần lánh tục, thấy ai vì cái nghĩa-vụ nặng-nề mà chút phận linh-đinh.

Thấy ta ư? nếu ta trong kiếp phong-trần thì ta sẽ vui lòng mà chơi cùng thằng Được; nếu ta tình duyên lỡ-dở, thì ta sẽ hân-hạnh mà gặp bạn Tố-Nga; nếu ta là người có nghĩa-khí công-tâm, thì Kỳ-Tâm ta xin nhận làm tri-kỷ; nếu ta có điều ăn năn sầu-khổ, thì Yến-Tuyết cũng là đồng-bịnh với ta.

Thấy tác-giả ư? thấy một người có kinh-nghiệm, hiểu rộng, biết nhiều về nhân-tình thế-thái, có quan-sát, đã thâu vào cặp mắt tinh-thần được nhiều bức tranh xã-hội. Lại thấy một nhà tâm-lý, đã khám-phá được nhiều điều bí-ẩn ở tâm-giới người đời; một nhà thi-sĩ đã cùng với nước non cây cỏ mà cảm-tưởng thiết-tha; một nhà luân-lý, đã từng vì những điều thảm-mục thương-tâm mà tỏ lòng bất-mãn...

Mà sau khi ta đã thấy người, thấy ta, thấy tác-giả rồi, ta sẽ lại còn thấy đất nước của ta, nơi ruộng-nương phong-phú, chỗ rừng-núi thanh-u, nơi náo-nhiệt rộn-ràng như Saigon, Chợ-lớn, chỗ êm-đềm mát-mẻ trong rẫy, trong làng; lúc trăng thanh, khi gió mát, cùng theo với những nhân-vật trong truyện mà vui buồn ở chỗ phong-cảnh nước nhà, tư-tưởng theo cái phong-tục của xã-hội Annam, sanh-hoạt theo cái lễ-giáo của gia-đình Annam, mà nhận ra rằng tác-giả là đồng-bào của ta, và những công-trình văn-nghiệp của tác-giả, rất có bổ-ích cho tinh-thần trí-thức của ta vậy.

Có người cho cái phần tâm-lý trong những sách ông, còn nhiều chỗ chưa được khám-phá. Có người chê cái cảnh phiêu-lưu trong những truyện ông, còn chưa được ly-kỳ. Có người thấy ông sở-trường về

lối tả-chân mà phiền sao ông còn nặn ra những anh-hùng lý-tưởng như Kỳ-Tâm, Duy-Linh?

Có kẻ quá mê những sự cao-kỳ, giận sao ông còn cho những giai-nhân tài-tử phải tội-lỗi như người phàm? sao Tố-Nga mà thất-tiết? sao Bạch-Tuyết lại theo-trai? sao Kỳ-Tâm còn lấy tiền của Phùng-Xuân mà bỏ túi? sao Trọng-Quý chẳng giữ tiết cho người tình (1)? Người về phái Tây-học, đã từng chịu ảnh-hưởng văn-chương lãng-mạn, thì chê ông quá bị trói-buộc trong vòng luân-lý, mà tiểu-thuyết ông không có cái vị say-sưa, tả tình còn chưa đến được những chỗ mơ-màng thâm-thúy (như truyện Tuyết-Hồng, truyện Tố-Tâm).

Kẻ quen đọc tiểu-thuyết Tầu thì cho ông còn kém phần tưởng-tượng, không hay đặt được những truyện ly-kỳ, và lại thường quá ác, chẳng chịu cứu-vớt cho thiện-nhân được khỏi vòng cái chết.

Những điều mà nhân-chúng — cái nhân-chúng phức-tạp khó chiều ấy — cho là khuyết-điểm, ông Hồ có nhận thấy không? Có lẽ ông cũng biết chớ! Ông biết mà ông không thể chiều được hết thảy, ấy cũng là cái khổ-tâm của ông, ta nên biết.

---

(1) Tố-nga Trọng-quí trong « Kẻ làm người chịu »; Kỳ-tâm trong « Tỉnh mộng »; Bạch-tuyết trong « Ai làm được »?

Điều ấy ai chê thì chê, mà tôi lại riêng khen tác-giả đã rõ sự thật hơn ai hết. Người ta là lẫn cả thanh với thô (l'homme, être mêlé de grotesque et de sublime), người cao-thượng dầu có tính-tình khí-tiết hơn đời, song đã là người thì cũng phải có những sự yếu-hèn của nhân-loại. Những sự yếu-hèn đó ít hơn ta thì có, chứ không phải là không có hẳn được.

Ông nhìn thấy lối viết tiểu-thuyết của ta, trần-hủ quá, chán-ngán quá, ông phải cải-lương đi. Song cải-lương mà không dựa vào cái sở-hiếu của công-chúng, cũng không được.

Nếu cái sở-hiếu đó nó bác-tạp quá, mâu-thuẫn quá, thì phải căn-cứ ở chỗ thích-trung. Chuyên hẳn về mặt tâm-lý như P. Bourget, sợ ít người hiểu. Chuyên hẳn về lối tả-chân như H. de Balzac, sợ ít người ưa. Lý-tưởng như G. Sand, sợ không hợp với đời khoa-học. Phiêu-lưu như Daniel de Foé, sợ sống tiếp với thời-đại hoang-đàng.

Nên chi ông muốn ở một nhà viết tiểu-thuyết về phái chiết-trung (romancier éclectique) như Hector Malo, Jules Claretie, mà trong công-trình văn-nghiệp thường hay pha-lộn nhiều lối, điều-hòa châm-chước cho hợp với cái sở-hiếu của phần nhiều độc-giả, cho người trí-thức không khi là tầm-thường, cho kẻ thiểu-học không phiền là khó-khăn, cho khách thủ-cựu không phải chau mày mà chê là « Tây quá », cho bạn tân-tiến cũng không được mỉn cười mà nhận là « đã cải-lương », nhà đạo-đức không phải than-thở là những sách « dâm-thư » « vô-đạo », kẻ sành nghề cũng được khoái-ý vì những truyện « có lý » « có duyên ».

Cái sở-hiếu của nhân-chúng, vì sự tiếp-xúc với văn-minh Âu-tây, còn tấn-hóa, thì lối viết tiểu-thuyết cũng còn phải cải-lương, và những nhà viết tiểu-thuyết sau này cũng còn nhiều việc phải làm.

Hiện nay thì ông Hồ-biểu-Chánh cũng kể là có công với văn-học nước-nhà, nói riêng về lối văn tiểu-thuyết.

VII. — Ông Huỳnh-thúc-Kháng

Báo Phụ-nữ-tân-văn đã có lần mở một cuộc thi, giả-thiết tuyển-cử lấy mười vị đại-biểu cho nước Việt-nam. Kết-quả ông Phan-văn-Trường được nhiều thăm hơn hết. Kế tới ông Huỳnh-thúc-Kháng được thứ nhì.

Ông Huỳnh-thúc-Kháng

Một cuộc bỏ thăm chơi nầy, cũng đã thấy được cái cảm-tình của quốc-dân đối với ông Huỳnh, thiệt là nồng-nàn thâm-thiết.

Cái cảm-tình đó vì đâu mà có? Có người nói vì phục cái tài-học của ông. Có người nói vì cảm cái đức-hạnh của ông. Nhưng vẫn nhiều người vì cái thân-thế và cái chí-hướng của ông mà bỏ thăm tín-nhiệm.

Khoa-bảng xuất-thân, ông sanh nhằm hồi quốc-gia đa-sự. Nếu không phải là người có khí-tiết, thì đời ông hoặc sẽ không có lịch-sử và cái học của ông hoặc sẽ chỉ dùng để « vinh-thân phì-gia ».

Cảm vì thời-thế, ông đã sớm nặng lòng với nòi-giống giang-san và nguyện đem hết tài-lực gan óc mà đền-bồi tổ-quốc.

Trước hết, ông lụy vì cái chí-hướng của ông mà phải tù-đồ lao-khổ. Sau được Nhà-nước ân-xá, ông về Huế mở báo Tiếng-Dân và ra ứng-cử vào nhân-dân đại-biểu-viện. Ông được bầu làm nghị-trưởng, nhưng chẳng bao lâu ông cũng từ-chức mà ra chuyên lo làm báo.

Sự ông từ chức nghị-trưởng đây, là một cái bằng-chứng cho ta thấy rõ cái tánh-cách của ông.

Ông ngay-thẳng mà lại khẳng-khái, thấy sao nói vậy, nghĩ sao làm vậy, nói không sợ mích lòng và làm cũng không thèm dè-dặt.

Ra làm chánh-trị, mà nhất là làm chánh-trị ở nước ta, nếu chẳng chịu dè-dặt ở lời nói việc làm, và nếu chẳng hay có chút ôn-hoà uyển-chuyển, thì tự-nhiên là phải từ-giã với nó để ra làm việc khác.

Cái việc thích-hiệp với ông, phải chăng là sự làm báo? Tờ *Tiếng-dân* ở Huế, phải chăng là cái hình-ảnh của ông, trong khi ông đem cái năng-lực «sống sót» mà phụng-sự quốc-gia?

Ngày 10 Août 1927, tờ *Tiếng-dân* ra đời, có mấy lời phi-lộ:

«Theo tâm-lý chân-chánh của quốc-dân mà phô-«bầy trên mặt giấy; công-lý là hướng đường đi; «công-lợi là nơi qui-túc; không thiên-vị về đảng-phái «nào, không cổ động về ảnh-hưởng trống. Đối với «đồng-bào xin làm vị thuốc đắng, đối với Chánh-phủ «xin làm người bạn ngay».

« Tiếng-dân », theo đúng nghĩa thì là tiếng nói của dân. Mà đọc nó, thường ta mới thấy nó là tiếng nói của ông Huỳnh-thúc-Kháng và những người bạn đồng-chí của ông.

Mà phải. Tiếng nói của dân, nhưng dân nào có biết nói gì? Dân-trí còn chưa được mở-mang, dân-đức còn muôn phần thấp-kém, thì dân-thanh nào có ý-nghĩa gì đâu? Âu là ông dùng ngay nó làm cơ-quan giáo-dục cho quốc-dân và làm phương-tiện hành-động về chánh-trị của ông.

Đối với Chánh-phủ thì ông ở làm thông-ngôn cho quốc-dân để trình-bày những điều áp-chế, những nỗi bất-công, những sự thỉnh-cầu chánh-đáng, những mối nguyện-vọng thâm-trầm.

Mà đối với quần-chúng thì ông muốn làm nhà giáo-dục, lo đem những cái sở-tri sở-thức của mình mà kiều-chánh dân-tâm, tu-bổ dân-trí, mong sao cho người Annam biết « mình là Annam », lại đủ tư-cách mà hành-động cho sự tấn-hóa của xã-hội Annam.

Như vậy thì chủ-nghĩa của ông bất-ngoại cũng chỉ là cái « quốc-gia chủ-nghĩa » mà thôi. Tuy nhiên, có điều đáng chú-ý là ông Phạm-Quỳnh cũng thờ quốc-gia chủ-nghĩa như ông Huỳnh-thúc-Kháng mà chẳng mấy khi các ông nầy được gặp nhau về tư-tưởng và hành-động.

Ông Phạm lo thân-thiện với người Pháp để gây lấy thế-lực mà thiệt-hành cái lý-tưởng lập-hiến của mình.

Ông Huỳnh, sau khi đã nhiều lần thất-bại, vẫn có ý bi-quan đối với mọi sự hành-động về chánh-trị, và chỉ trông mong ở sức tấn-hóa của quốc-dân.

Ông Quỳnh cốt đem cái quốc-gia chủ-nghĩa làm cứu-cánh cho sự-nghiệp văn-chương, mà vẫn lấy sự-nghiệp văn-chương làm trọng.

Ông Huỳnh coi văn-chương chỉ là một cái phương-tiện dùng được trong nhiều cái phương-tiện không dùng được, để phụng-sự quốc-gia, mà chẳng bao giờ ông thèm quan-tâm đến cái sự-nghiệp văn-sĩ.

Không, ông Huỳnh không phải là một nhà văn-sĩ. Ta cần phải để cho ông một danh-từ nào thích-hiệp với ông hơn.

Ông là một nhà chí-sĩ vậy.

Cái địa-vị của ông chính phải để vào với những ông Phan-châu-Trinh, Phan-văn-Trường, Phan-bội-Châu, Ngô-đức-Kế, v. v..... là những người đã đem hết tâm-hồn tinh-cảm mà cống-hiến cho Tổ-quốc Việt-nam.

Cái tâm-hồn đó, cái tinh-cảm đó, dùng về việc gì, ở vào chỗ nào, cũng đều nặng về một bên, khiến cho ông Huỳnh nhiều khi thành người cố-chấp, hẹp-hòi, không có quan-niệm chánh-đáng về mỹ-thuật, văn-chương.

Đối với ông thì không có cái mỹ-thuật nào hơn được cái cảnh-trí của non-sông, mà cũng không có cái văn-chương nào hơn cái văn-chương làm cho dân khôn, nước mạnh. Cái mỹ-thuật đó, dân ta còn nhiều

người chưa biết thưởng-thức, cái văn-chương đó, dân ta còn lắm kẻ chưa chịu học-đòi, thì *truyện Kiều* kia nếu có bị coi là một cuốn dâm-thư, và những người yêu Kiều về cái giá-trị văn-chương và mỹ-thuật của nó, mà có bị kết án vào tội mê-dân hoặc-chúng, ta cũng chẳng nên phiền-trách nhà chí-sĩ không công-bằng.

Nhà chí-sĩ cũng như khách đa-tình, bao giờ cũng có cái tâm-lý thiên-lệch :

Khách đa-tình thì thiên-lệch về tình.

Nhà chí-sĩ thì thiên-lệch về nước.

VIII. — Ông Trần-tuấn-Khải

Đã phê-bình đến nhân-vật hiện-thời thì không lẽ nào lại chẳng nói đến ông Trần-tuấn-Khải.

Khối tình con là khối tình của thi-sĩ Nguyễn-khắc-Hiếu, thì *Bút quan-hoài* cũng là ngọn bút của thi-nhân Trần-tuấn-Khải.

Hai ông, ông nào cũng có tài ngâm-vịnh, ông nào cũng đầy một lòng thơ.

Ông Trần-tuấn-Khải

Tuy-nhiên, thơ ông Hiếu thì ngộ-nghĩnh mà thần-tình, còn thơ ông Khải thì trang-nghiêm mà thống-thiết.

Ông Khải thường hay cảm về thời-thế, mà nặng lòng với đất-nước non-sông, nên ông thường hay ngâm-vịnh về lịch-sử để dựa theo mà khóc cảnh tang-thương...,

« Coi lịch-sử gương kia còn tỏ,
« Mớ dư-đồ đất nọ chưa tan,
« Giang-san này vẫn giang-san,
« Mà nay sẻ nghé tan đàn vì ai ? »

Vì ai ? Độc-giả cũng dư biết vì ai. Song lịch-sử đã đầy những sự vẻ-vang quá khứ, mà hiện nay trông

lại, chỉ thấy rặt những cảnh thảm-mục thương-tâm, thì những nhà chí-sĩ lo đời, há được bình-an tọa-thị?

Bởi vậy mà Anh-khóa mới lên tiếng hô-hào, rắp mong được nhiều người hưởng-ứng.

Anh-khóa là ai? Phải chăng là ông Trần-tuấn-Khải?

Tiễn chân Anh-khóa mà Anh-khóa đi đâu?

Vắng Anh-khóa mà vì sao mong mỏi?

Gởi thơ cho Anh-khóa mà muốn nói chuyện gì?

Anh-khóa không đi đâu hết, mà chí Anh-khóa muốn những bay-nhảy tứ phương. Anh-khóa không làm gì hết, mà chí Anh-khóa muốn những vá trời, lấp biển. Gởi thơ cho Anh-khóa mà chính là tự Anh-khóa muốn nói cái tâm-sự của anh. Cái tâm-sự đó, lại cũng là cái tâm-sự của ông Phi-Khanh, của bà Trưng-Trắc, của khách đau-đời, của nhà chí-sĩ, nghĩa là của những nhân-vật mà ông Á-nam thường hay nói đến ở trong thi-văn của ông.

Ông Phi-Khanh khóc con, bà Trưng-Trắc khuyên em, khách đau-đời khóc đời, nhà chí-sĩ thương nước, lời thống-thiết, giọng chua-cay, ai người đọc đến chẳng ngây-ngất lòng!

Có người nói thơ ông Hiếu là một tiếng cười mát-mẻ, mà văn ông Khải là một tiếng khóc thiết-tha.

Tiếng khóc đó, cảm-động thì cảm-động thiệt, nhưng nó vẫn có vẽ đơn-giản chất-phác mà không được kín-đáo thâm-trầm.

Cái thi-cảm của ông nó chỉ có một nguồn mà cái văn-tài của ông nó cũng chỉ dùng cho một việc.

Cái nguồn đó là lấy ở cái tinh-thần quốc-gia và công việc đó là công việc cảnh-thế.

Quốc-gia là một nguồn thơ vô-tận mà cảnh-thế âu cũng là một cái thiên-chức của thi-nhân.

Tôi không như ông Nguyễn-văn-Vĩnh đã viết ở báo *Annam Nouveau* mà kết tội ông ở chỗ đó, song đứng về phương-diện văn-học mà nói thì chỗ đó chính là chỗ sở-đoản của ông.

Nhà văn-hào Victor Hugo trước kia đã từng ví nhà thi-sĩ như một ngọn đuốc đưa đường, nhưng những bài thơ của ông nói về ngọn đuốc đó, tới nay đã ít người truyền-tụng mà những bài tả-cảnh, đạo-tình, khóc con, nhớ bạn, nay còn người đọc, người ngâm, mà cho là những danh-sơn kiệt-tác. Vả chính Victor Hugo cũng nói : « Thơ không phải chỉ để cho thần-dân của một nước quân-chủ, hay công-dân của một nước cộng-hòa, mà chính là để cho người ta vậy ».

Thần-dân của một nước quân-chủ chỉ biết có vua. Công-dân của một nước cộng-hòa chỉ biết có nước. Nhưng làm người ta còn phải biết nhiều cái khác nữa kia. Biết sướng, biết khổ, biết vui, biết buồn, biết cùng tạo-vật để mối cảm-tình, biết cùng cỏ-cây gởi lời non-nước.

Ông Khải muốn làm ngọn đuốc đưa đường, nên ông chỉ đưa ta đến những chỗ cao-xa mà không đưa ta đến những nơi thiết-cận.

Ông vượt thời-gian mà đưa ta tới bà Trưng, bà Triệu, ông vượt không-gian mà đưa ta tới ông Gandhi, ông Kémal, nhưng còn cái cõi-lòng của ta nó có những

mối tình thường-tục, nó có những tiếng động âm-thầm, sao ông chẳng hay vì ta mà khám-phá? để diễn-tả ra bằng ngọn bút thi-nhân, cho ta được biết thêm cái ý-nghĩa của giấc mộng phù-sanh nơi trần-thế,

Cách-ngôn có câu: « quen coi núi Thái-Sơn thì con kiến ở trước mắt thường không ngó thấy. » Ông Khải có lẽ đã để cho ngọn Thái-Sơn nguy-nga hùng-vĩ kia nó làm lóa mắt ông, khiến cho ông không còn thấy những cây-cỏ, cảnh-vật ở chung-quanh mình ông, nó cũng là những nguồn thi-cảm của các bạn làng thơ vậy.

Thơ là cái hình-ảnh của sự-vật, thơ là cái tiếng-nói của trái-tim, mà ở ông Trần-tuấn-Khải, thì con mắt thi-nhân chỉ biết nhìn có cái cảnh-sắc của non-sông tổ-quốc, và trái-tim thi-sĩ cũng chỉ biết rung-động vì những nỗi tai-biến của xã-hội nhân-quần.

Vì những lẽ đó mà văn ông chỉ cảm người được về thời-thế, mà không hay đạt được nhân-tình; tả được những phong-cảnh bao-la bát-ngát, mà không vẽ được những bức thủy-mặc tinh-vi; « ngọn bút quan-hoài » chỉ mới phát ra được tiếng khóc tang-thương, mà giấc-mộng phù-sanh, còn chưa thiệt được ly-kỳ uyên-áo.

TƯƠNG-PHỐ PHU-NHÂN bên hữu
cùng em gái là SONG-KHÈ NỮ-SĨ bên tả.

XI. — Tương-Phố nữ-sĩ

Cách đây 4, 5 năm, đọc tạp-chí *Nam-Phong*, thấy có bài văn khóc chồng thiệt là lâm-ly ai-oán. Bài đó nhan đề *Giọt lệ thu*, tác-giả là Tương-Phố nữ-sĩ.

Ông Phạm-Quỳnh đã cho bài *Giọt lệ thu* là một tiếng khóc dài của người mạnh bạc. Bà Jeanne Duclos-Salesse đã cảm cái tình-thâm giọng-thiết của áng văn hay mà dịch ra tiếng Pháp, đăng ở báo *Moniteur d'Indochine*.

Kế đó lại có nhà văn-sĩ Pháp là ông Rébufat theo bản dịch-văn *Les larmes d'automne* mà phê-bình tác-giả bài *Giọt lệ thu* trong báo *Opinion* bằng những lời tán-dương trọng-hậu.

Theo lời ông Rébufat thì một người đàn-bà tầm-thường không bao giờ có được khối tình thâm-thiết như vậy, mà cái khối tình thâm-thiết đó không được nằm ở lòng khách văn-chương thì cũng không sao diễn-dịch được một cách tài-tình mà cảm-động đến thế.

Ông cho bà Tương-Phố là một người đàn-bà về hạng cao-đẳng (une femme supérieure) và nhận rằng bà có chịu cái ảnh-hưởng văn-chương lãng-mạn của nước Pháp nhiều lắm.

Lời phê-bình của ông Rébufat có đúng như vậy không?

Tôi xin chịu là đúng, vì chính tôi cũng có cái quan-niệm như bà de Staël mà nhận là có một hạng phụ-

nữ cao-đẳng, có bồn-chất khác thường, có tâm-hồn lãng-mạn, có tánh-tình đa-cảm, lại thường biết thưởng-thức mỹ-thuật và yêu-mến văn-chương.

Những người nầy phần nhiều ưa lý-tưởng hơn thiệt-tế, hay để sự sống tinh-thần trên sự sống vật-chất, mà thường hay bắt tâm-hồn phải lụy về cái trí-tưởng mộng-ảo của mình.

Tương-Phố nữ-sĩ là tiêu-biểu cho hạng phụ-nữ đó. Cái vết thương-tâm của nữ-sĩ, đối với người thường thì chỉ đau-đớn nhất-thời rồi cũng theo ngày tháng mà lành lại. Song đối với nữ-sĩ thì nó đã thành nên một vết thương bất-trị, vì cái khối-tình của nữ-sĩ nó nặng hơn người thường, lại vì cái trí-tưởng mộng-ảo đã phóng-đại nó ra cho nữ-sĩ phải vì nó mà đau-khổ trong cả không-gian lẫn thời-gian.

Bởi vậy mà chồng chết lâu năm, lòng sầu khôn vợi. Lại cũng bởi vậy mà cảnh thu ảm-đạm đã khiến nên có giọt lệ bi-thu.

Có người cắc-cớ, hỏi: Nếu ông T. V. D. không chết thì Tương-Phố nữ-sĩ làm sao mà có được bài văn hay đến thế?

Theo ý tôi, thì sự chết của ông T. V. D. chỉ là một cái bi-hứng cho bà Tương-Phố thành ra tác-giả bài *Giọt lệ thu*, chớ cái bồn-chất của bà vẫn là bồn-chất một nhà thi-sĩ và cái tâm-hồn của bà vẫn đáng cho ta phải cảm-phục mến-yêu.

Sau bài *Giọt lệ thu*, nếu ai thường đọc *Nam-Phong*, đều được thấy nhiều bài văn khác nữa của

nữ-sĩ gởi đăng: nói về luân-thường đạo-lý có, nói về xã-hội quốc-gia có, nói về nhân-tình thế-thái có, mà hầu hết đều có ý bất-mãn về hoàn-cảnh, bất-mãn về thời-thế, và muốn đem một cái lý-tưởng thanh-cao mà đơn-giản để phản-đối lại với cái cảnh đời đảo-điên nghiêng-ngửa của ta này.

Thử trích một đoạn văn luận-thế trong bài « Đầu năm khai bút » đăng ở *Nam-Phong* số 137 kỳ tháng juin 1929:

« Cuộc đời luận đến buổi bây giờ, non sông nghĩ « nỗi nước nhà ngày nay, dẫu buồng-khuê cũng « từng phen gạt thầm giọt lệ, nữa chi những khách « râu mày! Ôi! làm trai Việt-Nam buổi này, người « biết ra, ai mà dửng-dưng được? Cuộc đời đương « lúc đảo-điên, ngọn sóng tân-trào cuồn-cuộn như « cuốn cả nhân-tâm, thế-đạo, cương-thường, luân-lý « càng ngày càng trôi đi. Nhà đạo-đức khóc thương « phong-hóa, lệ đã khô rồi! Kẻ ưu-thời lo thay thế- « đạo cũng đang buông tiếng « Than ôi! » mà nghĩ « âu cuộc đời đành vậy. Bậc thức-giả trong nước, « nghe ra cũng như chán như buồn, đem lòng hờ- « hững lánh xa cuộc đời. Nồng-nàn thiết-thế, thời « lại chỉ là trẻ thơ đương độ mảng cuộc chơi bời, đua « văn-minh mới, vồ-vập tân-trào, thấy đỏ ngỡ là « chín, chen nhau lăn-lộn xô vào, mong những « cướp lấy phần hơn. Người biết đời, mang dạ chán « đời. Kẻ ham đời lại những lầm đời. Nước đời « thế ấy còn biết toan sao?

«....Trong một cảnh xã-hội suông-lạt, tẻ ngơ tẻ ngắt « cả như thế, còn gì buồn hơn? Khiến người buồn,

« buồn nát cả ruột gan. Nghĩ mình chẳng kiếp làm
« chim, có thể tung mây được thì cũng tung mây,
« vượt mình cao mấy ngàn khơi, tìm đến một cõi đời
« thật vui, thật đẹp, để đổi hẳn cái cõi đời u-uất
« nầy.... »

Đoạn văn tôi trích ra ở trên đây, chẳng phải cốt để phô-trương những ý-kiến của nữ-sĩ về thời-thế, vì những ý-kiến đó như có hơi mơ-hồ thiên-lệch, tự nó vẫn không có giá-trị bằng *Giọt lệ thu* kia. Song mục-đích của tôi là để dẫn-chứng thêm về cái tâm-hồn của nữ-sĩ, nó chẳng những đã biết vì cảnh mà đau khổ thiết-tha, lại cũng biết vì nỗi nước tình đời mà bùi-ngùi rung-động.

Cái tâm-hồn đó phải chăng cũng là cái tâm-hồn của ai kia đã ngâm tới hai câu thơ nầy từ hồi một trăm năm về trước :

Nhớ nước đau lòng con quốc-quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia-gia.
(Bà Huyện Thanh-Quan)

Phê-bình sách *Tố-Tâm*, tôi đã từng nói : (1)

« Phải có cảm-tình phong-phú mới biết tha-thiết
« đến chuyện nước, chuyện đời, lại cũng phải có
« tinh-thần cao-thượng mới biết quan-niệm tới lợi-
« quyền nghĩa-vụ. *Tố-Tâm* nếu có thật và nếu không
« vì tình mà chết, tôi dám chắc sẽ là người rất hăng-
« hái nhiệt-thành đem phấn son mà tô-điểm sơn-hà,
« hoặc đem gan óc mà đền-bồi non-nước ».

(1) Sách Tố-Tâm, Nam-ký xuất-bản.

Tố-Tâm là người trong tiểu-thuyết, nhưng *Tố-Tâm* cũng là hình-ảnh của một hạng phụ-nữ như Tương-Phố phu-nhân.

Những văn-sĩ, thi-sĩ, về phái đàn-bà chính vẫn thường sản-xuất ra trong hạng phụ-nữ này.

Bà Thị-Điểm, bà Thanh-Quan, bà de Staël, bà de Noailles, v. v... đều là những người có cái tinh-thần bổn-sắc, phù-hợp với cái tinh-thần bổn-sắc của tác-giả bài *Giọt lệ thu*.

Cái tinh-thần bổn-sắc đó đối với văn-học đã có công-dụng lớn-lao, và đối với xã-hội cũng có đôi chút ảnh-hưởng.

Trong khi phần-đông phụ-nữ còn đương mê-ly trong giấc-mộng trần-hoàn, chỉ chăm-chú tới những việc tầm-thường vật-chất, mà đã có ít người biết thương kim, tích cổ, than nước, lo đời, biết bấn-khoăn tư-lự tới những vấn-đề quan-trọng cao-xa, thì những người đó, há không đủ khiến cho cái phần đông kia phải chú-ý mà lần-lần thay đổi cái nhân-sanh-quan của mình ư?

Chính những người như thế, hồi mười năm về trước đã lập cho phụ-nữ An-nam biết tha-thiết đến chuyện nước, chuyện đời, biết quan-niệm đến lợi-quyền nghĩa-vụ, để nay đủ tư-cách mà hưởng-ứng với cái phong-trào phụ-nữ của thế-giới.

Tôi phê-bình Tương-Phố phu-nhân chẳng phải chỉ có ý phê-bình một nhà nữ-sĩ có tài, mà lại còn muốn khảo-sát tới một người tiêu-biểu cho một hạng nữ-lưu đã từng có ảnh-hưởng đến lịch-sử văn-học và lịch-sử tiến-hóa của phụ-nữ xứ ta.

PHẦN THỨ HAI

PHÊ-BÌNH SÁCH

I. — Tố-Tâm

Trong những cuốn sách mà từ Nam, chí Bắc, không mấy người là không biết tới, tôi tưởng phải có truyện *Tố-Tâm* (1), tác-giả là một nhà tân-học, ông Song-An Hoàng-ngọc-Phách.

Sách xuất-bản năm 1925 sau khi đã đăng được ít nhiều vào tập kỷ-yếu của hội « Cao-đẳng Ái-hữu ». Sách nhiều người mua, nhiều người đọc, nhiều người cho là hay, mà thật không ai dám công-nhiên tỏ ra cái thái-độ hoan-nghênh nó cả. Vì nó mới quá. Lại vì nó gặp một cái trở-lực còn mạnh quá: là phái đạo-đức.

Ông Hoàng-ngọc-Phách

Đạo-đức không dung được truyện ái-tình, mà cái ái-tình ở truyện *Tố-Tâm* lại là cái ái-tình lắt-léo, vụng thầm, nó đã được sống ở ngoài tình-nghĩa vợ chồng mà lại kết-quả đến giết người mất mạng.

(1) Nam-ký, xuất-bản.

Vả gần đây, có mấy cô thiếu-nữ vì thất-tình mà tự-vẫn, mấy người lại còn đổ tội cả cho cái ảnh-hưởng của những tiểu-thuyết tình, mà *Tố-Tâm* này là một.

Trước kia J. J. Rousseau làm sách Nouvelle Héloïse, Gœthe làm sách Werther, đều cũng là những truyện tình mà được thiên-hạ hoan-nghênh một cách rất nhiệt-thành, nhộn-nhịp.

Tôi không dám đem sách *Tố-Tâm* mà so-sánh với những truyện Héloïse và Werther, song tôi muốn nói sách *Tố-Tâm* cũng là tiểu-thuyết tình như những tiểu-thuyết kia, mà không may phải sống vào trong cái xã-hội rất ít người có được cái quan-niệm chính-đáng, rộng-rãi về đạo-đức và mỹ-thuật.

Truyện Kiều mà người ta còn chê là « dâm-thơ » thì sách *Tố-Tâm* khỏi sao chẳng thành ra « vô-đạo » ?

Thúy-Kiều với Kim-Trọng, nào có khác chi Đạm-Thủy cùng Tố-Tâm ? Cũng không cho thương-yêu mà thương-yêu, cũng không cho tình-tự mà tình-tự. Chị chàng là gái khuê-các dám dan-díu với trai. Cậu ấm đã có nơi nhà định mà còn thương-yêu kẻ khác.

Bậy quá ! thật là bậy quá !

Nhưng, nếu ái-tình là một vật mà ta không thể lấy lý-luận để hiểu được, lấy đạo-đức để bỏ được, lấy luân-lý để ngừa được, thì nó phát-sinh ở chỗ nào ta cũng nên để cho nó ở chỗ đó mới phải.

Nó không phát-sinh ở giữa Đạm-Thủy với người vị-hôn-thê của chàng, lại cũng không có được ở giữa Tố-Tâm với người chồng mới của nàng thì mặc nó.

Song nó đã đem ràng-buộc Tố-Tâm vào với Đạm-Thủy, thì cũng phải biết cái sở-dĩ của nó ở đâu?

Tố-Tâm thương Đạm-Thủy trước khi thấy mặt chàng, người chàng, địa-vị chàng ở xã-hội, gia-thế chàng trong nhân-quần, thì cái tình của nàng thật không có gì là tầm-thường vật-chất cả. Mà nàng biết thương chàng ở chỗ văn-chương tư-tưởng thì lại càng tỏ ra nàng là một người có tài, có học, có tinh-thần mỹ-thuật, có tư-tưởng thanh-cao.

Một người con gái như thế, tức là tiêu-biểu cho hạng gái văn-minh, chỉ ở những xã-hội văn-minh mới có. Cái bổn-sắc của hạng gái này nó không được thuần-giản, mộc-mạc, mà lại có ý phức-tạp ly-kỳ. Hạng gái thường lấy ăn no mặc ấm làm vui, lấy bình-thường dản-dị làm thích, cái ngoan là ở chỗ ngu, mà cái nết là ở chỗ dại. Có ngu-dại thì người ta mới dễ sai-khiến, mà có dản-dị mới dễ thấy sự bằng lòng. Coi văn-chương không biết hay ở chỗ nào, nhìn mỹ-thật không biết đẹp ở chỗ nào, hỏi nghĩa-lý thì u-mê như con nít, xét cảm-tình thì mộc-mạc như cỏ cây. Những người đó, nếu ở cảnh thường có thể không phạm một tội-lỗi gì được, mà nếu sang cảnh biến thì lại chỉ là những vật thụ-động mà thôi. Nếu trời không đánh họ chết thì chẳng có dịp nào mà họ biết tới sự tuẫn-tiết hy-sinh là gì cả.

Trái lại, gái văn-minh không phải thế. Ngoài cái sinh-hoạt thường tục, còn cái sinh-hoạt tinh-thần. Ngoài những cái cần dùng như người, còn những cái cần dùng khác người, mà có khi lại lấy những sự cần dùng khác người làm cần hơn những sự cần dùng như người nữa.

Tố-Tâm mà không biết tới cái sinh-hoạt tinh-thần, thì Tố-Tâm biết đâu được những cái hay, cái thú ở trong những thế-giới văn-chương và mỹ-thuật. Tố-Tâm mà không có những sự cần dùng khác người thì Tố-Tâm hà-tất phải đọc sách mà chép những chỗ văn hay, xem thơ mà hay theo luồng thi-cảm, tư-tưởng phải băn-khoăn đến việc nước, việc đời, tình-tình phải ký-gửi vào núi sông, cây cỏ?

Đọc những câu thơ của nàng:

Phận liễu dám nguôi lòng sớm tối,
Tơ đào riêng thẹn mặt non sông.

. . . . . .

Tựa mình bên án xem người cổ
Ẩn bóng trong gương ngẫm truyện đời.

Ta phải phục Tố-Tâm có cái tâm-thuật cao hơn người mà nhận thấy cái tư-cách siêu-phàm xuất-tục của nàng vậy.

Mà những người như thế, đâu phải là hạng vô-tình đến không biết quí-mến những kẻ cũng có tư-cách như mình với hơn mình được?

Đạm-Thủy nếu là con gái thì là bạn tri-kỷ của Tố-Tâm, mà ở làm con trai thì tất cũng là người tình của Tố-Tâm vậy. Cái lẽ tâm-lý nó đã xui cho hai người phải cảm-mến nhau. Mà cái lẽ sinh-lý nó lại dẫn thêm cái ái-lực vào cho cái cảm-tình ấy nữa.

Truyện tình-tự trai gái, ở đời nào là không có, ở nước nào là không có. Vào trong làng, trong rẫy ta hỏi tới truyện đó, thì ta thường thấy nó ở chỗ ruộng lúa, bụi tre. Lần đến chỗ cùng-cốc thâm-sơn, ta hỏi tới truyện đó, thì ta thường thấy ở nơi gốc cây

bờ suối. Đối với những dân-tộc còn dã-man, hoặc bán-khai, tính-tình còn thô-sơ đơn-giản thì ái-tình thường căn-cứ ở cái khoái-cảm của vật-chất mà ít thấy ở cái lạc-thú của tinh-thần.

Còn những hạng người văn-minh, chịu cái ảnh-hưởng của hoàn-cảnh và giáo-dục, và lại chịu sức cảm-hóa của mỹ-thuật với văn-chương, có thể nhân đấy mất cái chất thô-kệch của thiên-nhiên, mà tâm-hồn cũng vì đấy thêm ly-kỳ phiền-phức.

Những cơ-thể trong người Tố-Tâm nó thanh-tao, nên ái-tình của Tố-Tâm nó mới vượt lên trên được điều tà-dục. Mà bởi cái tâm-hồn của Tố-Tâm nó phiền-phức, nên cái tình của Tố-Tâm nó phải lựa chọn những chỗ phiền-phức mà trao, và đã trao rồi cũng không thể nào lấy lại được nữa.

Lâm vào cái cảnh Tố-Tâm, khi phải dứt tình Đạm-Thủy mà lấy chồng, nếu Tố-Tâm không chết, thì đâu tỏ được cái tư-cách của Tố-Tâm? Tác-giả đã bắt Tố-Tâm phải ở vào cảnh đó, thì cái chết của Tố-Tâm là tất phải có rồi.

Nhưng cái cảnh đó không phải là cảnh chung của hết thảy mọi người có cái tâm-trí như Tố-Tâm, thì những người này đã không vì thất tình mà chết đều có thể sống mà gây lấy hạnh-phúc, sinh-thú cho nước, cho đời được. Phàm những người mà ta vẫn thường kêu là bậc nữ-lưu tri-thức, đố ai chưa từng có cái sinh-hoạt tinh-thần của Tố-Tâm, mà hoặc tiêu-dao trong cõi đời lý-tưởng, hoặc mơ-màng trong thế-giới cảm-tình như Tố-Tâm vậy. Phải có cảm-tình phong-phú thì mới biết tha-thiết đến

chuyện nước, chuyện đời, lại phải có tinh-thần cao-thượng thì mới biết quan-niệm đến lợi-quyền nghĩa-vụ. Tố-Tâm nếu có thật, và nếu không phải vì thất-tình mà chết, tôi dám chắc sẽ là một người hăng-hái nhiệt-thành, mà đem phấn-son để tô-điểm sơn-hà, hoặc đem gan óc mà đền bồi non nước.

Những công chuyện này đố ai trông-cậy được ở những hạng gái tầm-thường, vô-tình, vô-cảm, vô-học, vô-tài.

Vậy thì quyền *Tố-Tâm* trái với luân-lý ở chỗ nào?

Ái-tình mà không tà-dâm là không trái với đạo-đức. Mà nếu luân-lý lại không chịu dựa vào luật tâm-lý thì cái luân-lý đó còn có giá-trị gì đâu?

Huống vì hiếu phải vâng lời mẹ, vâng lời mẹ để mà chết, thì còn cái luân-lý nào cảm-động thiết-tha hơn nữa? Lại vì hiếu mà không dám cải ý cha để từ-hôn một người vị-hôn-thê mình không có chút tình gì cả, đành chịu hy-sinh một cái vưu-vật như Tố-Tâm, thì còn cái luân-lý (1) nào khắc-khổ hơn nữa không?

Đọc sách *Tố-Tâm* ta phải nhận thấy cái chỗ kém hèn của luân-lý (2) nước nhà, vì nó mà một vị giai-nhân phải giã-thế từ-trần để lại một bực tài-tử phải sống mà nuốt lệ.

---

(1) Đây là cái luân-lý của cá-nhân nó sống ở trong lương-tâm của mọi người.

(2) Đây là luân-lý của xã-hội nó thường làm luật-lệnh cho lương-tâm của cá-nhân. Chịu ép mình theo cái luân-lý của xã-hội, ấy là một sự hành-động đáng khen về luân-lý. Song nếu luân-lý của xã-hội nó chẳng được hoàn-toàn thì cũng có chỗ ta phải trách nó, để rửa hận cho những người hy-sinh cho nó vậy.

Tác-giả đọc sách tây nhiều, đã quen thuộc với những nhà tâm-lý tiểu-thuyết như Paul Bourget, Georges Sand, và cũng có nhiễm những cái phong-vị lãng-mạn của Lamartine hay Victor-Hugo, nên tả tâm-lý thật đúng và tả ái-tình thật hay. Tôi lại còn ngờ tác-giả đã sống qua cái cảnh đời của nhân-vật trong chuyện nên sách mới thêm được lắm vị lắm duyên. Văn đã mới, truyện đã mới, cách bố-cuộc có trật-tự, cái cơ mưu có lý-do, hành-động theo tâm-lý, mà giải-cấu hợp tự-nhiên, thật là cuốn sách của người có học mà biết nghề.

Chỉ tiếc cách lập-luận của ông Song-An nó trái hơn với cái ý-nghĩ tự-nhiên của cuốn sách. Ông cố ý đem truyện *Tố-Tâm* mà răn đời đừng mắc mưu vào ái-tình, đừng lạm-dụng văn-chương tư-tưởng mà làm việc cho ái-tình, phải để tâm đến chủ-nghĩa cao xa hơn tình-ái mà ông đã đem khoa tâm-lý phân-khảo ra để chỉ cho ta : « đây là ghềnh cao vực thẳm ».

Thành ra ông lại muốn kết án ái-tình rồi !

Ông nói truyện tình cho đã đời, cho người ta mê mệt rồi ông giết chết một người trong chuyện mà chỉ ra : « tình là hại, đừng có chơi với nó mà chết ».

Mà cái cảm-tưởng chung của độc-giả thì lại không thế. Tố-Tâm chết là rủi cho Tố-Tâm ở cái cảnh-ngộ phải chết, chứ cái thú-vị của ái-tình mà tác-giả đã lấy tâm-lý-học tả ra cho ta được thấy một cách rất đầy đủ, nào cứ phải kết-quả đến cái chết cả đâu ?

Chi bằng ta không kết án ái-tình là phải. Nó tự-nhiên phải có ở giữa hai bên trai gái thì ta cứ cho nó được có đi. Ta phân-khảo nó chỉ là ta phân-khảo trái

tim vì ái-tình mà réo-rắt đó, chính là những giòng cao-sơn lưu-thủy, khác hẳn với cái dâm-thanh thô-bỉ của dục-tình (1).

Nhưng phàm chưa biết cái tâm-lý của kẻ hy-sinh tuẫn-tiết thì còn chưa là biết đến những chỗ nên biết. Vậy lại phải kiếm cơ-mưu mà giết chết Tố-Tâm đặng theo mà phân-khảo thêm nữa.

Ta rõ Tố-Tâm đến cả cái tâm-lý của nàng khi nàng ôm khối chung-tình mà lìa trần giã thế thì ta lại càng biết nàng thêm, thương nàng thêm, mà bắt phải nhận-chân thấy cái khốc-hại của nền luân-lý trong xã-hội nước nhà.

Rồi nàng chết, rồi Đạm-Thủy đau. Chết vì tình, đau vì tình, ấy chính thật chỉ vì cái luân-lý cổ-hủ khốc-hại mà những người tân-học như Đạm-Thủy cũng không dám phá bỏ, những bực giai-nhân như Tố-Tâm cũng đành phải chịu theo.

Lập luận như thế có lẽ nhập theo với cái ý-nghĩa tự-nhiên của cuốn sách và có lẽ còn nêu ra được một cái vấn-đề luân-lý rất hợp thời.

---

(1) Lấy ái-tình phản-đối dục-tình còn có ý vị, và công-hiệu hơn lấy đạo-đức mà phản-đối dục-tình vậy.

II. — « Người vợ hiền »

Người vợ hiền là món quà ra mắt của ông Nguyễn-thời-Xuyên khi ông mới nhập-tịch vào làng văn. Món quà đó đã được nhiều người hoan-nghinh thì tác-giả của nó cũng đáng cho ta nên chú-ý. Chú-ý về cái nghệ-thuật ông đã dùng để nặn đúc nên một *người vợ hiền* cho các gia-đình Việt-Nam.

Thế nào là một người vợ hiền? Không biết ở thế-gian này có được người vợ hiền nào như cô Dung không? Song nếu giả-thiết ra một người vợ hiền thì người vợ hiền đó tất phải có tánh-cách, có phẩm-hạnh, có giáo-dục và có thiên-chức như cô Dung mới được.

Cô Dung là một người thanh-nhã, khiêm-nhường, đoan-trang, hiền-thục. Cũng như Tố-Tâm, cô là một gái văn-minh. Văn-minh nghĩa là đã tiến-hóa hơn người đồng-thời, tiến-hóa cả về thể-chất lẫn linh-hồn. Cái thể-chất của người ta nó tiến-hóa từ thô đến thanh, thì cái linh-hồn cũng theo đó mà càng thêm trong sạch.

Theo lẽ sanh-lý thì đàn-bà vẫn nặng về phần hồn hơn phần trí, nên hầu hết đều là những khách đa-cảm đa-tình.

Những người thanh thì cảm cái thanh, người tục thì cảm cái tục. Mà cái tình của người văn-minh tấn-hóa nó vẫn vượt lên trên được phần xác thịt mà chung-đúc ở chỗ tinh-thần.

Cô Dung là một người đa-tình lắm. Đối với cô « chữ sống là ở trong chữ yêu » nên đời cô chỉ là « giấc-ngủ mà tình là chiêm-bao ». Giấc-ngủ mà không có chiêm-bao là một giấc ngủ vô-vị, thô-tục, nó chẳng khác gì cái chết vậy. Chồng cô là một người trong chiêm-bao của cô, cô tưởng-tượng đến từ trước khi thấy mặt, rồi cô quyến-luyến không dời từ sau khi gặp-gỡ để gây nên một giấc mộng trường-xuân giữa nơi trần-gian tục-địa này.

Đã vậy mà cô lại còn lợi-dụng ái-tình mà làm điều nghĩa-vụ, đem hết tài-trí thông-minh để cảm-hóa người yêu.

« Giúp cho bạn chung-thân của mình được yên vui, đặng đởm đương những công-việc lớn-lao, có giỏi nữa là giúp cho chồng vững chí trong đường phải mà làm nên nghiệp cả. Có thể nói rằng người vợ hiền là thuốc tiên để chữa những sự đau-khổ của đàn ông, là cái bùa tiên để biến-hóa sự chán-ngán làm hy-vọng ».

Mấy giòng đó là nói về cái thiên-chức của người vợ hiền, mà cái thiên-chức đó tưởng như cô Dung đã đầy đủ được một cách êm-đềm, đằm-thắm.

Vậy mà chồng cô còn ngoại-tình, chồng cô còn lỗi đạo. Chồng cô ngoại-tình để cô tủi, chồng cô lỗi đạo để cô rầu. Chiêm bao tới đó là hết, hết mà giấc-ngủ hãy còn, cái giấc-ngủ vô-vị, cái giấc-ngủ nặng-nề, cái giấc-ngủ in như cái chết vậy.

Cái tinh-thần cô hồi đó muốn chết mà thiếu chút nữa thì cái thân-xác cô cũng phải hao-mòn tiêu-diệt.

Phần cô đã vậy mà phần chồng cô thì sao? Có nên trách không? Có đáng trách không?

Cứ một sự làm phiền lòng cô đã là nên trách rồi. Người khả-ái như vậy mà sao phải chịu âm-thầm đau-đớn dường kia? Kẻ nào gây nên sự đau đớn đó, là có tội với cô Dung và là cừu-địch của ta vậy.

Nhưng nếu cứ bình-tình mà xét thì cái tội của Hữu-Chí cũng có phần tha-thứ được.

Tha-thứ được là vì Hữu-Chí ngoại-tình mà không phải là cố-ý, lỗi đạo mà chẳng hề có phụ lòng.

Cô Josiane hỏi chàng:

« Thương tôi không mình?

Chàng trả lời:

« Thương.

— Nhiều không mình?

— Nhiều.

— Nhiều bằng vợ nhà không mình?

. . . . . .

— Sao lại khờ đến thế hỡi em? Chẳng nên hỏi những điều mà khó thể cho người ta tỏ thật với mình... Em biết em thương tôi, tôi thương em là đủ. Chớ so sánh làm chi? Em còn nhớ trước kia tôi không dám thương em, vì biết sau này có điều ân-hận. Nay ta thương nhau rồi. Thương nhau, thương lỡ, thương liều, thương vô mục-đích, thương thẹn với lương-tâm, thiết-tưởng em cũng có lúc bất-an trong lòng như tôi vậy. Thẹn với lương-tâm nhất là những hồi hoan-lạc

mà bỗng nhớ đến vợ nhà, cho nên tôi xin với em bao giờ đôi ta hội-ngộ, đừng có nói điều gì cho tôi phải nghĩ đến »...

Lời nói trung-hậu làm sao! can-đảm làm sao! Giữa hồi hoan-lạc với người tình mà lòng còn nhớ đến vợ nhà, trí còn tưởng đến vợ nhà, không muốn cho cái miệng của khách trăng hoa nhắc đến, không chịu cho con người trần-cấu được tự đem so sánh với bạn trăm năm. Cái thái-độ đó là thái-độ của một người quân-tử, mà đã là người quân-tử đến bậc đó thì đều đáng thương, đáng phục, chứ không đáng trách, đáng khinh.

Đã vậy mà cả Josiane là người tình của Hữu-Chí, theo ý tôi cũng chưa hẳn đã không có chỗ khả-lân, khả-ái.

Thử nghe mấy lời cô nói ra với Hữu-Chí: « Tôi biết rằng tình thương yêu của tôi có hại cho tôi nhiều lắm. Nhưng đã thấy hại mà tôi dám thương thì mình hãy lượng giùm cái tình của tôi nó nặng biết là bao nhiêu... Theo ý ngu của tôi, khi nào tôi chỉ được thương ai trong cái thời-kỳ ngắn-ngủi, thì tôi tăng cái mãnh-lực của ái-tình lên gấp hai gấp ba... Tôi chán đời, nên tôi kiếm kẻ khác thiên-hạ để làm bạn tri-âm. Tôi là gái lẳng-lơ nhưng chẳng hề nhận chìm ai nơi biển-ái ».

Gái trăng-hoa mà như Josiane chẳng phải là hạng gái tầm-thường.

Gái tầm-thường đâu nói ra được những lời như vậy. Nếu không bị tình-duyên lỡ-dở, nếu chẳng gặp cảnh ngộ éo-le, mà cô cũng hạnh-phúc như ai, gặp

được người xứng-đáng với cái ái-tình nặng-nề của cô thì có lẽ cô cũng thành người khá. Cô đa-tình lắm, nên khi nào chỉ được thương ai trong cái thời-kỳ ngắn-ngủi thì cô phải tăng cái mãnh-lực của ái-tình lên gấp hai, gấp ba vậy. Ái-tình mà thâm-thiết đến thế, thì nếu đặng thương ai trong suốt đời, vị tất cô đã chẳng duy-trì được mãi mãi.

Như vậy thì Hữu-Chí đã không hẳn là đáng trách mà Josiane cũng có chỗ nên thương. Cái sự đau-đớn của cô Dung nay phải trách cứ vào ai mới được?

Phàm trong tiểu-thuyết vẫn có cái thuật tương-đối (art du contraste). Đem cái xấu mà đối với cái tốt, để làm tăng cái tốt. Đem kẻ ác mà đối với người thiện để làm tăng cái thiện.

Đáng lẽ tác-giả phải tả cho Hữu-Chí say mê thêm chút nữa, lầm lỗi thêm chút nữa, để ta có chỗ trách-cứ về nỗi khổ-thống của cô Dung. Lại đáng lẽ tác-giả phải vẽ Josiane hèn-hạ đôi chút, bỉ-tiện đôi chút, để ta có thể đem so sánh với cô Dung mà thấy sự hơn kém của hai người; thấy ai đáng kính, đáng thương, thấy ai đáng khinh, đáng ghét, mà càng khinh thì càng kính, mà càng ghét lại càng thương.

Bởi vậy mà sự buồn thảm của cô Dung, đáng lẽ là chỗ hay nhất trong truyện, mà cũng có người đã phàn-nàn, bất-phục.

Sao mà phàn-nàn?

Vì cô đau-đớn quá, cô sầu-thảm quá, sự đau đớn nó đào sâu quá, cái sầu-thảm bị chôn chặt quá, mà độc-giả không biết trách-cứ vào ai cho xứng-đáng,

qui-tội vào ai cho vừa lòng, vì biết giận ai bây giờ, biết ghét ai bây giờ?

Tác-giả không biết gây nên cái tình giận, tình ghét, thì tác-giả cũng chưa hay làm cho ta cảm-động được vì những điều đáng cảm mà thương tình cho những nỗi nên thương.

Nhưng ngoài cái khuyết-điểm đó là cái khuyết-điểm cho một cuốn tiểu-thuyết, ta vẫn thấy cái giá-trị của một bộ sách luân-lý.

Luân-lý vì chỉ là cái lý-tưởng của một người vợ hiền, mà cái lý-tưởng đó đã khéo tả ra được một cách linh-hoạt thần-tình, khiến cho ta phải mến ở cái tư-cách, phục ở cái phẩm-hạnh, cảm ở cái tánh-tình mà lấy làm kiểu-mẫu cho ta nếu ta là bạn gái, hoặc lấy làm hình-ảnh cho người ý-trung-nhân của ta nếu ta là tu-mi.

Cái lý-tưởng đó, tự ông Nguyễn-thời-Xuyên đã kiếm ra được, hay ông đã mượn sẵn của ai?

Xin vội nói là ông đã mượn được của nhà văn-sĩ Pháp là ông Henry Bordeaux trong cuốn *Une honnête femme*.

Cô Dung là Germaine. Hữu-Chí là Ferrière. Còn Josiane là Mme Berthe, vợ của Chéran.

Duy mượn mà ông đã khéo thêm bớt sửa đổi cho thích-hợp với cái sở-hiếu của độc-giả Annam.

Cô Dung thì ông đã truyền-thần hẳn ở cái tư-cách của Germaine. Mà Hữu-Chí thì không giống hệt như Ferrière, và Josiane cũng không như Mme Berthe.

Hữu-Chí còn khiêm-nhường thuần-giản hơn Ferrière nhiều. Mà Josiane cũng còn cao-thượng khả-ái hơn Mme Berthe là người dâm-dục đê-hèn. Và Mme Berthe là gái có chồng mà ngoại-tình với trai, nếu đem vô một cuốn tiểu-thuyết có cứu-cánh luân-lý thì cái ảnh-hưởng của nó sợ có chỗ không hay.

Nhân đó mà những văn-thuyết của hai nhà văn-sĩ cũng lắm cái khác nhau.

Ông Henry Bordeaux muốn chứng ra rằng một người chồng hiền có thể vừa thương vợ vừa ngoại-tình mà một người vợ hiền chỉ biết có chồng còn không biết tới ai khác nữa.

Ông lại muốn phân cái đẹp kín-đáo thần-tiên với cái đẹp loã-lồ thô-tục của người đàn bà. Cái đẹp trên, cảm-hoá được người ta bao nhiêu, thì cái đẹp dưới mê-muội người ta bấy nhiêu (1).

Còn ông Nguyễn-thời-Xuyên chỉ muốn vẽ ra một người vợ hiền kiểu-mẫu cho cuốn luân-lý tiểu-thuyết của ông.

Người đó khi còn con gái tánh-cách ra sao? Khi có chồng cư-xử thế nào? Xử lúc thường đã vậy, còn xử lúc biến thì sao?

Sự ngoại-tình của Hữu-Chí chỉ là một cảnh biến ở trong cuộc đời của cô Dung.

---

(1) Như hồi Ferrière vô phòng muốn xin lỗi vợ mà thấy Germaine còn bận chăn nằm ngủ, thân-thể không được kín-đáo đoan-trang, thì lòng kính-ái tự nhiên thấy tiêu-tán mà chỉ còn có những cái cảm-giác thô-tục.

Vì vậy chàng quay ra, không thú tội được.

Hết cảnh biến đến cảnh thường cũng như hết trận mưa dào tới cơn tạnh ráo. Giấc-mộng thần-tiên lại đưa đến cho người hiền-phụ cùng với cái hạnh-phúc vô-tận vô-biên của một cái gia-đình lý-tưởng.

Cái giấc-mộng thần-tiên đó, tác-giả cũng cho ta được hưởng một cách hoàn-toàn đầy đủ. Cái gia-đình lý-tưởng đó, tác-giả cũng cho ta sanh-hoạt một cách thú-vị êm-đềm.

Được vậy là nhờ ở cây viết tài-tình linh-động của Nguyễn-quân nó đã gây cho cuốn sách có được cái giá-trị văn-chương ít có.

III. — Quả dưa đỏ

Năm 1925, Hội *Khai-Trí-Tiến-Đức* có phát giải-thưởng văn-chương cho ông Nguyễn-trọng-Thuật về bộ tiểu-thuyết *Quả-dưa đỏ* của ông. Bộ tiểu-thuyết đó rồi cho đăng vào *tạp-chí Nam-Phong*. Sau thấy in ra thành sách. In lần thứ nhất bán đã hết, nay mới tái-bản lần thứ hai cũng được người ta hoan-nghinh nhiều lắm.

Ông Nguyễn-trọng-Thuật

Ngay lúc sách mới ra đời đã thấy nhiều bài phê-bình ở các báo quốc-âm, và đâu như có ông tây nào cũng để lời khen tặng thì phải.

Mà khen là đáng lắm. Sách viết có công-phu, có chủ-ý, nói là tiểu-thuyết mà rặt những nghĩa-lý cao-thâm, thiệt là vừa hay, vừa lành : hay vì nó không đến nỗi vô vị vô duyên, lành vì nó không có ảnh-hưởng gì xấu đến tinh-thần người đọc.

Sự-tích lấy ở một truyện trong *Lĩnh-Nam trích-quái* rồi kết cấu ra một cuốn tiểu-thuyết phiêu-lưu.

An-Tiêm, con nuôi vua Hùng-Vương thứ 17, bị gian-thần hãm-hại, phải đầy ra một đảo hoang-vu,

cô-tịch ở ngoài Nam-hải. Theo đi có vợ và hai đứa con nhỏ.

Ròng-rã trong 14 năm trời, tự kiếm ra đường sanh-lý, tự chế ra cách sanh-tồn, đem cái chí kiện-cường nhẫn-nại mà biến-hóa cái hoang-đảo thiên-nhiên ra một cảnh văn-minh xã-hội.

Người như An-Tiêm, ở trần-giới nầy, không thế nào có được. Nhưng nó vẫn có ở trong óc một người trước khi nó thành nên nhân-vật chánh của truyện.

Người đó là ông Đồ-Nam-Tử. An-Tiêm chẳng qua chỉ là một cái lý-tưởng thâm-thiết của ông.

Ví đem bỏ An-Tiêm ra mà bắt ông Đồ-Nam-Tử thế vào, thì ắt ông chẳng sao đóng được cái vai trò khó-khăn như thế. Nhưng nếu cứ cho ông đóng bằng tưởng-tượng thì ông sẽ đóng được một cách đầy-đủ vẹn-toàn.

Vì sao?

Vì nhà văn-sĩ cũng như một kẻ chiêm-bao. Chiêm-bao thấy những cảnh thần-tiên thú-vị, chiêm-bao làm những việc vĩ-đại kinh-thiên, mà kỳ-thiệt chẳng phải là những cảnh mình có thể thấy được, những việc mình đủ sức làm nên.

Dẫu vậy, chiêm-bao thường không phải tự-nhiên mà có. Tất óc phải mơ-màng đến cái gì, lòng phải tha-thiết đến vật gì, thì mới thành chiêm-bao được.

Ông Đồ-Nam-Tử là một nhà cựu-học thâm-nho, đã tiêm-nhiễm cái đạo-học thánh-hiền một cách sâu-

xa đằm-thắm, gần như tín-ngưỡng một cái tôn-giáo nào vậy.

Ông tin rằng cái học đó là một cái học phú-cường, tích-cực, dùng ra có thể khai-dã thành văn, an-bang tế-thế, gây cho người có nhân-cách đối với mình, có trung-thành đối với nước, biết vui cảnh thường, biết xử cảnh biến, lúc nào cũng tự-tín được ở mình mà gây nên nghiệp cả, lúc nào cũng cách-vật trí-tri để tiến-hóa vô-cùng.

Ông tin-tưởng như vậy, ông mơ-màng như vậy, mà ông thì ông không thể nào thực-tiến được những điều tin-tưởng mơ-màng đó, nên ông phải giả-thiết ra một người để nó hành-động thay ông.

Người đó là An-Tiêm mà ông đã khéo rút ra ở Nam-sử để tiện gói-gém những cái cảm-tình đối với đất nước, non-sông, những cái ý-nghĩa về quốc-gia, chủng-tộc.

Nhiều người thường ví *Quả-dưa đỏ* như bộ *Robinson Crusoë* của Daniel de Foë. Mà tôi thì tôi cho sự so-sánh đó là không thích-đáng.

Vì sao?

Cốt truyện thì vẫn có cái phù-hợp, mà chỗ dụng-ý và cái nghệ-thuật của hai tác-giả lại chẳng có chỗ nào dống nhau.

Robinson là một người thích những nơi phương xa đất lạ, thích những cảnh trời nước minh-mông, thích thú giang-hồ, thích sự phiêu-lưu, rồi trốn nhà ra đi mà gây nên thành truyện. Truyện của một người nhân cái thích khác đời mà có sự sống khác

đời, mà sự sống khác đời sở-dĩ có được là nhờ ở những năng-lực giầu-mạnh hơn người đời.

Còn An-Tiêm không phải là một người mà chỉ là cái lý-tưởng của một tín-đồ nho-giáo. Tác-giả bắt cái lý-tưởng đó phải hành-động, phải phiêu-lưu, phải cảm-giác sự-vật, phải tạo-lập cơ-đồ để diễn-chứng ra cho người đời cái tinh-thần giáo-hóa của đạo-học thánh-hiền.

Dụng-ý đã khác nhau thì nghệ-thuật cũng không dống nhau được.

Trong truyện Robinson, sự-vật nói nhiều hơn lời nói, mà trong *Quả-dưa đỏ* thì lời nói nhiều hơn sự-vật. Robinson không hay nói bằng An-Tiêm, nhưng Robinson hoạt-động hơn An-Tiêm, phiêu-lưu hơn An-Tiêm, cái gì nghĩ ra là tự ở óc thông-minh, cái gì làm được là nhờ ở trí can-đảm. Còn An-Tiêm là một nhà bác-học, một kẻ tín-đồ, mỗi việc đều lấy sách cổ-nhân ra tra-cứu, mỗi sự đều theo ý thượng-đế mà thiệt-hành.

Người như An-Tiêm là đã hết cái nhân-tánh của mình rồi, người đó không phải là người nữa.

Bởi vậy nên ta đọc truyện An-Tiêm mà lắm chỗ ta phải giận, phải tức cho cái tánh-cách của chàng thực không dống ta chút nào cả, chỗ ta đáng khóc thì chàng cười, cảnh ta nên buồn thì chàng vui, không lúc nào chàng có cái yếu-hèn của thường-tục, không lúc nào chàng có giọt nước mắt của thế-nhân, chàng

không phải là tiên là thánh, thì chàng đã mất cái nhân-tính đi rồi.

Ta vẫn phục chàng, kính chàng, lấy chàng làm kiểu-mẫu cho ta, mà thiệt là chàng cách-biệt với ta quá, ta không thế nào yêu chàng, thương chàng được.

Nói vậy là cái phần tâm-lý trong truyện đã mất hẳn rồi. Mà chẳng những một phần tâm-lý, cái sinh-hoạt đã không có mầu lịch-sử, mà cách hành-động lại chậm-chạp lôi-thôi. Nói chuyện đời Hùng-Vương mà nhân-vật tả ra ở ngôn-ngữ, cử-chỉ thiệt in như người đồng-thời với tác-giả và độc-giả.

Ở một cuốn phiêu-lưu tiểu-thuyết mà sự phiêu-lưu còn ít hơn lời nói chuyện, cách bố-cục chẳng có gì là tự-nhiên, mà sự giải-cấu cũng không được thần-tình ý-vị.

Nhân những lẽ đó mà tôi không muốn đem cái công-trình của Nguyễn-quân đối-chiếu với cái tác-phẩm của Daniel de Foë. Tôi lại muốn so-sánh nó với chuyện Télémaque của Fénelon hay bộ *Génie du Christianisme* của Chateaubriand.

Fénelon thì đem cái học cổ-điển mà chứa vào óc Mentor rồi bắt Mentor dẫn Hoàng-tử Télémaque đi phiêu-lưu bốn-bể để học cái đạo tu, tề, trị, bình. Còn Chateaubriand thì đem những kỳ-quan thắng-cảnh của thiên-nhiên vũ-trụ mà cực-tả ra bằng một lối văn phong-thú cảm-động để ca-tụng cái công-đức của

Thượng-đế là kẻ đã tạo-lập nên cái thế-giới nầy, và đã cho con ngài là đức Gia-tô giáng-sinh để giác-ngộ cho chúng ta nên người hữu-đạo.

Télémaque còn phải có Mentor đi theo để dậy-dỗ, nhưng An-Tiêm thì đã sở-đắc được cái học thánh-hiền mà có thể tự mình đem ra thực-hành ở trong bước phiêu-lưu.

Chateaubriand thường đứng trước thiên-nhiên mà tả cảnh tạo-vật để tìm ra cái xảo-thủ của Hóa-công. Còn ông Đồ-Nam chỉ nằm nhà tưởng-tượng đến những phong-cảnh thần-tiên để bắt An-Tiêm phải cảm lấy cái ơn-đức của Thượng-đế.

Chuyện Télémaque ly-kỳ hoạt-động hơn chuyện An-Tiêm, nhưng nó vẫn có một cái cứu-cánh giáo-dục tương-tự như trong *Quả-dưa đỏ*. Chateaubriand vẽ cảnh mắt thấy vốn vẫn tinh-xảo hơn ông Đồ-Nam-Tử tả cảnh nghĩ ra, nhưng ông nào cũng muốn tìm-kiếm ở trong vườn tạo-vật cái công-trình vĩ-đại của Thượng-đế hóa-công.

Nếu thế thì cuốn *Quả-dưa đỏ* sẽ không phải là một bộ tiểu-thuyết mà tôi cũng không nên dựa theo cái nghệ-thuật tiểu-thuyết mà phê-bình nó.

Mà nếu có cho nó là tiểu-thuyết đi nữa, cũng chỉ là một thứ tiểu-thuyết có luận-đề (Roman à thèse), tác-giả đã dùng nó để diễn-đạt cái thâm-ý của mình.

Cái lối tiểu-thuyết này nay được thịnh-hành lắm. Nếu luận-đề có ý-nghĩa chánh-đáng, có lý-tưởng cao-

thâm, và nếu cách phô-diễn được tinh-thần linh-hoạt thì tác-phẩm sẽ có được cái giá-trị về tư-tưởng hơn là về văn-chương, nó sẽ là một cái công-trình về học-thuật, chứ không phải là một cái mỹ-tác của văn-gia.

Quả-dưa đỏ sau này nếu có được cái địa-vị vẻ-vang trong văn-học-sử Việt-nam, sẽ không nhờ ở cái kết-cấu phiêu-lưu, ở cái nghệ-thuật tiểu-thuyết, mà chỉ nhờ ở cái kỳ-tình cao-tứ của tác-giả là người đã khéo đem cái tâm-hồn thi-sĩ mà phô-diễn được cái tinh-lý của đạo Nho.

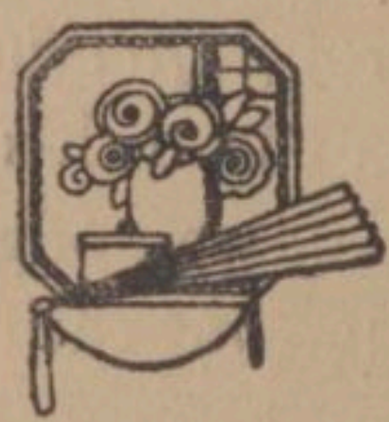

PHẦN THỨ BA

CẢO-LUẬN

I. — Nói chuyện Quốc-học.

Mới đây có cuộc tranh-luận về quốc-học của mấy nhà trí-thức trong nước, nghe ra thú-vị quá. Thực là một cái triệu hay, mà giữa xã-hội Việt-nam nầy, ta đã thấy phát-sinh ra được những vấn-đề có cái tính-cách cao-trọng như thế.

(Bị kiểm duyệt bỏ).

Nhà thiệt-hành đã kiếm ra những bực anh-hùng cứu-quốc mà tiếp-tục lấy cái sự-nghiệp ở lịch-sử. Nay tới phiên nhà ngôn-luận phải tìm ra những bậc triết-nhân học-sĩ mà tiếp-tục lấy cái sự-nghiệp ở tinh-thần.

Dầu nhận là nước ta có quốc-học, hoặc cho là nước ta không có quốc-học, thì những nhà đã dự vào cuộc tranh-luận đó, cũng đều đã vì quốc-học mà phát-ngôn, có quan-tâm đến sự tấn-hoá của quốc-gia xã-hội vậy.

Nhưng, đã gọi là quốc-học, mà đến phải tranh-luận nhau về sự « có », « không » thì cái quốc-học đó, dầu có, cũng không đáng cho ta được tự-mãn tự-kiêu.

Huống, trong những nhà đã hô to lên là « có », mà còn có nhà chưa chịu phân-biệt được rõ quốc-học với văn-học khác nhau những gì, thì cái quốc-học của ta vị-tất đã hẳn là có được.

Ông cử Dương-bá-Trạc mới đây đã dám cho La Fontaine vào quốc-học-sử nước Pháp, thì sau nầy, nếu những nhà trí-thức cùng một cái quan-niệm như ông, mà có phục-hưng được cái mà các ông vẫn kêu là quốc-học, sợ nó sẽ không phải là quốc-học mà chỉ là văn-học thôi vậy.

Quốc-học có thể gồm trong văn-học mà văn-học không thể kêu bướng cho là quốc-học được.

Quốc-học phải là cái học-thuật riêng của một nước, nó đặc-biệt cho nước ấy, có ảnh-hưởng trực-tiếp đến văn-học và gián-tiếp đến xã-hội.

Trong văn-học sử nước ta cái ảnh-hưởng của Khổng-Mạnh, Lão-Trang, hay của Phật-gia, Mặc-tử, vẫn thấy có, mà chẳng hề thấy có ảnh-hưởng của một học-phái nào trong nước cả.

Những công-trình văn-nghiệp của tiền-nhân ta để lại, rồi có nhờ cái « Quốc-học đồ-thơ quán » của ông Lê-Dư mà được sống lại trong quốc-văn, nếu cho là có ích cho quốc-học sau này thì được, nhưng sợ không đủ hẳn phát-minh được cái quốc-học trước kia đâu.

Cái quốc-học đó ta đã không thấy nó tiềm-tàng ở trong văn-học mà cũng không thấy nó có dấu-vết gì trong lịch-sử, nghĩa là không có ảnh-hưởng gì đến sự sinh-hoạt của quốc-dân từ trước đến nay cả.

Dân-tộc Annam tới nay, hãy còn nhớ đến sự giáo-hóa của ông Khổng, ông Mạnh, ông Trình, ông Chu, mà không hề nhớ đến nước ta còn có cái giáo-hóa nào khác cái giáo-hóa ấy nữa.

Nước Pháp cũng có chịu cái giáo-hóa của Hy-lạp, La-mã mà từ ngày có cái học-thuyết của Descartes ra đời, dân Pháp còn biết đến cái lý-trí (raison) của mình hơn là Platon hay Socrate. Tới khi thấy phát-minh cái triết-học về tình-cảm của Rousseau thì người Pháp lại đua nhau sống theo cái cảnh đời lãng-mạn của thi-nhân. Lại từ lúc có Auguste Comte đem cái khoa-học thiệt-nghiệm (Positivisme) mà truyền-bá ra đời thì dân Pháp hầu chỉ biết thờ có ông thần khoa-học, cho tới bây giờ vẫn cùng chung với Ernest-Renan có cái tín-ngưỡng về tương-lai của khoa-học (Avenir de la science) hoặc theo Hippolyte Taine mà tìm lấy chân-lý ở sự cách-vật trí-tri.

Cái quốc-học của nước Pháp là ở những nhà đó mà cái ảnh-hưởng của nó cũng đã rõ-rệt ra lịch-sử mà ta đã thấy đó rồi.

Nhưng cái ảnh-hưởng ấy trước hết phải trực-tiếp vào văn-học, nhờ có văn-học mà thấu đến lịch-sử. Nên đọc văn-học-sử nước Pháp ta thấy suốt thế-kỷ thứ 18 đều thờ một cái lý-trí của Descartes, suốt thế-kỷ thứ 19 đều nuôi một cái cảm-tình của Rousseau, mà trong

cái thế-kỷ thứ 20 nầy vẫn xa có Auguste Comte, gần có Taine và Renan làm hướng-đạo cho cái phong-trào tư-tưởng của người Pháp bây giờ.

Ông Phan-Khôi giải nghĩa hai chữ « Quốc-học » có nói : « Không chắc cho lắm, nhưng hình như nó bao-hàm triết-học và khoa-học (nghĩa rộng) ở trong ».

Sao lại « không chắc cho lắm »? mà sao lại « hình như »? Quốc-học chính là gồm những cái phong-trào tư-tưởng triết-học (Courants de la pensée philosophique) của một nước, nó có thể chịu ảnh-hưởng của cái triết-học nước ngoài mà vẫn phải có phần khác mà biệt hẳn ra vậy.

Một nhà học-giả Trung-hoa có nói : « Việc học-vấn bước thứ nhứt là «nhân» mà bước thứ hai là «cách». Nhân là bắt chước của người để làm cái hay cho mình, thì cốt phải « đồng », cách là sáng-tạo tự mình có phần giỏi hơn thì cốt phải « dị ». « Dị » với « đồng » giúp lẫn nhau, « nhân » với « cách » dùng thay-đổi, mà làm cho hay thêm học-thuật lên ».

Tư-tưởng nhân-loại nó vẫn có cái đống nhau thì kẻ nầy vẫn thường nhân cùng người kia mà có cái đồng. Tư-tưởng nhân-loại nó vẫn có cái khác nhau thì người kia cũng thường phải cách với kẻ nầy mà có cái dị.

Cái học mình đối với Hán-học chỉ có nhân mà không cách, có phần đồng mà không có phần dị, không đủ thay cho Hán-học mà ảnh-hưởng đến văn-học, xã-hội, thì không thể kêu là quốc-học được.

Nay ta chỉ nên xét:

1° Tại sao nước Pháp đã từng chịu cái ảnh-hưởng của văn-hóa La-Hy mà nước Pháp có quốc-học?

2° Tại sao nước ta chịu ảnh-hưởng của văn-hóa Trung-quốc mà nước ta không có quốc-học?

Ông Phạm-Quỳnh trước đây đã chỉ ra ba cái nguyên-nhân: *a)* Vì cái học của Đông-phương thiên về chủ-quan mà không được phát-đạt; *b)* Vì đối với Trung-quốc có sự nội-thuộc về chánh-trị mà chẳng hay có cái tự-lập về tinh-thần; *c)* Vì trước kia không chịu dùng đến quốc-văn mà chẳng hay có cái độc-lập về tư-tưởng.

Cái học về chủ-quan phát-đạt chậm, song vẫn có thể phát-đạt được, vì ta vẫn thấy cái tư-tưởng triết-học của người Tàu, nó hằng tấn-hóa, ngay từ trước khi được tiếp-xúc với cái văn-minh khoa-học của Âu-tây.

Cái nội-thuộc về chánh-trị có hạn-chế cái tự-do của tinh-thần, song vẫn không hạn-chế được hẳn, vì ta còn thấy những cái tư-tưởng độc-lập như Tagore, Gandhi, xuất-hiện ra ở nước Ấn-độ của người Anh.

Còn nói quốc-văn có ích cho sự phát-triển của quốc-học thì tôi xin chịu là đúng, sẽ có ý-kiến bàn thêm.

Nay xét tới cái tư-tưởng triết-học của nước Pháp, ta thấy nó chỉ mới phát-đạt được từ hồi « văn-nghệ phục-hưng » (Renaissance), sau khi có sự cải-cách về tôn-giáo (la réforme). Nhờ văn-nghệ phục-hưng mà

người Pháp mới rõ được cái cổ-học La-Hy (humanités gréco-latines) hơn người đời Trung-cổ (Moyen âge). Nhờ sự cải-cách về tôn-giáo mà dân Pháp mới thấy phát-triển được cái óc phê-bình (esprit critique).

Cái cổ-học đó đã gây cho người Pháp thời ấy có cái trí-thức của người Hy-lạp, La-mã, được nhân đấy mà đồng với người ta. Mà cái óc phê-bình lại giúp cho người Pháp được cách-dị với tiền-nhân để tấn-hóa hơn người trước.

Trong nước ta bây giờ, sự học cũng còn ở chỗ nhân mà chưa tới chỗ cách, còn cần ở chỗ đồng mà chưa tới được chỗ dị.

Những nhà học-giả như các ông Trần-trọng-Kim, Phạm-Quỳnh, đương ra công phục-hưng lấy cái cổ-học của Trung-quốc, chính chỉ đủ làm chỗ khởi-điểm cho cái quốc-học sau này của ta. Mà cái « Quốc-học đồ-thư quán » của ông Lê-Dư, nếu có làm được việc gì có ích, cũng chỉ ích được cho chỗ đó mà thôi vậy.

Còn những nhà có tư-tưởng cấp-tiến mà tự-do, có tinh-thần cực-đoan mà rộng-rãi, như ông Phan-Khôi, dầu có hấp-tấp nóng-nẩy mà cũng đáng cho ta chú-ý về cái chỗ lập-dị của ông, nó chỉ là muốn vượt chỗ nhân mà bước đến chỗ cách thôi vậy.

Nhưng thực-tình thì chỗ ông muốn vượt, nó vẫn chưa vượt được, mà chỗ ông muốn cách nó cũng còn là nhân.

Sao vậy?

Vì cách với cái học của Tàu mà vẫn còn phải đồng với cái học của Tây thì vẫn là còn ở chỗ nhân mà chưa tới chỗ cách.

Nay đã có những bực nho-học uyên-thâm lo về sự phục-hưng cái cổ-học cố-hữu, tưởng phải cần có những nhà Tây-học quảng-bác, lo thâu-nạp lấy cái tấn-hóa Âu-tây. Tới khi ta đã thụ-lãnh được những cái bảo-tàng của hai cái học-thuật, mà ta lại biết giữ lấy cái tinh-thần tự-do, tư-tưởng độc-lập, cái khối óc phê-bình, thì tự-nhiên ta phải từ chỗ nhân mà bước đến chỗ cách, nhân chỗ đồng mà đi sang chỗ dị, nghĩa là ta đã phát-sinh ra được cái tư-tưởng triết-học đặc-biệt của ta, nó sẽ qui-tụ lại thành cái quốc-học của nước ta sau này vậy.

Mà trong cái công, việc này, đồng-thời ta phải có cái quan-niệm « học-thuật vì học-thuật » và phải biết dùng cái « lợi-khí » quốc-văn.

Học-thuật vì học-thuật là thế nào? Phần nhiều học-giả hễ kê-cứu học-thuật là muốn đem dùng ngay nó vào việc đời, cho học-thuật là cái phương-tiện (moyen) chớ không phải là cái cứu-cánh (fin). Đã là phương-tiện thì hễ đến chỗ dùng được là dùng, dùng rồi là thôi không phát-đạt được nữa. Còn đã cho nó là cứu-cánh thì dan-díu với nó hoài, để phát-minh cho đến chỗ tinh-túy của nó, theo đuổi cho đến chỗ cùng-cực của nó, như vậy mới khả-dĩ có cái học cao-thâm đủ gây lấy cái quốc-học xứng-đáng. Rồi người ta sẽ đem nó ra mà thiệt-hành, nó sẽ làm trăm ngàn cái phương-tiện cho người đời mà nó vẫn giữ được cái cốt-cách của nó, cùng cái danh-dự của những người đã đẻ ra nó vậy.

Còn sao phải dùng đến quốc-văn? Tiếng nước mình, chữ nước mình nó vẫn hòa theo với cái tinh-thần của người mình. Dùng nó mà thâu-nạp cái tư-tưởng của người ngoài, nó vẫn không thể nào thâu-nạp được hẳn mà vẫn có chỗ khác của nó ở trong. Cái chỗ khác đó chính đã tiềm-tàng giúp cho bước nhân-đồng của mình có chỗ cách-dị với người. Dùng nó mà tư-tưởng, mà diễn-thuật, thì các công-dụng của chỗ cách-dị lại thêm lên nhiều lắm, quốc-học khả-dĩ nhờ ở đấy mà phôi-thai, rồi sẽ cũng ở đấy mà tấn-hóa nữa.

Càng bàn đến quốc-học ta càng rõ cái giá-trị của quốc-văn, mà càng nghĩ đến quốc-học ta càng thấy nó có quan-hệ đến sự tồn-vong của Tổ-quốc.

II. — Nói chuyện tiểu-thuyết

Tôi không làm nghề văn-sĩ, nhưng cũng có lúc cao-hứng ngồi viết văn chơi. Trong những khi giấy-má, sách-vở bề-bộn trên bàn, tôi đương cắm-cúi làm việc, hoặc-giả có bạn-hữu tới chơi. Đối với những người đã quen-biết lắm, tôi có thể cứ y-nhiên như vậy mà chuyện-trò. Nhưng đối với người quen sơ, hoặc không phải là chỗ bạn văn-chương thì tôi thường xếp đồ lại rồi mới tiếp. Song cũng có khi xếp-dọn không kịp, khách thấy vậy, hỏi :

«Chà! Anh nầy cũng viết tiểu-thuyết nữa!»

Tôi cười không đáp. Khách về, tôi nghĩ :

«Họ không thấy mình viết gì, sao dám võ-đoán mà cho là viết tiểu-thuyết? Vả văn-chương há chỉ có tiểu-thuyết thôi ư?»

Sau nhờ kinh-nghiệm, tôi mới nhận thấy cái lý-do vì sao mà người ta hay nói tiểu-thuyết hơn nói văn-chương và hay cho tiểu-thuyết là một thể độc-nhất của văn-học.

Trước hết vì số nhiều sách xuất-bản đều là tiểu-thuyết. Sau là vì công-chúng vẫn ham đọc tiểu-thuyết hơn các thứ văn khác ra đời.

Chẳng những người tầm-thường ít học, mà cả đến những bậc trí-thức thượng-lưu cũng có người ham coi tiểu-thuyết lắm.

Sự ham đọc tiểu-thuyết hầu như do một cái thiên-tính của người ta.

Cái thiên-tính đó là cái tinh phiêu-lưu. Dầu người nào hiếu-tĩnh đến đâu cũng còn có sự thích đó.

Trước kia, nhân-loại còn giã-man, nhân-sinh còn khổ-cực, trái địa-cầu còn là miếng đất hoang-vu, cảnh thế-giới còn là một trường chiến-đấu, thì sự phiêu-lưu của người ta chẳng phải kiếm mà cũng có, và cái thiên-tính phiêu-lưu cũng đã có chỗ phát-triển ra được đầy-đủ hoàn-toàn.

Nhưng địa-cầu càng khai thác, thế-giới càng văn-minh, xã-hội càng có trật-tự điều-hòa, nhân-loại càng được an-cư lạc-nghiệp, thì sự phiêu-lưu càng ít mà cái sở-thích phiêu-lưu của ta lại càng ít cơ-hội được phát-triển tự-do.

Sống ở thành-thị ta muốn hưởng thú thôn-quê. Sống ở đồng-bằng ta muốn lên chơi sơn-dã. Ở địa-lục muốn bình-bồng ngoài biển-khơi. Giữa trần-gian muốn bay bổng trên mây bạc. Nhất-thiết đều do ở cái sở-thích phiêu-lưu.

Nhưng thực-hành được những sự thích đó, nào có phải dễ gì đâu? Hoặc không có tiền, hoặc không có thế, hoặc vì sinh-kế cản-trở, hoặc vì pháp-luật cấm-ngăn, hầu đều là những cái trở-lực cho ta vậy.

Nhân đấy mà có sự ham đọc tiểu-thuyết và cũng nhân đấy mà thể-văn tiểu-thuyết được nhiều người vun-trồng trứ-thuật.

Phải, ta thích phiêu-lưu mà ta không được phiêu-lưu, thì đọc tiểu-thuyết tức cũng là một sự phiêu-lưu vậy.

Đọc tiểu-thuyết của Pierre Loti cũng như phiêu-lưu khắp năm châu bốn biển. Đọc tiểu-thuyết của Honoré de Balzac cũng như phiêu-lưu trong xã-hội nhân-gian. Đọc tiểu-thuyết của Paul Bourget cũng như phiêu-lưu tới những chỗ huyền-bí của tâm-giới người đời. Đọc tiểu-thuyết của Lamartine cũng như phiêu-lưu ở nơi trường-tình, biền-ái.

Có phiêu-lưu mới có cảm-giác, mới có sự sống vừa lòng của nhân-sinh.

Sự sống của ta càng yên-lặng bao nhiêu thì ta càng chán-nản bấy nhiêu. Mà càng chán-nản bao nhiêu thì ta càng ham-chuộng những cảnh phiêu-lưu của tiểu-thuyết để mua lấy những cảm-giác mà cái đời bình-tĩnh của ta ít khi cho ta được hưởng-thụ.

Có người đã khảo-nghiệm rằng từ năm 1789 nghĩa là từ hồi Đại-cách-mệnh cho đến năm 1815, là một thời-kỳ khủng-hoảng vì nội-biến ở nước Pháp, thì số tiểu-thuyết xuất-bản thiệt là ít-ỏi vô-cùng. Kể từ năm 1815 trở đi, nhờ được nội-trị ngoại-an mà số tiểu-thuyết ra đời được tăng lên nhiều lắm.

Lại từ năm 1914 tới năm 1918 vì có cuộc đại-chiến dữ-dội mà số tiểu-thuyết xuất-bản ở Pháp bị sụt hẳn đi. Kể sau khi hòa-ước đã ký, thiên-hạ thái-bình, thì thể văn đó lại được trở lên toàn-thịnh.

Sao vậy? Sao hồi loạn thì tiểu-thuyết ít đi? Mà sao hồi trị thì tiểu-thuyết lại nhiều lên?

Duyên cớ là như vầy:

Hoàn-cảnh bao giờ cũng có trực-tiếp quan-hệ tới người ta. Thiên-hạ thái-bình thì đời ta vô-sự. Mà

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F. IMPRIMÉS

thiên-hạ loạn-lạc thì ta cũng có lắm chuyện đa-đoan.

Ở vào một cái hoàn-cảnh nguy-loạn, dầu ta không vác súng cầm gươm, mà ta vẫn thường phải băn-khoăn cảm-giác về những sự sảy đến ở chung-quanh ta.

Những tin-tức ở trận-địa, những kế-hoạch của Chánh-phủ, những sự thiệt-chiến ở nghị-trường giữa các đảng-phái, những cảnh tàn-phá ở biên-giới có thiệt-hại đến lương-dân, nhất nhất đều khiến cho ta phải chú-ý quan-tâm, mà mua lấy những cái cảm-giác mạnh-mẽ của một cuộc đời phong-ba khủng-hoảng.

Những cảm-giác đó, thời-cuộc đã cho ta, hoàn-cảnh đã đưa đến, ta không cần phải tìm-kiếm ở sự đọc tiểu-thuyết mà ta cũng được hưởng-thụ một cách quá-ư đầy-đủ vậy. Trong những thời-kỳ đó, tiểu-thuyết có ra đời cũng không bán chạy, nên sự xuất-bản lý-ưng phải ít đi.

Còn những lúc thiên-hạ thái-bình, người đời vô-sự, thì cái sở-thích phiêu-lưu của nhân-loại lại phải cần có tiểu-thuyết mới thỏa-mãn được mà số tiểu-thuyết ra đời cũng nhân đấy mà thịnh-hành.

Ta thấy đàn-bà con-nít ham đọc tiểu-thuyết Tàu, những là *Phong-Thần, Tây-Du, Chinh-Đông, Thủy-Hử*, ta chê là những tiểu-thuyết hoang-đường nhảm-nhí. Nhưng còn ta, sao ta cũng có hồi thích những truyện thám-hiểm của Jules Verne hay những truyện trinh-thám của Arsène Lupin?

Vẫn biết truyện Tàu thì hoang-đường phi-lý quá, những người có đòi chút học-vấn đều không có thể tin được. Nhưng đối với những kẻ chưa đủ trí-thức mà nhận thấy những chỗ phi-lý đó, thì truyện Tàu vẫn có ý-vị, có lý-thú, đủ cho họ ham-chuộng, say-mê.

Còn ta, đã đành ta đã biết nhận ra những điều phi-lý mà không tin, nhưng ta thường cũng có chuộng những sự hoang-đường bày-đặt. Ta đọc, ta biết những sự đó chẳng hề bao giờ có xảy ra, nhưng nếu tác-giả đã khéo kết-cấu, cho nó sảy ra được một cách thần-tình phải thế, thì ta cũng thấy có thú-vị mà ham coi, có năng-lực đủ cám-dỗ ta vậy.

Tuy-nhiên, tính thích phiêu-lưu là tính chung, mà phiêu-lưu cũng có nhiều cách, tùy theo cái sở-hiếu của từng người.

Người thích hoang-đường, kẻ ưa thực-sự. Người thích sông-núi, nước-mây, kẻ ưa nhân-quần xã-hội. Người muốn sự phiêu-lưu nguy-hiểm ở cảnh đời gian-nan, kẻ ưa cách phiêu-lưu mơ-màng ở trong trường ái-luyến.

Nhưng cái sở-hiếu của mỗi người, đều có thể theo cái trình-độ trí-thức của mình mà chuyển-di tiến-hóa.

Trong chúng ta, người nào có lẽ cũng thấy cái sự tiến-hóa đó ở mình.

Hồi nào còn ham *Phong-Thần*, *Tây-Du*.

Hồi nào còn ham *Trinh-thám tiểu-thuyết*.

Hồi nào còn muốn làm *Lỗ-bình-Sơn* phiêu-lưu nơi phương xa đất lạ.

Hồi nào còn muốn cùng Tố-Tâm, Lê-Ảnh gắn-bó mối thâm-tình.

Mà rồi trở lại chán chuyện hoang-đường, chán trò trinh-thám, chán sự phiêu-lưu bịa-đặt của nhà văn, chán cái ái-tình mơ-màng của thi-sĩ.

Chán hết những cái ta đã ham hồi trước, mà nào ta đã hết muốn đọc tiểu-thuyết nữa đâu?

Ta sẽ muốn đọc những tiểu-thuyết thích-hợp với cái trình-độ tinh-thần của ta.

Ta nhờ cái ảnh-hưởng của khoa-học mà biết yêu mến sự thật, ta nhờ cái ảnh-hưởng của triết-học mà biết yêu-mến tư-tưởng; ta lại nhờ cái ảnh-hưởng của văn-học mà biết yêu-mến người đời, thì cái tiểu-thuyết nó được ta đọc tới cũng phải tả sự thật, do ở sự thật phát ra cái tư-tưởng cao-thâm, do ở những tư-tưởng cao-thâm mà nẩy ra những cảm-giác về nhân-sinh, nhân-loại.

Gần đây, khắp văn-học thế-giới đâu đâu cũng có cái phong-trào tả-thực. Mà cái phong-trào này là nguyên-lai tự cái trí-thức của nhân-loại nó đã tiến-hóa theo khoa-học tới một cái trình-độ khá cao.

Nhưng tả-thực là thế nào?

Tả-thực là đem những sự mắt thấy tai nghe cho vào văn-chương sách-vở. Nhà cổ-điển chỉ tả những cái hiện-tượng đại-đồng của tâm-giới. Nhà lãng-mạng chỉ tả những mối tình-cảm mơ-màng của thi-nhân.

Còn nhà văn-học tả-thực thì chẳng chịu bỏ sót một cái gì mà không nói đến. Tâm-giới cũng tả mà ngoại-giới cũng tả. Cả những cái xưa nay người ta vẫn chê là tầm-thường thô-tục không được nói vào văn-học mà nay cũng thấy họ đem làm tài-liệu cho văn-chương.

Trong phái tả-thực đã có người chịu khó trà-trộn vào những hạng lao-động thợ-thuyền, lần-quần ở những nơi đầu đường xó chợ, cốt để tìm-tòi học-hỏi cho biết cái sinh-hoạt của khắp các hạng người trong xã-hội. Hy-sinh vì chân-lý, khổ công cho văn-học, những đức-tính đó thực là đáng quí, đáng phục vô cùng.

Nhưng ngoài ra ta lại thấy một cái tệ cũng rất nên đáng tiếc.

Tệ là những nhà văn tả-thực thường có ý muốn phô-trương những cái xấu hơn những cái tốt, đem bề trái của xã-hội mà vẽ ra hơn là đem bề mặt của nó mà tả-diễn.

Có lẽ họ cho rằng cái tốt trước đây đã có nhiều người nói đến thì cái xấu nay tới lượt họ phải trưng ra, cái bề-mặt vốn bình-an vô-sự mà cái bề-trái mới có lắm chuyện lý-thú ly-kỳ.

Đấy cũng là một cái thiên-kiến. Mà đã là thiên-kiến thì đều là có hại.

Như ý tôi thì tả-thực là nên, nhưng phải tả hết cả sự thực, chớ không nên nói cái nầy mà bỏ cái kia. Nhân-loại không phải chỉ có những tụi trộm cắp, sát nhân, gian-hùng, xảo-trá, mà cũng còn có người

lương-thiện có bậc anh-hào, có kẻ phong-lưu hảo-hán, có đấng nghĩa-hiệp trượng-phu.

Tả đủ sự thực, tức là cách-vật trí-tri. Ta có thể coi đấy mà biết rõ được nhân-tình thế-thái, gần ra thì ở cái xã-hội của ta, xa ra thì ở cái phong-tục xứ người, mà cốt nhất là biết được cái bản-sắc của nhân-loại.

Cái bản-sắc của nhân-loại (le fond humain), chính là cái có trực-tiếp quan-hệ đến ta.

Nhân-loại vốn đại-đồng mà tiểu-dị, thì nhân-sinh đều nên hiểu-biết lẫn nhau. Người cao-thượng, khách phàm-lưu, kẻ giai-nhân đài-các, tụi đàng-điếm chơi-bời nhất-thiết đều là những người trong nhân-loại thì nhất-thiết đều có chút-ít dống ta.

Ta là người tầm-thường mà ta cũng có chút ít cao-thượng. Ta là kẻ lương-thiện mà ta cũng có đôi cái yếu-hèn, vì ta là người trong nhân-loại mà cái bản-sắc của nhân-loại là phức-tạp ly-kỳ như vậy đó.

Nhà văn-sĩ có tài là người hay diễn-tả được cái bản-sắc đó ra cho ta coi đến mà biết người, biết mình, biết cái phần cao-thượng của nhân-loại mà cảm-phục, biết những chỗ yếu-hèn của nhân-loại mà xót-thương, biết nhân những cái cảm-giác đó mà phát-sinh ra những tư-tưởng thâm-trầm về cái nhân-sinh triết-học.

Nước ta lâu nay cũng đã có sản-xuất ra được nhiều tiểu-thuyết.

Những lịch-sử tiểu-thuyết như của ông Nguyễn-tử-Siêu ngoài Bắc, của ông Tân-dân-Tử trong Nam, thì mô-phỏng theo truyện Tàu. Mà bi-mật tiểu-thuyết

như của ông Phú-Đức thì bắt chước theo tuồng chớp bóng của Tây.

Những sự mô-phỏng, bắt-chước nầy, dầu còn có chỗ vụng-về khuyết-điểm, nhưng cũng có cái hay là đã cướp được một số đông độc-giả của các tiểu-thuyết Tàu mà bắt đầu biến-đổi được chút-ít cái sở-hiếu của quần-chúng Annam.

Kế có tiểu-thuyết của ông Hồ-biểu-Chánh ra đời, cũng là rút ý ở các tiểu-thuyết Tây, nhưng là ở những tiểu-thuyết có giá-trị, như cuốn *Sans famille* của Hector Malot, hay bộ *Misérables* của Victor Hugo.

Song rút ý mà ông vẫn cho các nhân-vật của mình một cái linh-hồn Annam để hành-động sinh-hoạt trong cái xã-hội quen-biết của ta nầy.

Những tiểu-thuyết của ông Hồ được hoan-nghinh một cách vẻ-vang xứng-đáng, ấy nghĩa là cái sở-hiếu của độc-giả đã tiến-hóa được mau-chóng lạ thường.

Hết ham sự hoang-đường, hết ham trò trinh-thám, mà nay đã biết ham những truyện sẩy ra ở trong hoàn-cảnh của mình, có dính-dáng đến cái phong-tục thực có của dân-gian, có quan-hệ đến cái chế-độ hiện-thời của xã-hội.

Cái sở-hiếu mà đã thay-đổi được đến thế, nghĩa là cái trình-độ trí-thức đã có tiến mà như chiều khuynh-hướng theo cái phong-trào tả-thực của thế-giới khoa-học ngày nay.

Ông Hoàng-ngọc-Phách đã dùng tâm-lý-học mà viết sách Tố-Tâm. Ông Trọng-Khiêm đã đem điều thực-nghiệm mà viết truyện *Kim-anh lệ-sử* (1). Ông Phan-huấn-Chương đã làm được bộ phong-tục tiểu-thuyết *Hồn máu bỏ rơi*, rất xứng-đáng với cái phần thưởng của báo *Đuốc-nhà-Nam* ngày nọ. Nhưng gần đây có ông Tam-lang Vũ-đình-Chí, thường viết những bài đoản-thiên cho *Hà-thành Ngọ-Báo*, mới thực là có khiếu quan-sát hơn người, thêm được ngọn bút tả-chân rất thần-tình linh-hoạt.

Coi như vậy thì lối văn tiểu-thuyết của ta, trong ít năm nay, đã tiến được một bước khá dài. Nó đã chịu ảnh-hưởng ở văn-học Pháp, và có lẽ còn phải nhờ ở cái ảnh-hưởng đó mà mới tiến-hóa thêm được.

Nói rằng nó tiến-hóa theo với cái sở-hiếu của quần-chúng, nhưng kỷ-thực nó vẫn có giúp cho cái sở-hiếu đó càng ngày càng thêm chắc-chắn khôn-ngoan, đủ ý-thức mà theo kịp sự tiến-hóa của nó.

Nó không khúc-mắc như khoa-học, nó không sâu-xa như triết-học, nên nó vẫn được quen-biết với nhiều người. Nhờ ở sự quảng-giao đó mà nó giúp ích cho người đời không phải là ít vậy.

Nhà phê-bình Crébillon fils có nói mấy câu, xin để kết-luận cho bài này :

« Tiểu-thuyết, mà những nhà thức-giả thường khi-« dể (và khi-dể cũng nhiều khi đúng lắm) có thể trở

(1) Kim-Anh Lê-sử sắp in tiếp cuốn thứ ba và tái-bản cuốn thứ nhất và nhì.

« nên một lối văn mà người ta làm cho bổ-ích hơn « hết được.

« Nếu đừng bày-đặt ra những cảnh-ngộ tối-tân, « miễn-cưỡng, nếu đừng sáng-tạo ra những nhân-« vật có cái tính-cách và những sự phiêu-lưu khác-« thường, mà chịu đem phô-diễn cái thực-trạng cuộc « sinh-hoạt của người đời, không làm tổn-thương đến « đạo-đức và lẽ phải, không bắt cái tình-cảm phải « rung-động vì những chuyện vô-lý, để người đời sẽ « được thấy rõ cái bổn-sắc của người đời, thì ta không « làm cho họ phải lòa mắt, mà chính là ta dạy cho họ « được khôn lên ».

III. — Báo-giới và văn-học quốc-ngữ.

(Bài diễn-thuyết đọc ở Hội Nam-kỳ Khuyến-học Saigon, ngày 19 Juillet 1933).

Thưa quý ông, quý bà,

Tôi còn nhớ, cách đây trên mười năm, hồi tôi còn tòng-học tại Hanoi, không tối thứ năm nào là tôi không tới nhà hội Trí-Tri nghe diễn-thuyết.

Trong những buổi đi nghe diễn-thuyết đó, thất-vọng cũng nhiều mà hứng-thú cũng lắm. Thất-vọng vì câu chuyện vô-vị, mà hứng-thú bởi câu chuyện có duyên.

Nhưng rốt cuộc rồi sự nghe diễn-thuyết đã thành một cái mê của tôi, cũng như trước hồi đó tôi vẫn mê cải-lương với chớp-bóng vậy.

Đến khi vô trong nầy, sự mê đó vẫn cứ theo tôi hoài và cứ bắt tôi phải có mặt ở mỗi cuộc diễn-thuyết tại nhà hội Khuyến-học nầy.

Nhưng chẳng lẽ có vay mà không có trả? Song trả thì biết trả cách nào? Tôi tưởng chỉ có cách là cũng phải có lần đứng lên nói như người ta vậy.

Lần nầy tôi diễn-thuyết. Mà bài diễn-thuyết của tôi nó sẽ đặc-biệt hơn hết thảy!... Mà đố các ngài biết nó đặc-biệt thế nào?

Đặc-biệt vì nó sẽ đứng vào hạng « bét », để các ngài phải thất-vọng, mà tội-nghiệp cho diễn-giả rằng: hữu-chí mà vô-tài, có nợ muốn trả, mà chẳng trả được lấy một phần trong muôn phần cái vốn (ấy là chưa nói đến cái lời làm chi).

Mặc dầu, có sao thì cũng đã lỡ rồi. Đứng lên vậy là phải nói. Nói không hay, là vì tôi không có tài hùng-biện; diễn không khéo, là vì tôi không giỏi thuật văn-chương; bài không được súc-tích phong-phú, là vì tôi không phải là bậc đa-tri bác-học; và ý không được lưu-loát dồi-dào, là vì tôi cũng không có được những kỳ-tình cao-tứ.

Tôi biết tôi vậy, nghĩa là tôi đã có tự-lượng rồi. Nhưng vì cái ý muốn trả nợ của tôi nó mạnh quá, đã thắng cả mọi sự lo-ngại chánh-đáng của tôi, mà ra mắt các ngài ở đây để hầu-chuyện cùng các ngài về «Báo-giới và văn-học quốc-ngữ».

Thưa các Ngài,

Tôi không phải là nhà làm văn, mà cũng không phải là nhà làm báo, mà dám nói chuyện về báo-giới và văn-học, ấy lại là một điều không tự-lượng nữa.

Nhưng, nói đây không phải nói về cái nghề làm báo, hay bàn về cách viết văn, mà tôi chỉ lấy tư-cách của một kẻ ham đọc báo và ưa coi sách, muốn

đem những sự mình đã tìm thấy, hoặc nghĩ ra, ở những cuốn sách mình đã coi, hoặc ở những tờ báo mình đã đọc trong mười mấy năm nay, thuật lại với thính-giả mà thôi vậy.

Tôi vô-phúc sinh sau, không được coi tới những tờ báo xuất-hiện hồi đầu ở nước Việt-nam ta. Nhưng theo lời của các bậc đàn-anh kể lại, thì tờ báo thứ nhất ở nước ta, có lẽ là tờ *Gia-định công-báo*, chủ-trương và biên-tập do tiên-hiền Trương-vĩnh-Ký. Báo xuất-bản năm 1867, cách đây đã được 66 năm rồi. Kế đó có những tờ *Đại-nam Đồng-văn nhật-báo* (1), *Đăng-cổ tùng-văn*, *Nông-cổ mín-đàm*, *Lục-tỉnh tân-văn*, *Đông-dương tạp-chí*, lần-lượt ra đời, hoặc ở Saïgon, hoặc ở Hanoi.

Ba tờ trên tôi không kiếm ra được số nào còn lại mà coi. Tờ Lục-tỉnh có đã trên 20 năm nay mà hiện vẫn còn sống.

Tờ Đông-dương tạp-chí xuất-thế năm 1914 và chỉ sống tới năm 1918 thì bị đổi ra làm Trung-Bắc tân-văn và Học-báo.

Tuy sống có bốn năm, mà tờ Đông-dương tạp-chí ta phải kể là có công lớn trong cuộc xây-dựng quốc-văn. Đọc *Đông-dương tạp-chí*, ta đều nhận thấy tên những nhà nếu còn sống thì là đàn-anh trong làng báo, kiện-tướng trên văn-đàn. Mà nếu đã quá-cố đi rồi, thì cũng còn để cái phương-danh hoặc lưu lại chút sự-nghiệp.

Những ông Nguyễn-bá-Học, Phạm-duy-Tốn, Phan-kế-Bính tuy người đã khuất mà tiếng hãy còn. Nhất

(1) Thư-viện Nam-ký có trữ được một bổn.

là bộ Hán-Việt văn-khảo, rút những bài của ông Phan đã đăng trong *Đông-Dương tạp-chí*, đến nay vẫn như còn cái ảnh-hưởng thâm-thiết giữa văn-giới và báo-giới ta bây giờ.

Còn những ông Nguyễn-văn-Vĩnh, Phạm-Quỳnh, Trần-trọng-Kim, Nguyễn-khắc-Hiếu, Dương-bá-Trạc, v. v.... hồi trước hoặc bỏ ngọn bút lông mà cầm cây bút sắt, hoặc nghỉ viết *Pháp-văn* mà viết văn quốc-ngữ, đều đã dùng tờ *Đông-dương tạp-chí* làm cơ-quan giảng-cứu văn-học, truyền-bá tư-tưởng, đem những cái sở-đắc ở Hán-học, Tây-học mà khai-trí tiến-đức cho độc-giả quốc-dân.

Mục *Dịch Hán-văn* của những ông Phan-kế-Bính, Dương-bá-Trạc, chính đã giúp cho ta được biết đôi chút cái thú-vị của Hán-văn. Mục *Dịch Pháp-văn* của các ông Phạm-duy-Tốn, Phạm-Quỳnh chính đã cho ta hay được đôi chút cái tinh-thần của Pháp-học. Còn những bài lược-luận ngăn ngắn của thi-sĩ Tản-Đà, nó nhẹ-nhàng bóng-bẩy, thú-vị biết bao! Lại những tiểu-thuyết dịch ở Pháp-văn của ông Nguyễn-văn-Vĩnh thiệt là ly-kỳ hoạt-động, đọc tới bắt mê, mà càng coi thì càng thích.

Đông-Dương tạp-chí xuất-thế được ba năm, thì Nam-Phong ra đời, nhằm năm 1917.

Ngoài bìa thấy có in một câu cách-ngôn của Roosevelt: « Il n'y a que ceux qui sont des égaux qui sont égaux », « Có đồng-đẳng mới bình-đẳng được ». Phía trái bìa thấy đề cái mục-đích của *Nam-Phong* như sau nầy:

« Mục-đích báo *Nam-Phong* là thể cái chủ-nghĩa khai-hóa của nhà-nước, biên-tập các bài bằng quốc-văn, hán-văn và pháp-văn, để giúp sự mở-mang trí-thức, giữ-gìn đạo-đức trong quốc-dân Annam, truyền-bá các khoa-học của thái-tây, nhất là học-thuật tư-tưởng Đại-pháp, bảo-tồn cái quốc-túy của Việt-nam ta, cùng là binh-vực quyền-lợi, người Pháp, người Nam trong trường kinh-tế.

« Báo *Nam-Phong* lại chủ ý riêng về sự luyện văn quốc-ngữ cho thành một nền quốc-văn Annam ».

Khoan nói tới cái sự-nghiệp của báo *Nam-Phong*, để coi đã có theo-đuổi cái mục-đích đó được một cách hẳn-hoi không.

Ta hãy chịu khó nhận lấy chỗ dụng-ý của kẻ đã đề câu cách-ngôn của Roosevelt ra ngoài bìa tờ báo. : « Có đồng-đẳng mới bình-đẳng được » là nghĩa làm sao?

Trước hết phải hỏi : Bình-đẳng đây là bình-đẳng với ai? Xin mau trả lời là bình-đẳng với người Pháp vậy.

Nhưng bình-đẳng sao đặng?

Một đằng là thầy, một đằng là trò. Một đằng thì văn-minh, phú-cường, một đằng thì bán-khai yếu-đuối, làm sao mà bình-đẳng với nhau được.

Vậy trước khi muốn bình-đẳng với người, phải sao cho đồng-đẳng đã. Mà đồng-đẳng đây dịch ở chữ égaux nghĩa là ngang với người về đủ mọi phương-diện : trí-dục, đức-dục và thể-dục.

Báo *Nam-Phong* lấy câu đó làm phương-châm chính là muốn tự-nhận làm cơ-quan giáo-dục cho quốc-dân vậy.

Song giáo-dục là kiêm cả trí, đức, thể, mà người chủ-trương và các bạn đồng-chí của *Nam-Phong* đều chỉ là những văn-gia nhược-sĩ nên phần thể-dục đành phải chờ tới 15 năm về sau, nghĩa là gần đây, mới có cái cơ-quan thể-thao ra đời gánh-vác.

Riêng *Nam-Phong* chỉ chuyên «giúp sự mở-mang trí-thức, giữ-dìn đạo-đức trong quốc-dân» mà thôi.

Gần hai chục năm nay không biết tạp-chí *Nam-Phong* có giúp được chút gì cho sự giữ-dìn đạo-đức trong dân-gian không thì tôi không biết. Chứ thực-tình nó đã giúp được sự mở-mang trí-thức trong quốc-dân nhiều lắm.

Trước đây, phê-bình ông Phạm-Quỳnh ở *Phụ-Nữ tân-văn*, tôi đã có dịp nói tới cái sự-nghiệp của tạp-chí *Nam-Phong*.

«Có nhiều người không biết đọc văn Tây, văn Tầu, chỉ nhờ *Nam-Phong* hun-đúc mà cũng có được cái trí-thức phổ-thông, tạm đủ sinh-hoạt ở đời. Có nhiều ông đồ Nho chỉ coi *Nam-Phong* mà cũng biết được đại-khái những văn-chương học-thuật của Tây-Phương. Có lắm ông đồ Tây chỉ coi *Nam-Phong* mà cũng hiểu qua được đôi chút cái tinh-thần văn-hoá của Đông-Á».

Song như vậy có phải là đã đủ khiến cho Annam có được cái trình-độ tinh-thần ngang với người Pháp,

đủ đồng-đẳng được với người mà cùng nhau bình-đẳng chăng?

Thưa không. Chẳng cứ một tờ *Nam-Phong*. Cho ngay mười tờ *Nam-Phong* cũng không dễ dàng gì gây nên được cái sự-nghiệp lớn-lao như vậy.

Cái giáo-dục của *Nam-Phong* chỉ là cái giáo-dục phổ-thông, cái giáo-dục giản-yếu mà thôi.

Dầu coi nó mà biết được văn-học-sử nước Pháp, hay luân-lý học nước Tầu, hoặc đọc nó mà biết chủ-nghĩa của Voltaire, học-thuyết của Rousseau, hay xem nó mà biết được cái triết-lý uyên-nguyên của nhà Phật, cái đạo-học quân-tử của Nho-gia, song những cái trí-thức đó vẫn còn là giản-yếu sơ-lược lắm. Ta còn phải hưởng một cái giáo-dục nào trên cái giáo-dục đó, vừa sâu hơn, vừa rộng hơn, mới khả-dĩ hy-vọng tới những sự đồng-đẳng, với bình-đẳng được.

Bởi vậy mà trong quốc-dân người nào có chí cầu-học đều phải hoặc biết chữ Tây, hoặc biết chữ Tầu, sở-đắc ở Tây-học hay Hán-học mà mới thành được những phần-tử trí-thức của xã-hội.

Tuy nhiên, những phần-tử trí-thức này, khi ra hành-động, rút-cuộc vẫn chịu ảnh-hưởng của *Nam-Phong*. Nhưng cái ảnh-hưởng này không phải là ảnh-hưởng ở tinh-thần mà là ảnh-hưởng ở văn-thể.

Nam-Phong còn có « mục-đích tập-luyện văn quốc-ngữ, cho thành nên một nền quốc-văn ».

Cái mục-đích đó, nếu không đạt được hẳn thì *Nam-Phong* tưởng cũng đã gần theo được tới nơi.

Những nhà hồi trước đã tập-luyện quốc-văn ở Đông-dương tạp-chí, khi qua viết *Nam-Phong* đã thành nên thầy dạy quốc-văn. Mà những ông thầy dạy quốc-văn nầy cũng đã đào-luyện được nhiều ngọn bút tài-tình trong những bạn trí-thức của tân-học, cựu-học, mà đem vô cho văn-giới, báo-giới biết bao nhiêu kiện-tướng tinh-binh.

Trong lúc trên tạp-chí *Nam-Phong*, ông Phạm-Quỳnh và các bạn đồng-chí của ông làm việc cho quốc-văn thì ông Nguyễn-văn-Vĩnh vẫn chủ-trương tờ *Trung-Bắc tân-văn* và chuyên dịch tiểu-thuyết trứ-danh của Đại-Pháp.

Ông Quỳnh nói: «Tiếng ta còn thì nước ta còn». Mà ông Vĩnh cũng nói: «Nước ta sau nầy hay giở là nhờ ở chữ quốc-ngữ».

Nhưng văn ông Quỳnh thì khúc-mắc thâm-trầm mà văn ông Vĩnh thì phổ-thông giản-dị. Hai lối văn khác nhau là vì hai tính-cách khác nhau, nhưng cũng bởi hai ông, mỗi ông đều có chuyện khác nhau đem ra nói với quốc-dân độc-giả.

Ông Quỳnh ưa nói triết-lý, ông Vĩnh thích kể chuyện đời. Ông Quỳnh hay giảng-cứu về học-thuật tư-tưởng mà ông Vĩnh chỉ diễn-dịch những tiểu-thuyết, ngụ-ngôn.

Bởi câu chuyện của ông Quỳnh cao-kỳ nên văn của ông cũng cao-kỳ. Bởi câu chuyện của ông Vĩnh suông-sẻ nên văn của ông cũng suông-sẻ. Nhưng suông-sẻ không phải là tầm-thường, thô-kệch, huống cái suông-sẻ của ông nó thần-tình hoạt-bát biết bao nhiêu.

Nhân vậy nên tuy cùng theo đuổi một mục-đích mà mỗi ông đều có một cái ảnh-hưởng khác nhau.

Văn ông Quỳnh đã ảnh-hưởng tới những lối văn nghị-luận, xã-thuyết, triết-lý và khảo-cứu. Mà văn ông Vĩnh đã ảnh-hưởng tới những lối văn tự-thuật, tiểu-thuyết, trào-phúng và ngụ-ngôn.

Với hai cái ảnh-hưởng đó văn-giới Việt-nam lại chịu thêm một cái ảnh-hưởng nữa là cái ảnh-hưởng của thi-sĩ Tản-Đà.

Nửa đời chính độ tớ đương chơi,
Chơi muôn sao cho thật sướng đời,
Người đời ai muôn chơi như tớ,
Chơi cứ bằng văn mãi chứa thôi.

Chơi văn sướng đến tớ là thôi,
Một mảnh trăng non chiếu cõi đời,
Văn vận nước nhà đương buổi mới,
Như trăng mới mọc tớ còn chơi.

(*Còn Chơi*).

Thú vị thay! Chơi mà cũng gây nên ảnh-hưởng, nghĩ như ông Nguyễn-khắc-Hiếu thực cũng đủ sướng một đời.

Ông chơi, chơi với người trong mộng, chơi với bạn cung trăng, chơi với non cao nước biếc, chơi với Thượng-đế Ngọc-hoàng, chơi bằng con mắt mỹ-thuật, chơi bằng mối tình thi-nhân, chơi bằng tưởng-tượng mơ-màng, chơi bằng thần-giao cách-cảm.

Nhưng hễ chơi tới đâu thì có thơ tới đó, mà hễ thơ ra tới đâu thì được người đời say-mê, thưởng-thức tới đó.

Cái ảnh-hưởng của ông là đối với các bạn làng thơ, mà trong văn-học là đối với lối văn tả-cảnh đạo-tình vậy.

Văn-học quốc-ngữ chính là phôi-thai nhờ ba cái ảnh-hưởng đó mà lần-lần khởi-sắc mới trong vòng hai chục năm nay.

Tới đây tôi có một điều muốn các ngài nên nhận-kỹ cùng tôi là ở các nước văn-minh tân-tiến thì văn-học đều có trước báo-chí, mà ở nước ta thì chính lại nhờ báo-chí xây-dựng nên văn-học.

Những nhà trứ-thuật ở nước ta nếu không xuất-thân ở báo-giới thì cũng luyện-tập cây viết ở một vài cơ-quan ngôn-luận, hoặc đã chịu ảnh-hưởng về văn-thể của báo-chí quốc-văn.

Tiếp theo với những tạp-chí tân-văn ta đã thấy lần-lần có những thư-quán, tùng-thư, thư-xã, văn-xã, xuất-bản nhiều sách, lắm quyển cũng có giá-trị hẳn-hoi. Tỷ như Tân-dân thư-quán của ông Vũ-đình-Long, phần nhiều xuất-bản tiểu-thuyết, Tản-Đà thư-cục xuất-bản văn-thơ của ông Nguyễn-khắc-Hiếu. Cổ-kim thư-xã và Việt-văn thư-xã của các ông Nguyễn-văn-Ngọc, Trần-lê-Nhân, Trần-trọng-Kim, Bùi-Kỷ, chuyên phát-dương cái tinh-hoa cổ-học và sưu-tập những tục-ngữ phong-dao cũng như thơ-văn cổ.

Ông Phạm-Quỳnh cũng có cái *Nam-Phong tùng-thư* để xuất-bản những bài khảo-cứu có giá-trị của ông đã đăng ở *Nam-Phong*.

Ông Nguyễn-văn-Vĩnh cũng có cái *Âu-Tây tư-tưởng* để xuất-bản những công-trình cổ-điển phiên-dịch ở văn-học Pháp.

Song cũng biết bao nhiêu các nhà văn-sĩ không có tùng-thư văn-xã gì ráo mà cũng có được lắm công-trình rất có giá-trị về tư-tưởng văn-chương.

Trương-vĩnh-Ký Tiên-Sinh
1836-1898

Tuy nhiên, cái phong-trào quốc-văn đó mới chỉ là ở ngoài Bắc mà thôi, hồi đầu chưa có ảnh-hưởng mấy tới văn-giới Nam-kỳ.

Cũng thời-kỳ đó, Nam-kỳ chịu ba cái ảnh-hưởng :

1°) Ảnh-hưởng ở tiểu-thuyết Tàu ;

2°) Ảnh-hưởng ở tiểu-thuyết Tây ;

3°) Ảnh-hưởng ở cái sự-nghiệp văn-chương của ông Paulus Của và của tiên-hiền Trương-vĩnh-Ký(1).

---

(1) Tiên-sinh, người làng Vĩnh-thành, huyện Mi-lý, tỉnh Vĩnh-long (Nam-kỳ)tiên-sinh biết27thứ tiếng ngoại-quốc và trong đám Toàn-cầu thập bát văn-hào, tiên-sinh dự thứ 17, tiên-sinh là người trước nhất làm quyển (Pháp-Việt tự-điển), sinh năm 1836, mất năm 1898, hưởng thọ 62 tuổi.

Sau khi văn quốc-ngữ đã thấy dùng đến trong dân-gian thì các nhà nho cũ đua nhau dùng nó mà dịch các tiểu-thuyết Tàu như *Phong-Thần*, *Thủy-Hử*, *Chinh-Đông*, *Chinh-Tây*, v. v...

Lần-lần Tây-học một ngày một thâm nhập một sâu, tiểu-thuyết Tây một ngày một nhiều người ham đọc, thì ta lại thấy những tiểu-thuyết như những tiểu-thuyết của Hồ-biểu-Chánh, Phú-Đức ra đời và được độc-giả hoan-nghênh lắm.

Song dầu là dịch ở truyện Tàu hay rút ý ở tiểu-thuyết Tây mà cái ảnh-hưởng về văn-thể vẫn phải chịu một phần lớn ở hai bộ tự-vị Paulus Của và Trương-vĩnh-Ký, nhờ đó mà văn-chương Nam-kỳ mới ít lầm-lỗi hơn tiếng nói Nam-kỳ, để dự-bị sẵn mà tiếp đón cái phong-trào quốc-văn ở Bắc đưa vào.

Như trên tôi đã nói, cái phong-trào đó, hồi đầu chưa ảnh-hưởng mấy tới Nam-kỳ ta. Nhưng lần-lần nhờ có báo-chí đưa vào mà người Nam mới lưu-ý đến văn Bắc.

Tới đây ta lại nên qui-công cho tạp-chí *Nam-Phong*, vì trước tiên chính nó là cái cơ-quan được người Nam-kỳ đọc tới.

Tôi có mấy ông bạn nay đều đã có tên tuổi trên văn-đàn, là những ông Đông-Hồ (1), Trúc-Hà và Trọng-Toàn. Mấy ông này phải kể là tri-kỷ của *Nam-Phong* trước nhất ở Nam-kỳ. Từ hồi *Nam-Phong* xuất-bản cho đến bây giờ không một số nào là các ông không

(1) Thơ ông Đông-Hồ Nam-ký xuất-bản năm 1933.

đọc rất kỹ-lưỡng chăm-chỉ, vì chính các ông đã nhận nó là một cái cơ-quan để luyện-tập quốc-văn cho các ông.

ông Đông-Hồ

Chẳng những thế, sau khi các ông đã sở-đắc ở đó rồi, các ông lại còn dùng nó làm sách giáo-khoa cho cái *Trí-đức học-xá* mà các ông đã lập ra ở Hà-tiên nữa.

Trí-đức học-xá là một cái trường tư-thục chỉ chuyên dạy quốc-văn, dạy tại chỗ cũng có, mà dạy bằng thư cũng có, mục-đích của các ông là muốn hưởng-ứng theo cái *phong-trào quốc-văn* ở ngoài Bắc, mà cổ-động cho người ta biết yêu mến chữ quốc-ngữ, trong khi tập cho người ta biết dùng nó mà làm việc cho xã-hội quốc-gia.

Ông Đông-Hồ mỗi khi biên thư cho tôi đều dùng một thứ giấy có in một cây bút lông, một quản bút sắt, xéo qua bốn chữ *Trí-Đức học-xá* và một bài thi ở kế bên rằng:

« Ríu rít đàn chim kêu,
« Cha truyền con nối theo,
« Huống là tiếng mẹ đẻ,
« Ta có lẽ không yêu » ?

Phải, ông yêu tiếng mẹ đẻ, ông thương tiếng mẹ đẻ, ông coi nó là cái quốc-túy, ông nhận nó là cái

quốc-hồn, mà nghĩa-vụ của ông là phải yêu-mến thiết-tha, thành-tâm phụng-sự lấy nó vậy.

Tuy nhiên, cái ảnh-hưởng của văn-học Bắc-kỳ đối với Trí-đức học-xá ở Hà-tiên thì là sâu-xa đằm-thắm, chứ đối với văn-giới Nam-kỳ vẫn chưa thấm-thía vào đâu.

Ta còn phải chờ một cái cơ-hội đưa tới. Cái cơ-hội đó là cái phong-trào quốc-gia, hồi năm 1925 và năm 1926.

Cái án Phan-bội-Châu ở Bắc, cái tang Phan-Tây-Hồ ở Nam, chính là dịp cho báo-chí quốc-âm cả Nam lẫn Bắc, đua nhau mà nói chuyện chánh-trị, lại cũng chính là dịp cho văn-học chan-chứa những tư-tưởng quốc-gia, tràn-đầy những chủ-nghĩa cách-mạng.

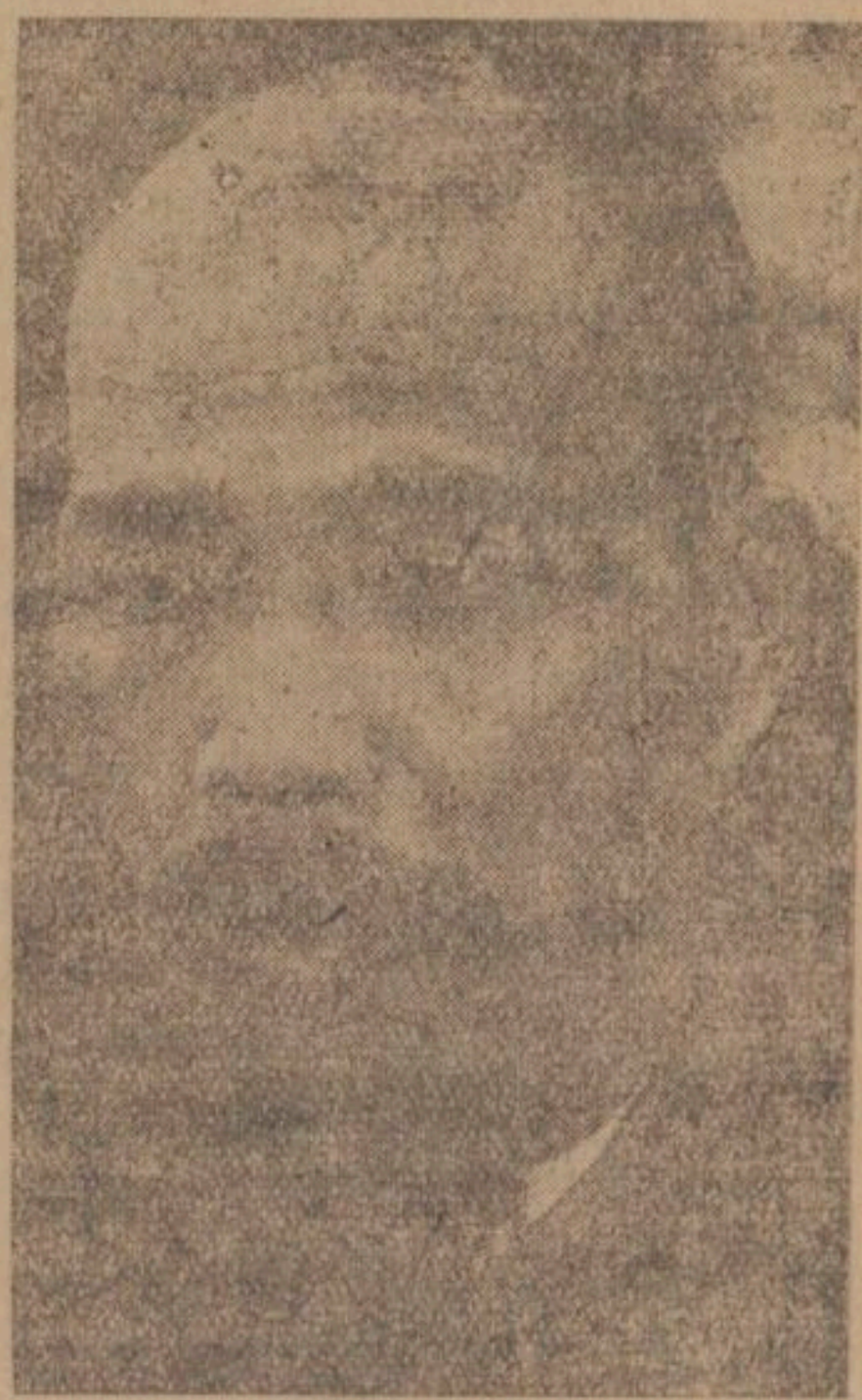

Phan-bội-Châu tiên-sinh.

Các báo ngoài Bắc đua nhau dịch văn Lương-khải-Siêu, các báo trong Nam đua nhau viết văn cổ-động. Đồng-thời lại có Nam-Đồng thư-xã, Cường-học thư-xã, Nữ-lưu thư-quán, v. v... chuyên viết những sách để cổ-động dân-tâm, tuyên-truyền chủ-nghĩa, được quốc-dân hoan-nghinh biết bao nhiêu.

Những dịp như dịp đó chính rất có ảnh-hưởng đến sự thống-nhất của văn-học Việt-Nam.

Hồi đó từ Nam chí Bắc, quốc-dân đều nuôi chung một cái thị-dục, là được nghe chuyện quốc-sự cho đỡ thèm, và đều ôm chung một cái hoài-bão là sẽ có được cái tương-lai vô-cùng tốt đẹp.

Cái thị-dục đó, báo-giới đã làm cho nó được thỏa-mãn. Và cái hoài-bão đó văn-giới đã có công xây-dựng nên.

Trong thời-kỳ ấy chẳng còn phân là báo Nam hay báo Bắc, sách Bắc hay sách Nam, hễ báo nào nói nhiều chuyện đó là ham đọc, sách nào kể nhiều chuyện đó là ưa coi.

Rồi lần-lần thành quen mà sau khi thời-cuộc đã qua rồi thì văn-học đã hầu như hiệp-nhất mà hai làng báo Nam-Bắc cũng như muốn sáp-nhập lại là một mà kêu chung là báo-giới Việt-nam.

Chẳng những tờ Thần-chung được nhiều độc-giả ở khắp hết ba Kỳ, mà Phụ-nữ tân-văn buổi đầu cũng có biết bao nhiêu tri-âm khắp cùng trong nước.

Tờ Thần-chung ta còn có thể cho là chịu ảnh-hưởng của thời-cuộc. Chứ tờ Phụ-nữ tân-văn thì chỉ nhờ ở cái thể-tài về văn-chương mà thôi.

Cái thể-tài đó là nhờ ở ngọn bút rắn-rỏi của ông Phan-Khôi và ở sự chủ-trương khôn-ngoan của ông Đào-trinh-Nhất.

Ông Phan-Khôi người Trung-kỳ.

Ông Đào-trinh-Nhất người Bắc-kỳ.

Mà hai ông nhập-tịch vô làng báo Nam-kỳ đều có được cái địa-vị vẻ-vang và cái ảnh-hưởng xa-rộng.

Phải chăng bởi độc-giả trong Nam đã quen coi văn Bắc, hoặc các ông nầy đã biết sửa theo giọng Nam?

Theo ý tôi thì hai lẽ, lẽ nào cũng có hết, mà lẽ dưới chính cũng có một cái giá-trị ngang với lẽ trên.

Ông Phan-Khôi có nói chuyện với tôi rằng ông vào trong nầy cả thầy hai lần, lần đầu trợ-bút ở Lục-Tỉnh-tân-văn mà rồi phải ôm bút trở về, vì những điều ông viết ra độc-giả chẳng ai thèm hiểu tới.

Về nhà, ông còn luyện-tập quốc-văn thêm một độ nữa rồi vào chuyến thứ hai thì viết ra đã có người tri-âm thưởng-thức.

Theo lẽ trên thì lần thứ nhất, độc-giả Nam-kỳ vì chưa quen đọc văn Trung-Bắc mà không hiểu văn ông Khôi.

Theo lẽ dưới thì lần thứ hai ông Khôi đã chịu sửa theo giọng Nam mà được người hiểu biết.

Cùng với ông Phan-Khôi và ông Đào-trinh-Nhất, còn biết bao nhiêu các ông khác nữa, như những ông Bùi-thế-Mỹ, Bút-Trà, Hồng-Tiên, v.v.... đều là những người ngoài vào đây mà đều là những tay kiện-tướng trong làng báo quốc-âm.

Chẳng những các ông đã có cái học-thức tài-ba đủ làm khởi-sắc báo-giới Nam-kỳ mà các ông lại còn là những cái động-lực cho sự thống-nhất của văn-chương Việt-nam nữa.

Ông Phan-Khôi đã bao lần la lớn lên rằng: không có văn Nam-kỳ, mà cũng không có văn Bắc-kỳ, chỉ có văn Việt-nam mà thôi.

Văn nào là văn Việt-nam?

Thưa chính là văn của các ông, tôi vừa kể trên đó.

Các ông là người ngoài vào đây, trước hết các ông phải hi-sinh những thổ-âm ở xứ sở các ông, rồi các ông cũng không dám dùng nhiều những thổ-ngữ Nam-kỳ, vì các ông phải chiều lòng hết thảy độc-giả mọi nơi, nơi chôn rau cắt rốn lẫn chỗ gánh-vác việc đời.

Vì vậy mà văn ở báo-giới Nam-kỳ ta phải công-nhận là đứng-đắn và phổ-thông hơn hết, vừa ít có những thổ-ngữ, thổ-âm, lại vừa ít sai những chữ thường-dùng trong ngôn-ngữ.

Mà cái sự viết trúng chữ này chẳng những đã có ảnh-hưởng đến văn-giới Nam-kỳ mà thôi, lại còn ảnh-hưởng cả đến văn-giới và báo-giới Bắc-kỳ nữa. Chịu khó đọc kỹ các báo-chí sách-vở ngoài Bắc mới xuất-bản gần đây, ta phải nhận thấy rằng đã đỡ lỗi nhiều lắm, về những chữ x hay s, ch hay tr, g hay d, nh hay l,... là những chữ người Bắc hay lầm lộn luôn luôn.

Ngoài ra, báo-giới Nam-kỳ lại còn thêm được hai điều công-dụng:

1°) Một là cổ-động cho sự hữu-ái giữa đồng-bào ba xứ;

2°) Hai là giúp cho bạn thanh-niên tân-học một cái lợi-khí để làm việc cho xã-hội quốc-gia.

Thưa các ngài,

Nội trong các thính-giả ngồi đây, tôi chắc cũng có một số đông các anh em Trung-Bắc. Mà trong số các ông đó, tôi chắc cũng có nhiều người phải phàn nàn như tôi về cái óc phân-chia giữa xã-hội ta này.

Biết bao người Trung-Bắc vào đây, hoặc vì ngôn-ngữ bất-đồng, hoặc vì lợi-quyền tương-phản, mà bị nhạo-báng, khinh-khi, hoặc bị thù-hiềm ghen-ghét.

Vẫn biết cái số người có óc phân-rẽ đó là số ít, song không phải ít quá không đủ cho ta lưu-ý tới mà phải có sự phàn nàn.

May thay! sự đáng phàn-nàn đó, báo-giới đã có công chữa-sửa, mà cái số ít người khó-chịu đó, đã chịu cái ảnh-hưởng của báo-giới mà càng ngày càng ít mãi đi.

Những bài nói chuyện về lịch-sử cho ta biết được cái cỗi-rễ chung của chúng ta; những bài nói chuyện về thời-thế, cho ta biết được cái cảnh-ngộ chung của chúng ta; những bài nói chuyện về mọi nỗi thiên-tai thủy-lạo, khiến ta phải thương-tâm vì đồng-bào nòi-giống; những cuộc nghĩa-quyên để chẩn-tế xã-hội, bắt ta phải đem lòng công-đức mà giúp đỡ vào những nạn nước, nạn dân... nhất-thiết đều có ảnh-hưởng đến tâm-hồn tình-cảm của ta, nhất-thiết đều như xúi ta, biểu ta phải bỏ hết mọi cái tiểu-lợi hư-danh, mọi

mối tư-tình tư-dục, mà cùng nhau thờ chung một cái lý-tưởng thâm-thiết, nuôi chung một cái nguyện-vọng cao-xa.

Cái lý-tưởng thâm-thiết đó, phải chăng là cái lý-tưởng quốc-gia ? Cái nguyện-vọng cao-xa đó, phải chăng là đối với sự tiến-hóa của nhân-quần xã-hội ?

Cái ảnh-hưởng của báo-giới đối với quần-chúng, nó mạnh mẽ sâu-xa như thế, lẽ nào những bậc trí-thức trong nước không biết lợi-dụng nó để thi-thố cái tài-ba học-vấn của mình ?

Bởi vậy cho nên gần đây, biết bao nhiêu các bạn thanh-niên tân-học, đua nhau luyện-tập quốc-văn để viết sách, làm báo, ngõ-hầu có đem những cái sở-tri sở-thức mà truyền-bá cho độc-giả đồng-bào.

Chẳng nói chi những người như ông Diệp-văn-Kỳ, ông Cao-văn-Chánh, là những người đã sẵn có cây viết quốc-văn trước khi xuất-dương du-học, về nước ngày nào là có thể dùng nó làm việc ngày nấy.

Còn biết bao các ông khác, xưa rày chỉ quen viết văn Tây, nay cũng trở lại mài cây viết quốc-văn mà len vào trong làng báo quốc-ngữ.

Ví dụ : ông Nguyễn-phan-Long ở Đuốc-nhà-Nam, ông Trương-vĩnh-Tống ở Tân-Á, ông Nguyễn-văn-Nhã, ông Nguyễn-văn-Nho ở Đồng-Nai tạp-chí. Lại ví dụ ông Nguyễn-văn-Tạo, ông Nguyễn-an-Ninh ở Trung-Lập, vừa mới khuất-dạng gần đây.

Như vậy là chữ quốc-ngữ đã thắng được chữ Tây, cũng như trước kia chữ nôm đã được ông cha ta dùng thế cho chữ Tàu vậy. Song chữ nôm thì

tới thế-kỷ thứ 13 mới được Hàn-Thuyên và Nguyễn-sĩ-Cố dùng đến, và phải những ba bốn thế-kỷ về sau mới thiệt là đắc-dụng.

Còn chữ quốc-ngữ của ta bây giờ, chỉ mới trong vòng 20 năm nay mà đã mau có được cái địa-vị vẻ-vang vô cùng. Nó không còn là thứ chữ riêng cho mấy bác văn-sĩ thất-học, mấy ông đồ-nho lỡ thời, mà nó đã được các ông tây-học đứng-đắn sủng-ái và cần-dùng tới nó vậy.

Thế là quốc-ngữ đắc-thắng! Mà sự đắc-thắng nầy, không những ta đã thấy ở báo-giới Nam-kỳ mà thôi. Cả báo-giới Bắc-kỳ cũng thấy bày ra cái hiện-tượng khả-quan đó nữa.

Cách đây độ mươi năm, có hai bạn thanh-niên, một người là sinh-viên trường cao-đẳng, một người làm nghề viết báo, hai người rủ nhau bỏ học, bỏ nghề, trốn nhà qua Pháp. Nhà làm báo đó là ông Hoàng-tích-Chu, người sinh-viên đó là ông Đỗ-Văn. Ông Văn học nghề nhà in. Ông Chu học nghề làm báo. Trong khi hai ông đang học ở Pháp, thì một người bạn khác vẫn tháng tháng gởi tiền trợ-cấp. Ông nầy là ông Lê-hữu-Phúc, giáo-sư trường Trung-học Albert Sarraut.

Hai ông kia sắp thành tài về nước, thì ông nầy cũng sửa soạn đi Tây. Qua Tây, ông học ở Aix-en-Provence, chuyên về văn-học và triết-học.

Ông Chu và ông Văn tính chờ ông bạn nầy về thì chung nhau mở một tờ báo sắp-đặt công-việc như sau nầy: Ông Chu lo sự quản-lý, ông Phúc lo bộ biên-tập, ông Văn lo việc ấn-loát.

Lập một tờ báo mà dụng-công đến thế, cái chí mới đáng phục biết bao! Rủi ông Phúc học-nghiệp gần thành thì đã quê người gửi xác.

Thành ra cái *Đông-Tây tuần báo* của hai ông Chu-Văn ra đời thì việc đầu hết là viết bài khóc bạn.

Ông Hoàng-tích-Chu (1)
1897-1932

Tuy vậy mà cái đời của báo *Đông-Tây* nó cũng vẻ-vang lắm sao! Ông Chu há chẳng phải vì nó mà chết đấy ư? Mà cái cảm-tình của quốc-dân đối với ông Chu tưởng cũng là một sự thưởng công xứng-đáng cho ông đã ra tờ *Đông-Tây* để gây nên một sự cải-cách lớn trong làng báo Bắc-kỳ.

Cải-cách về ý-tưởng không mấy, song cải-cách về văn-chương và hình-thức của tờ báo thì nhiều.

Cái văn của ông Chu là dựa theo cái cú-pháp văn Tây, mới đầu có hơi trái-tai phần nhiều độc-giả Annam, bị nhiều người nổi lên công-kích. Nhưng lần-lần người ta cũng chịu nó là một lối văn rất thích-hiệp cho sự viết báo mà đua nhau tập theo nhiều lắm.

---

(1) Ông Hoàng-tích-Chu, người làng Phù-lưu, tổng Phù-lưu, huyện Đông-ngàn tỉnh Bắc-ninh, sinh năm 1897, mất năm 1932.

Ông Trần-tấn-Thọ, chủ báo *Tân-thiếu-Niên*, năm ngoái vào chơi trong nầy, nói chuyện đến văn ông Chu cũng phải thú thật với chúng tôi rằng chính báo ông vẫn phản-đối với *Đông-Tây* luôn luôn mà vẫn không qua được cái ảnh-hưởng văn-thể của nó.

Sự cải-cách về văn-chương viết báo đã đành là công của ông Hoàng-tích-Chu. Song sự cải-cách về hình-thức tờ báo chính là nhờ ở ông Đỗ-Văn vậy.

Ông Đỗ-Văn mà ta thấy ít người nói tới, tưởng chính là người có công nhiều hơn hết, đối với báo-giới Bắc-kỳ, vì ông đã giúp cho sự ấn-loát có mỹ-thuật, cho sự xếp-đặt được khả-quan, nhờ đó mà tờ báo có được cái hình-thức tốt đẹp đủ gợi lòng mỹ-cảm của độc-giả, trợ-lực cho cái thể-tài của nó biết bao nhiêu.

Những tờ báo như tờ *Đông-Tây* hồi trước, hay những tờ *Trung-Bắc* tân-văn, Hà-thành *Ngọ-Báo* bây giờ, nếu có được cái hình-thức mỹ-thuật là nhờ có ông Đỗ-Văn đã tự-nguyện bỏ chức giáo-sư vì ông học ở ban cao-đẳng sư-phạm mà xoay về máy-móc.

Thưa các Ngài,

Câu chuyện tôi vừa kể trên đó là cốt để dẫn-chứng rằng các bạn thanh-niên tân-học bây giờ đối với công việc xã-hội đã tận-tụy sốt-sắng biết bao nhiêu, và báo-giới quốc-âm đã giúp cho những cái chí-hướng đó không phải là ít vậy.

Song nếu tờ báo đã thành nên cái phương-tiện độc-nhất của thanh-niên, thì trái lại thanh-niên cũng giúp cho báo-giới được khởi-sắc lên nhiều lắm.

Những ai thường hay phàn-nàn về cái trình-độ báo-giới Việt-nam, là những người bi-quan chỉ hay so-sánh mình với những nước văn-minh đã tấn-hoá trước mình hàng bao nhiêu thế-kỷ. Chứ nếu chịu khó ngó tới cái thời-gian ngắn-ngủi mà nó đã trải qua thì báo-giới quốc-âm của mình chính đã tấn-bộ một cách mau chóng lạ thường.

Tuy nhiên, mỗi sự tấn-hoá đều có sự biến-cải. Biến-cải ở tính-cách cũng như biến-cải ở công-dụng vậy.

Những tờ báo lớp đầu, như tôi đã nói phần nhiều là cơ-quan văn-học, mà những tờ báo bây giờ lại không phải là những cơ-quan văn-học nữa.

Việc văn-học trả lại cho văn-học mà tờ báo còn có nhiều công-việc phải làm.

Việc thông tin là việc cần hơn hết. Kế tới phải có những bài xã-thuyết về các vấn-đề thiền-cận, các bài bình-luận về cuộc-diện hoàn-cầu, các bài trào-phúng lý-thú về những điều mắt thấy tai nghe, các bài đoản-thiên ý-vị về nhân-tình thế-thái, nghĩa là những cái gì nó có một cái giá-trị nhất thời đủ thỏa-mãn được cái thị-hiếu của số đông độc-giả mà chẳng mất giá-trị về tư-tưởng văn-chương.

Bởi vậy cho nên các nhật-báo bây giờ mới đua nhau ra phụ-trương văn-chương mỗi tuần, dồn đăng vào một kỳ đặc-biệt những lai-cảo của các thi-nhân văn-sĩ gởi đến mỗi ngày mà không thể đăng được.

Lại cũng bởi thế mà tuần-báo và tạp-chí cũng mỗi ngày một nhiều và như có ý chú-trọng về văn-học nhiều lắm.

Tuy nhiên, dầu là phụ-trương văn-chương hay là tạp-chí văn-học, cũng không đủ gây thành một cái văn-học cho một nước.

Văn-học một nước là căn-cứ ở cái lượng và cái phẩm những công-trình trứ-thuật của các nhà văn-sĩ.

Cũng như báo-giới, văn-học Việt-nam cũng đã tấn-bộ, song không tấn-bộ được mau như báo-giới. Mà nguyên-cớ chẳng phải vì hiếm người tài, nhưng chỉ vì những người tài thường hay « mắc-kẹt » vô báo-giới.

Xin các ngài chớ vội cười tôi về hai chữ « mắc-kẹt » vì chỉ hai chữ đó là mới đủ dùng để diễn được cái ý tôi muốn nói mà thôi.

Như các ngài đã biết, viết báo bây giờ đã trở nên một nghề, mà là một nghề chẳng những đủ nuôi sống người ta, lại còn đủ làm cho người ta được nên danh, nên giá nữa.

Muốn làm nghề đó đã đành không phải là dễ, song nghề chẳng bao giờ không trọng-dụng kẻ có tài.

Mà phải chi các ông đó quyết-tâm vô làm báo thì chẳng nói làm gì. Đằng nầy các ông hồi đầu viết báo chỉ định luyện-tập quốc-văn hay dùng thử ngòi viết, mà rồi thấy có kẻ hoan-nghinh, có người dung-nạp là xung vô đội nhà nghề mà mắc-kẹt luôn ở đó.

Có người mắc-kẹt vì sinh-kế, mà cũng biết bao nhiêu kẻ mắc-kẹt bởi hiếu-danh. Rồi phải lo tới công việc nhà in, phải làm tới công-việc sửa bài, phải đi

phỏng-vấn chuyện nầy, điều tra vụ khác, công-việc đa-đoan, ngày giờ ràng-buộc, còn đâu mà học-hành tra-cứu, còn đâu mà trứ-thư lập-ngôn?

Vả sự viết báo với sự làm sách, không phải hai công-việc dống nhau.

Nhà làm báo cần phải thông-minh hoạt-bát mà nhà làm sách cần phải uyên-bác công-phu. Nhà làm báo dùng tư-tưởng ít hơn dùng tri-giác, để mau hiểu mau biết những chuyện mắt thấy tai nghe. Mà cái tư-tưởng lại là cái phần cốt-yếu của các nhà trứ-thuật văn-gia, nhờ nó mà có được những công-trình bất-hủ.

Về văn cũng vậy: Văn viết báo cốt cho nhẹ-nhàng suông-sẻ, nên có khi vô-vị vô-duyên lại cũng có khi lôi-thôi cầu-thả. Còn văn viết sách cần phải chải-chuốt, cẩn-thận, lại cũng có khi phải gọt-dũa công-phu, vì vậy mà lắm cuốn sách chỉ sống nhờ về văn-thể.

Nhà báo không phải là thua sút nhà văn, nhưng mỗi bên đều cần phải có một cái tài khác nhau. Tài khác nhau phần nhiều là vì cái sở-trường mỗi người một khác. Nhưng cũng có khi cái nghề-nghiệp nó thay đổi cái sở-trường mà đưa người ta đi trên những con đường khác với đường mà cái thiên-tài phải đưa ta đi tới.

Thiệt vậy. Tôi thấy rất nhiều người nếu chịu kiên-tâm trì-chí theo đuổi cái sự-nghiệp văn-chương thì sẽ có được cái tương-lai rực-rỡ, mà chỉ vì mắc-kẹt vô báo-giới nên đành phải cùng nó dan-díu suốt đời, để cho văn-học phải chịu điều thiệt hại.

Mặc dầu. Cái hiểm-tượng đó đã đành có ảnh-hưởng tới văn-giới nước nhà, mà tưởng cũng chẳng đủ thành nên một cái trở-lực lớn-lao cho sự tấn-hóa của nó.

Dầu chậm bước hơn báo-giới trên đường tấn-bộ, song văn-học Việt-nam cũng đã thấy khởi-sắc lên nhiều về đủ mọi phương-diện.

Trước hết ta thấy cái số sách xuất-bản một ngày một tăng, cái số thư-quán thư-xã một ngày một nhiều, thì ta đã thấy nó tấn về cái lượng. Huống trong cái lượng đó lại cũng có bao nhiêu tác-phẩm có giá-trị hẳn-hoi.

Xin khỏi nhắc tới cái *Nam-Phong tùng-thơ* của ông Phạm-Quỳnh và cái *Âu-Tây tư-tưởng* của ông Nguyễn-văn-Vĩnh, mà chỉ xin kể qua ít bộ sách có giá-trị, như tiểu-thuyết thì có những bộ:

Quả-dưa đỏ, Nho-phong, Tố-tâm, Kim-anh lệ-sử, Người vợ hiền, Tỉnh-mộng, v.v...; thi-ca thì có những tập-thơ của các ông: Nguyễn-khắc-Hiếu, Trần-tuấn-Khải, Đông-Hồ...; sách học thì có những bộ Cổ-học tinh-hoa, Hán-học danh-ngôn của hai ông Trần-lê-Nhân và Nguyễn-văn-Ngọc v. v... Song có giá-trị hơn hết ta phải kể tới hai bộ Việt-nam sử-lược và Nho-giáo của ông Trần-trọng-Kim cùng bộ Hán-Việt-từ-điển của ông Đào-duy-Anh.

Cái sự-nghiệp của ông Trần là đối với sử-học và cổ-học, như tôi đã có dịp nói trong bài phê-bình ông ở P. N. T. V. Còn cái sự-nghiệp của ông Đào là đối với cái tiền-đồ của văn-chương quốc-ngữ.

Ai cũng biết văn quốc-ngữ ta mới thành-lập nên còn nghèo-nàn túng-thiếu. Mà cái nghĩa-vụ của các nhà văn là phải làm cho nó được phong-phú súc-tích thêm lên. Muốn vậy có hai phương-pháp :

1°) Một là sưu-tập cái tiếng thường dùng ở dân-gian ;

2°) Hai là nhập-tịch vào văn quốc-ngữ những danh-từ của văn Tàu, văn Nhật.

Cái phương-pháp thứ nhất đã được thiệt-hành ở các cuốn tự-vị của những ông cố-đạo Barbier, Génibrel, hay của những ông Paulus Của, Trương-vĩnh-Ký, v. v...

Cái phương-pháp thứ hai, ông Phạm-Quỳnh là người trước-tiên đã xài tới và cũng đã công-dụng cho quốc-văn được nhiều. Song chính bộ Hán-việt từ-điển của ông Đào-duy-Anh ra đời mới là thực-hành cái phương-pháp đó được một cách hoàn-toàn viên-mãn.

Phải, văn-chương mà không được phong-phú súc-tích thì văn-học cũng không thể nào tấn-hóa được tới chỗ cao-thâm. Huống sự học bây giờ một ngày một mở mang, nhân-tài bây giờ một ngày một thêm nhiều, thì những cái tư-tưởng cao, những cái kiến-thức rộng lại càng cần phải đủ chữ mà biểu-diễn nó ra.

Chẳng những triết-lý của nhà Phật, đạo-lý của nhà Nho, đã có người đem ra giảng-cứu, mà kinh-tế-học, xã-hội-học cho đến hư-linh-học, siêu-hình-học, cũng đã thấy xuất-hiện ra ở văn-học nước nhà.

Những danh-từ như : thượng-tầng kiến-thiết, hạ-tầng cơ-sở, nhân-sinh quan, vũ-trụ quan, luận-lý học, mâu-thuẫn thuyết, v. v. . . mà ta thường thấy dùng ở những bài khảo-cứu rất là có giá-trị về triết-lý-học, hay xã-hội-học, chính là những cái danh-từ không thể không có được cho một cái tinh-thần đã từ chỗ giản-dị đi tới chỗ cao-thâm.

Đã đành cái trình-độ tinh-thần đó mới chỉ là một cái trình-độ của một hạng người trí-thức trong nước, song nếu nó đã phát-biểu ra ở văn-học thì nó tất phải có ảnh-hưởng đến cái trí-thức của quốc-dân độc-giả.

Quốc-dân không phải là ai ai cũng có thì-giờ tiền-bạc mà cắp sách vô trường hay xuất-dương du-học. Song nếu vì vậy mà đành để cho đại-đa-số đồng-bào phải cam-tâm thất-học thì nước nhà sao có thể văn-minh tấn-hóa mà theo kịp bằng người?

Bởi vậy cho nên sự tài-bồi văn-học chính là cái nhiệm-vụ chung của hết thảy chúng ta.

Nước ta sau này hay dở là nhờ ở chữ quốc-ngữ. Vì chỉ có chữ quốc-ngữ là có thể phổ-thông cho khắp cùng trong nước, số người biết chữ quốc-ngữ một ngày một nhiều, mà sự học quốc-ngữ cũng rất là dễ-dàng mau chóng.

Song biết chữ quốc-ngữ há đã thành nên được người có học ư ?

Muốn nên người có học phải là người biết nghĩa-lý, biết phán-đoán, biết những điều tri-thức của nhân-loại cổ-kim, biết những cái tinh-thần của văn-minh Âu-Á, biết cái hoàn-cảnh của mình ở, biết cái

lý-tưởng mình theo, để tự kiếm lấy con đường mình đi cho nó có lý-thú đối với mình, có bổ-ích đối với người, mà không đến nỗi là hư-sinh vậy.

Một cái học như thế, không phải hễ biết chữ quốc-ngữ là sở-đắc được đâu.

Chữ quốc-ngữ chẳng cho ta được cái học nào cả. Chữ quốc-ngữ chỉ là cái lợi-khí cho ta tìm kiếm sự học mà thôi.

Tìm ở đâu? Kiếm ở đâu?

Thưa chính là tìm-kiếm ở hai làng; một làng tên là báo-giới quốc-âm; một làng tên là văn-học quốc-ngữ.

Báo-giới quốc-âm là chỗ để tiếp rước lấy những tin-tức năm châu, những phong-trào thế-giới, ngõ hầu ta có thể nhân đấy mà thêm sự kiến-văn, nhờ đấy mà thêm điều kinh-nghiệm.

Song những việc sẩy ra ở hiện-tại chẳng phải vô-cớ mà sinh, lại cũng không phải khi không mà có. Tự nó vẫn có những nguyên-nhân tiềm-tàng, những lý-do bí-ẩn, chỉ có sự học là có thể khám-phá được thôi.

Học lịch-sử nhân-loại cho thấu-đáo cho có thể nhân chuyện trước mà đoán được chuyện sau. Do tư-trào nhân-sinh mà xét-cứu, ta càng thêm rõ đường đi của lịch-sử loài người.

— Song những chuyện lý-thú như thế tôi không coi được sách Tây, sách Tàu, mà tôi cũng không đọc được văn Anh, văn Nhật, thì tôi làm sao mà biết được kia chứ?

— Vậy mà anh có biết văn quốc-ngữ không ?

— Biết.

— Nếu biết văn quốc-ngữ thì anh có thể dùng nó mở cửa vào chơi trong làng văn-học Việt-nam. Mới vào có lẽ anh cũng hơi bị thất-vọng, vì những lời tôi ca-tụng nó từ nẫy tới giờ vẫn không đủ che lấp được cái vẻ sập-sệ nghèo-nàn của nó, để anh thấy rằng nó chưa đủ thoả-mãn được cái chí cầu học của anh. Song tôi lại nhắc lại với anh rằng:

Nó mới thành-lập được trên hai chục năm nay mà được vậy đã là khá lắm rồi.

Nó sẽ theo thời-gian mà còn tấn-bộ, vì ta đã thấy có những bực đa-tài túc-học đương gia-công trì-chí mà tô-điểm cho nó được phát-đạt mãi lên.

Trước kia, ông cha ta đã đem những tư-tưởng tính-tình của mình mà cống-hiến cho văn-học Tàu, nhưng văn-học Tàu cũng không vì đấy mà thêm-tăng giá-trị.

Gần đây, các nhà Tây-học cũng nô-nức đem văn-tài thi-cảm của mình mà cống-hiến cho văn-học Pháp, nhưng văn-học Pháp cũng không vì đó mà tấn-tới hơn lên.

Đến nay ta đã thấy cảm-cảnh cho sự học mướn viết nhờ mà hồi-cố đến chữ quốc-ngữ của ta.

Ta biết chỉ nó là có thể dùng làm cái lợi-khí phổ-thông cho sự giáo-dục học-vấn của dân-chúng đồng-bào.

Ta đã chịu đem những cái sở-đắc của Hán-học, Tây-học mà diễn-dịch ra quốc-văn, theo những cái qui-mô phương-pháp của người mà tạo-thiết ra những công-trình trứ-thuật, ấy nghĩa là ta đã biết đem những vật-liệu lương-thảo, dùng những kiểu-mẫu tối-tân mà tu-bổ cái làng văn-học Việt-nam của ta đó.

Rồi cái làng đó một ngày một nguy-nga, lộng-lẫy, một ngày một rực-rỡ trang-nghiêm, ấy chính là cái danh-giá của chủng-tộc mà cũng chính là cái nguyên-động-lực cho sự tấn-hóa của xã-hội Việt-nam.

IV. — Mấy lời phê-bình

của các báo về bài diễn-thuyết « Văn-học và Báo-giới ».

« ... Bài diễn-thuyết của ông Thiếu-Sơn có thể coi như một cây trụ cắm ở trên con đường tiến-hóa của báo-giới và văn-học xứ nầy.... ».

(*Saigon*).

***

« ... Ông Thiếu-Sơn đã từ cái địa-vị một nhà phê-bình văn-học mà bước lên cái địa-vị của một nhà văn-học sử đó.

Bài diễn-thuyết của ông tại nhà hội Nam-kỳ Khuyến-học đêm 19 đây đã làm cho ông bước lên cái địa-vị ấy.... ».

(*Đuốc-Nhà-Nam*).

***

« ... Báo-giới và Văn-học quốc-ngữ » một vấn-đề rất quan-hệ tới sự tiến-hóa về tinh-thần của dân-tộc Việt-nam, mà được ông bạn Thiếu-Sơn, một nhà thanh-niên hiếu-học, dày công kê-cứu để phô-diễn bằng lời văn vừa huê-mỹ, vừa tình-tứ thì lại càng được người ta chú-ý đến lắm.

« Tôi tưởng rằng những người nào thường hay có thái-độ lãnh-đạm đối với văn-học và báo-giới quốc-ngữ, — những người ấy, than ôi! lại thường ở vào hạng thanh-niên tân-học, — mà có dịp đến dự-thính hồi hôm, thì rồi đây chắc cũng phải tỉnh-ngộ lại mà cho rằng:

« Báo-giới và văn-học là cái nguyên-động-lực cho sự tiến-hóa của xứ Việt nam này...

(Công-luận).

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F. IMPRIMÉS

(Sẽ có quyển thứ hai)

MỤC-LỤC

Trang

I. — **Tựa** 7

II. — **Lời giới thiệu của ông Phan-Khôi** 13

III. — **Phê-bình nhân-vật :**

1. — Ông Phạm-Quỳnh (có hình) 17
2. — Ông Phan-Khôi 23
3. — Ông Nguyễn-khắc-Hiếu 29
4. — Ông Trần-trọng-Kim (có hình) 33
5. — Ông Nguyễn-văn-Vĩnh (có hình) 38
6. — Ông Hồ-biểu-Chánh (có hình). 44
7. — Ông Huỳnh-thúc-Kháng (có hình) 50
8. — Ông Trần-tuấn-Khải (có hình) 55
9. — Tương-Phố nữ-sĩ 59

IV. — **Phê-bình sách :**

1. — Tố-Tâm (có hình) 64
2. — Người vợ hiền 72
3. — Quả-dưa đỏ (có hình). 80

V. — **Cảo-luận :**

1. — Nói chuyện quốc-học 87
2. — Nói chuyện tiểu-thuyết 95
3. — Báo-giới và văn-học quốc-ngữ (có 4 bức hình). 106
4. — Mấy lời các báo phê-bình về bài diễn-thuyết « Báo-giới và Văn-học ». 137

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F. IMPRIMÉS

Sous presse :

NGUYỄN-TIẾN-LÃNG

PROMENADES ET VOYAGES
I. — RUINES D'ANGKOR

COURONNÉ
PAR LA SOCIÉTÉ DES POÈTES DE LA
COTE D'EMERAUDE, SAINT-MALO

Ông Nguyễn-tiến-Lãng

Có phụ một bản dịch ra quốc-văn của tác-giả :

BIẾT MẶT SƠN HÀ

(Du-Ký)

QUYỂN THỨ NHẤT :
CHƠI ĐỀ-THIÊN ĐỀ-THÍCH

■

Đầu năm 1934
sẽ xuất-bản

■

Editions Nam-Ký

Sách Nam-Kỳ Thư-Quán xuất-bản

VĂN-HỌC TÙNG-THƯ

1. — *Văn-đàn Bảo-giám*, quyển thứ nhất, in lần thứ ba, giá **1$00**

2. — *Văn-đàn Bảo-giám*, quyển thứ hai đang in lại lần thứ ba, giá **1 00**

3. — *Văn-đàn Bảo-giám*, in lại lần thứ hai, giá **0 70**

Trọn bộ ba tập, có nhiều hình các văn-gia cổ, lại có hai bức hình đặc-biệt Thế-giới thập-bát văn-hào và Việt-nam thập-nhị sứ-thần. Trọn bộ ba quyển đóng làm một bìa da chữ vàng, giá bán **3 50**

4. — *Những Áng-Văn hay*, thứ phê-bình nhân-vật và văn-chương cổ-kim. Có nhiều hình các nhà văn-gia cận-kim. Tức là quyển sách đặc-biệt của V.H.T.T. năm 1933, giá bán **0 50**

Thứ in giấy tốt đóng bìa da chữ vàng, giá bán. **1 00**

5. — *Thơ Đông-Hồ*, của ông Đông-Hồ ở Hà-tiên (Nam-kỳ), ông đã viết nhiều bài văn có giá-trị đăng vào Nam-Phong đã được nhiều người thưởng-thức, tập văn ông xét có giá-trị về văn-chương, cho nên cũng liệt vào tập văn mới của Văn-học Tùng-thư, giá **0 35**

Hạng in giấy tốt, giá bán **0 50**

6. — *Quốc-văn sơ-học độc-bản*, ông Nguyễn-đức-Phong và Dương-bá-Trạc soạn, đã được Hoàng-thượng ngự-lãm và ban khen (ngày 4 octobre 1933). Bộ Quốc-Dân Giáo-Dục đã công nhận là một quyển sách soạn có phương-pháp và rất có giá-trị, có thể giúp ích cho học-trò luyện khoa quốc-văn (ngày 22 septembre 1933). Nha Học-Chính Đông-pháp đã duyệt-y làm sách giáo-khoa cho học-trò lớp nhất và lớp nhì trong Đông-Dương, giá bán **0 60**

7. — *Phê-Bình và Cảo-luận*. Của Thiều-Sơn soạn, in lần thứ nhất, giá **0 50**

Thứ đóng bìa da chữ vàng, giá bán **0 90**

8. — *Vị-Xuyên thi văn-tập*. Văn thơ của ông tú-tài Trần-kế-Xương **0 30**

9. — *Phố-Chiêu thiền-sư* thi văn-tập. Văn thơ của ông Chiêu-Lý, giá. **0 30**

10. — *Việt-văn dẫn-dải*. Văn thơ cổ có chú-thích, giá . . **0 25**

Sách học.

11. — *Le Petit Ecolier*. Par Phạm-Tá et Lê-văn-Lễ, cours enfantin et élémentaire, 6e édition, 16e mille, prix **0 30**

12. — Le *Français par soi-même*. Méthode rapide pour apprendre le *français sans maître*. Par Nguyễn-hoài-Đình. 5e édition, 14e mille, prix. **0 80**

13. -- La *Langue française expliquée en annamite*. Morceaux choisis de grands écrivains français, traduits en annamite avec notes explicatives et notices biographiques des auteurs. Par Nguyễn-hoài-Đình Nguyễn-Điền et Nguyễn-bá-Phổ, prix **0 80**

14. — *200 bài tính đố*. Par Đỗ-xuân-Nghinh, để luyện học-trò thi bằng Sơ-học yếu-lược, in lần thứ hai, giá bán . . 0 $ 25

15. — *Ngụ-Ngôn Tập-Đọc*. Trần-tuấn-Khải soạn 0 30

16. — *Âu-học tùng-đàm*. Lương-văn-Can soạn giá bán . . 0 30

17. — *Thương-học phương-châm*. Lương-văn-Can soạn. 0 25

18. — *Hiếu-Kinh*. Lương-văn-Can soạn 0 25

19. — *Đại-Việt Địa-Dư*. Lương-văn-Can soạn, giá . . . 0 30

20 — *Kim-Cổ Cách-Ngôn*. Lương-văn-Can soạn, đang in lại.

21. — *Luận-Ngữ. Loại-Ngữ* Lương-văn-Can soạn, trọn bộ ba quyển giá bán 1 20

(Ngày nay giữa lúc triết-học phát-đạt học-thuật phát-minh luận-lý tranh-biện, đọc lại lời cụ Khổng, Mạnh tưởng rất là thú-vị và bổ-ích cho tâm-hồn lắm, nguyên sách chữ Hán có dịch-âm và dịch-nghĩa lại có phê-bình. v. v.

22. — *Méthode rapide de la Langue française*. Văn-tây của Ông Đào-văn-Minh soạn, ông đã nhiều năm ở trong học-giới và soạn nhiều sách giáo-khoa rất có giá-trị, sách này ra đời sẽ giúp cho nhiều người học chữ Pháp, rất dễ hiểu, chóng nhớ (đang in) . . . . . .

Tiểu-thuyết và sách-vặt.

23. — *Nhật-ký sợ vợ*. hoạt-kê tiểu-thuyết, giá 0 $ 50 bán hạ. 0 30

24. — *Tuyết-Hồng Lệ-Sử*. Của Từ-Trầm-Á. In lần thứ hai 0 16

25. — *Truyện Đức-Thánh Gióng*, lịch-sử tiểu-thuyết . . 0 25

26. — *Nhị-Độ-Mai*. Tiểu-thuyết tầu trước bán 0 $ 60 bán hạ 0 10

27. — *Gương bác-ái*. Xã-hội lý-tưởng tiểu-thuyết. . . 0 20

28. — *Bài hát nhà quê*. Trần-tuấn-Khải 0 10

29. — *Đại-Minh kỳ-hiệp*. Tiểu-thuyết tầu 0 90

30. — *Phong-dao*. Hoàng-gia-Thuận, sắp xuất-bản . . .

31. — *Sách chơi-xuân*. Kỷ-tỵ bán hạ. 0 10

32. — *Sách chơi-xuân*. Canh-ngọ bán hạ. 0 10

33. — *Sách chơi-xuân*. Quí-dậu bán hạ 0 15

34. — *Sách chơi-xuân*. Giáp-tuất, hạng thường 0 $ 30 hạng đặc-biệt 1 00

Sắp xuất-bản :

Phong-Dao

Của ông Hoàng-gia-Thuận sao-lục, một mớ tài-liệu cổ của các văn-gia, một viên gạch cũ để xây vào các nhà quốc-văn.

VĂN-HỌC TÙNG-THƯ

QUỐC-VĂN SƠ-HỌC ĐỘC-BẢN

Lectures annamites choisies et expliquées à l'usage des élèves des cours Moyens et supérieur des écoles Franco-Annamites

■

NGUYỄN-ĐỨC-PHONG
Nguyên giáo-học
biên-tập

DƯƠNG-BÁ-TRẠC
Cử-Nhân
nhuận-sắc

■

Ouvrage adopté par la Commission des Manuels scolaires pour les écoles Franco-Indigènes de l'Indochine

Troisième édition

Một quyển sách được Hoàng-Thượng ngự-lâm và ban khen Ngày 4 octobre 1933.

Bộ Quốc-dân Giáo-dục công-nhận là quyển sách soạn có phương-pháp có thể giúp ích cho học trò các trường về khoa quốc-văn. (Ngày 22 septembre 1933).

Nha Học-Chính Đông-Pháp đã duyệt-y làm sách giáo-khoa để luyện quốc-văn cho các học-trò lớp nhất và lớp nhì các trường Pháp-việt Đông-dương. (Ngày 1er septembre 1933).

Mới in lần thứ ba giá bán . . . . . **0$60.**

Editions Nam-Ký

CHƠI-XUÂN GIÁP-TUẤT

Chỉ còn 25 hôm nữa thì đưa nhà in, thể-tài khác hẳn mọi năm, mỗi quyển có phụ thêm một bức hình rất đẹp. Các độc-giả xa gần chờ tới xem, hay mua làm quà biếu tết vừa lành vừa nhã, mỗi quyển 0$30 thứ đặc-biệt 1$00 độc-giả mua thứ tốt xin viết thư về trước cho tiện việc in.

Thơ văn TRẦN-TUẤN-KHẢI

VỚI SƠN-HÀ

Nay mai sẽ xuất-bản

■

THẠCH-ĐẦU-HỒN

Ông Trần-tuân-Khải dịch

Truyện Tầu rất hay mỗi số **0$05** 20 số **1$00**

Ai muốn mua gửi thơ cho dịch-giả 38 phố Hàng-Tre Hanoi

◆◇◆◇◆◇

NAM-KÝ THƯ-VIỆN

Aux galeries du Crédit-foncier

RUE PAUL-BERT — HANOI

Các sách chữ Pháp, chữ Hán, chữ Việt, độc-giả muốn cho, muốn gửi, muốn bán, Thư-viện chúng tôi xin thâu nhận cả.

Sách muốn cho thư-viện.

Bất cứ sách in hay sách viết thuộc về loại chữ Hán, chữ Pháp, chữ Việt. Nếu ngài nào có lòng đem cho, thư-viện rất cảm-tạ và hoan-nghinh. Các độc-giả đã cho sách, sẽ có được hưởng lợi-quyền xứng-đáng và cách thâu sách rất phân-minh.

Ví-dụ, sách chữ Pháp theo giá tiền in (Prix marqué) trừ 50 % hoặc 60%. Sách Quốc-văn tính trừ đi 60%, hoặc 70% còn sách chữ Hán định giá 10 quyển 1$00. Số sách nhiều ít thư-viện thâu nhận xong, sẽ chiếu số tiền, mà biểu cái giấy mượn sách (Carte de Prêt) hạn dài vắn tùy theo số tiền nhiều ít.

Sách gửi thư-viện giữ hộ.

Các thứ sách mà độc-giả không thể cho, hay không bán được, thì thư-viện cũng có nhận gửi giữ hộ, để bầy ở thư-viện. Duy hạn gửi chia ra làm hai hạng : hạng gửi dài hạn, trên 3 năm mới lấy về, thì sẽ theo giá tiền trừ đi 60 %, và tùy theo giá tiền mà biểu giấy mượn sách (Carte de Prêt), còn hạng gửi dưới 3 năm thì không có biểu giấy mượn sách.

Sách muốn bán cho thư-viện.

Các thứ sách muốn bán cho thư-viện, đều tùy theo giá-trị của sách mà định giá, không để thiệt cho người bán. Duy những sách chữ Hán, trừ ra những pho sách nào mà thư-viện cần phải mua đến, thì định giá riêng theo giá-trị sách. Còn các thứ khác đều tính một giá mua cân, giá là 0 $ 70 10 cân tây (10 k), 7 $ 00 trăm cân tây (100k).

Chủ bán muốn lấy tiền ngay, hay lấy giấy mượn sách (Carte de Prêt), sẽ tùy châm-chước.

Sách thư-viện cần phải mượn.

Những sách gì thư-viện thiếu dùng cần muốn mượn, sẽ xin đăng báo, hoặc có thơ riêng cho các độc-giả cùng biết. Những sách cho mượn, chép xong sẽ trả lại, và có biểu một cái (Carte de Prêt) theo giá tiền quyển sách đó.

Các tranh-ảnh có quan-hệ đến lịch-sử nước nhà, nếu ai có lòng cho, hay gửi bầy tại thư-viện, xin vui lòng thâu nhận cả.

Hiện thư-viện có 8.000 quyển sách chữ Pháp, mỗi năm sẽ định tăng lên 1 vạn nữa. Và đang sửa soạn thêm các sách quốc-văn làm thư-viện cho phụ-nữ nhi-đồng ;

Giá tiền mượn sách.

Người bản-xứ			Người ngoại-quốc		
1	tháng	0 $ 60	1	thang	1 $ 00
3	—	1 60	3	—	2 50
6	—	3 00	6	—	5 00
1	năm	6 00	1	năm	10 00

NAM-KÝ THƯ-VIỆN KÍNH-CÁO

Cảm-tình quan Toàn-quyền đối với Nam-ký Thư-viện (1)

LE GOUVERNEUR GÉNÉRAL
DE
L'INDOCHINE

Hanoi le 13 Septembre 1933

Monsieur,

J'ai bien reçu votre lettre du 31 Août 1933 par laquelle vous m'avez transmis une carte de prêt pour la Librairie Générale Nam-Ky.

En vous remerciant de votre bonne attention, je forme les voeux les meilleurs pour le succès d'une entreprise qui est appelée à contribuer au développement de la Culture française dans la Colonie.

Veuillez agréer, Monsieur, l'assurance de ma considération très distinguée./.

P. Pasquier

Monsieur le Directeur de la
Librairie générale NAM - KY

HANOI

Lược-dịch ra Quốc-văn

Hanoi, le 13 septembre 1933.

Thưa ngài,

Tôi đã nhận được bức thư ngài viết cho tôi, đề ngày 31/8/33 và một tờ thiệp mượn sách ở Nam-Ký Thư-Viện, ngài đã luôn thể gửi kèm vào đó.

Đối với cái nhã-ý của ngài, tôi xin cảm-tạ. Tôi vui lòng chúc cho ngài chóng được thành-công trong cái việc ngài đang tiến-hành, vì việc đó giúp ích cho nền Pháp-học ở xứ thuộc-địa này.

Ngài cứ tin rằng tôi đối với ngài vẫn sẵn lòng mến-cảm.

Nay kính :
P. PASQUIER.

(1) Sau khi Nam-ký thư-viện thành-lập, được các báo chí Tây Nam tỏ lời hoan-nghinh và nhận được rất nhiều thơ của các đồng-chí xa gần gửi về khuyến-khích. Đồng thời lại nhận được ba bức thư : của quan Tổng-chưởng học-chính Đông-Dương, của quan đốc-học trường Trung-học (lycée Albert-Sarraut), và nhất là bức thư của quan Toàn-quyền gửi đến, khiến cho Thư-viện càng phấn-khởi tinh-thần mà cảm-động về tấm lòng đại-lượng của một vị chúa-tể Đông-Dương. Nhân vậy, xin đăng nguyên-văn bức thư lên đó và lược dịch để tỏ lòng cảm-tạ.

N.-K.

Võ phi Hùng, Cựu HS Petrus Ký, 67-74
gởi tặng Kho sách xưa của Quán Ven Đường